



NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ◆ **PHẬT GIÁO, DÂN TỘC VÀ NHÂN LOẠI** (HT. Thích Tín Nghĩa), trang 1
- ◆ **TÌM HIỂU VỀ ĐẠO PHẬT** (Cs. Đông Phương – Mai Lý Cang), trang 2
- ◆ **VÔ MÔN QUAN** (thơ Huệ Trần), trang 2
- ◆ **ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN LẦN III, NHIỆM KỲ I...** (Trần Quang Thuận), trang 3
- ◆ **NGỌC MINH CHÂU** (thơ Thích Nữ Viên Quang), trang 3
- ◆ **QUAN NIỆM SỬ HỌC CỦA DUY THỨC**, tt. (HT. Thích Thắng Hoan), trang 4
- ◆ **CHÙM THƠ NHỎ** (thơ Tuệ Sỹ), trang 4
- ◆ **QUYẾT NGHỊ CỦA ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN III** (GHPGVNTN HOA KỲ), trang 5
- ◆ **BÀI CA SÔNG DỊCH** (thơ Vũ Hoàng Chương), trang 5
- ◆ **THÉ ĐỘNG CỦA VĂN HÓA** (Trần Kiêm Đoàn), trang 6
- ◆ **THƠ, MỖI KHI** (thơ Khánh Minh), tr. 6
- ◆ **TRÍ TUỆ: SINH MỆNH CỦA ĐẠO PHẬT** (Đào Văn Bình), trang 8
- ◆ **MÂY XANH, VỎ ĐÈ** (thơ Huyền Vũ), tr. 8
- ◆ **THỨC DẠY ĐI TUỔI TRẺ VIỆT NAM** (thơ Bạch Xuân Phê), trang 9
- ◆ **BẢN LÊN TIẾNG VIV TỎ XÂM LẤN LÃNH HẢI VIỆT NAM TẠI BIỂN ĐÔNG** (GHPGVNTN Liên Châu), trang 10
- ◆ **TRÁ TA SÔNG NÚI** (Mặc Giang), tr. 10
- ◆ **XIN CỨ MÃI BÌNH MINH** (thơ Dương Kiều Nhi), trang 11
- ◆ **PHÁI ĐOÀN GHPGVNTN LIÊN CHÂU CỨU TRỢ THIÊN TẠI NHẬT BẢN** (Đỗ Thông Minh), trang 12
- ◆ **SỰ RƠI CỦA LÁ** (TN Giới Hương), tr. 13
- ◆ **PHẬT GIÁO VN HẢI NGOẠI TỎ CHỨC TRÁI ĐÀN SIÊU ĐỘ TẠI NHẬT** (Thích Minh Dung), trang 14
- ◆ **AN CƯ KIẾT HẠ** (Tâm Minh – Vương Thúy Nga), trang 15
- ◆ **HÌNH ẢNH AN CƯ KIẾT HẠ TẠI PHV QUỐC TẾ** (hophap.net), trang 16 & 17
- ◆ **TIẾNG HÁT CỦA DÒNG SÔNG** (Huệ Trần), trang 19
- ◆ **LỜI NGUYỆN CẦU** (thơ Quang Huệ Thiện), trang 19
- ◆ **TƯỜNG NIỆM 48 NĂM BÔ-TÁT QUẢNG ĐỨC VỊ PHÁP THIẾU THẦN** (Việt Báo), trang 20
- ◆ **LỬA TAM MUỘI** (HT. Thích Thắng Hoan), trang 20
- ◆ **BÍ MẬT CỦA THIÊN SỬ** (Chiêu Hoàng), trang 21
- ◆ **ĐA NGHI ÁY BỆNH PHẠM PHU...** (Tịnh Minh soạn dịch), trang 21
- ◆ **ẢNH HƯỞNG ĐẠO PHẬT TRONG THƠ HÀN MẠC TỬ** (Quách Tấn), trang 22
- ◆ **CHÓN AN, DỪNG TAY BÚT...** (thơ Quách Tấn), trang 22
- ◆ **QUYỀN LỢI CỦA THÚ VẬT THEO QUAN ĐIỂM ĐẠO PHẬT** (Trăng Linh Thửu dịch), trang 23
- ◆ **NỬA GIÁC MỘNG HUYỀN** (thơ Vĩnh Bình), trang 23
- ◆ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 24
- ◆ **BẦY BƯỚC THĂNG TRẦM** (Thích Nữ Trí Hải), trang 25
- ◆ **KHI MÙA HẠ ĐẾN** (Lam Khê), trang 25

PHẬT GIÁO, DÂN TỘC VÀ NHÂN LOẠI

Diễn văn Khai mạc Đại Hội Thường Niên lần thứ III, nhiệm kỳ I (2008-2012) của GHPGVNTN Hoa Kỳ

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Kính bạch chư tôn Trưởng Lão, Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni,

Kính thưa quý quan khách, đại diện các đoàn thể, tổ chức, cơ quan truyền thông báo chí,

Kính thưa quý đồng hương Phật tử, Thay mặt Ban Tổ Chức, chúng con xin thành kính tri ân chư tôn Trưởng Lão, Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni đã hoan hỷ quang lâm chứng minh và tham dự Đại Hội. Chúng tôi cũng xin tán thán và cảm tạ sự hiện diện quý báu của quý quan khách, các cơ quan truyền thông báo chí, quý đồng hương Phật tử và quý Đại Biểu đến tham dự Lễ Khai Mạc cũng như ngày Đại Hội.

Trong Đại Hội Thường Niên lần thứ 3 năm nay, GHPGVNTNHHK đã cảm nhận được sự mất mát to lớn khi vắng bóng Cố Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Trí Chơn, Đệ Nhất Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành. Hôm nay, Giáo Hội sẽ long trọng cử hành Lễ Bách Nhật cho Ngài. Trong giây phút trang nghiêm và trọng đại của Lễ Khai Mạc Đại Hội, chúng tôi xin chư tôn đức và quý liệt vị dành một phút mặc niệm để tưởng nhớ đến công hạnh cao dày mà Cố Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Trí Chơn đã cống hiến cho đạo pháp, dân tộc và Giáo Hội.

Kính bạch chư tôn đức,
Kính thưa liệt quý vị,
Cách nay hai mươi sáu thế kỷ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện ra đời không ngoài mục đích giải khổ cho muôn loài chúng sinh bằng con đường chứng ngộ đạo quả Bồ Đề. Quả vị Bồ Đề là mục tiêu tối thượng để thành tựu giác ngộ và giải thoát. Chỉ có giác ngộ và giải thoát mới chấm dứt rất ráo khổ đau triền miên của sinh tử luân hồi và nghiệp lực do chính chúng sinh tạo ra. Đức Phật dạy cách thức hữu hiệu nhất để giải thoát phiền não đau khổ là chuyển hóa nghiệp lực bằng con đường thực hành tinh tấn Giới, Định và Tuệ. Đó không những là pháp môn giải khổ cho cá nhân mà còn là phương thức để kiến tạo hòa bình và an lạc cho gia đình và cộng đồng xã hội.

Chính giáo pháp vi diệu mang lại lợi lạc vô biên mà Đức Phật chỉ dạy đó đã làm cho đạo Phật có sức thu hút mãnh liệt đối với nhân loại ở mọi thời đại và làm cho đạo Phật ngày càng phát triển sâu rộng trên thế giới này.

Trong ý nghĩa đó, chúng ta cần nhận chân một sự thật nền tảng là các tổ chức Phật Giáo mà trong đó có GHPGVNTNHHK phải đóng đúng vai trò là một cơ chế phương tiện để làm tròn nhiệm vụ truyền bá Chánh Pháp của đức Phật đến mọi tầng lớp dân chúng hầu giúp họ đạt thành lợi ích thiết thực trong việc giải thoát khổ đau và kiến tạo cuộc sống an lạc, hòa bình qua con đường tu tập Giới, Định và Tuệ. Có làm tròn được sứ mệnh đó một cách cụ thể và lợi lạc thì Giáo Hội mới thực sự làm chỗ quay về nương tựa để thu hút quần chúng Phật tử và ngày càng phát triển lớn mạnh. Giáo Hội phải lấy thành quả lợi ích thực tế mà mình cống hiến cho nhân quần xã hội làm thước đo cho sự thành công và phát triển, không phải dựa vào hình thức to lớn cổng kèn của cơ cấu tổ chức và danh tướng bề ngoài.

Chính vì thế, chúng tôi kính mong chư tôn đức tăng, ni và quý đại biểu tham dự Đại Hội vận dụng nguyên lực, trí lực và tâm lực để cùng nhau thảo luận và đề ra các công tác Phật sự cụ thể, thiết thực và khả thi giúp Giáo Hội triển khai toàn diện khả năng của mình trong nhiều lãnh vực như hoằng pháp, văn hóa, giáo dục, nghi lễ, tăng sự, cư sĩ, thanh niên, từ thiện xã hội, v.v... để góp phần vào việc xây dựng và phát triển cộng đồng Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ.

Kính bạch chư tôn đức,
Kính thưa liệt quý vị,
Ngày nay, nhân loại, mà đại biểu là tổ chức Liên Hiệp Quốc, đã nhận thức được rằng giáo lý từ bi và trí tuệ của Đức Phật là giải pháp thích ứng nhất để chuyển hóa những bất an, tranh chấp, cuồng tín, vị kỷ và thù hận đã và đang gây ra tai họa không lường cho con người. Chính vì thế, Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc đã ra Nghị Quyết ngày 12 tháng 11 năm 1999 công nhận giáo lý từ bi và trí tuệ của đạo Phật, mà tiêu biểu là tinh thần hòa bình, là di sản quý báu của nhân loại cần được giữ gìn và tuyên dương, qua việc Tổ Chức Đại Lễ Vesak hằng năm trên thế giới.

Phật Giáo Việt Nam trên hai ngàn năm qua cũng đã thừa tiếp tinh hoa của giáo lý từ bi và trí tuệ mà đức Phật khai mở và chư tổ truyền trao để ứng xử một cách lợi lạc trong công cuộc hoằng dương Chánh Pháp, góp phần dựng nước và giữ nước. Trong suốt hơn hai ngàn năm có mặt trên quê hương Việt Nam, Phật Giáo Việt Nam chưa bao

giờ vì lợi ích riêng tư của mình mà quay lưng lại với dân tộc. Cho nên, trong những trang sử vẻ vang và kiêu hùng của lịch sử Việt Nam, có hình ảnh rực sáng của chư vị tăng ni và cư sĩ Phật tử, nào là các thiền sư như Vạn Hạnh, Pháp Thuận, nào là các minh quân như Lý Công Uẩn, Trần Nhân Tông, nào là các danh thần như Nguyễn Trãi, Ngô Thời Nhậm, nào là các chí sĩ anh hùng như Lý Đông A, Võ Trứ, Trần Cao Vân, v.v... còn nhiều và nhiều lắm không làm sao kể hết.

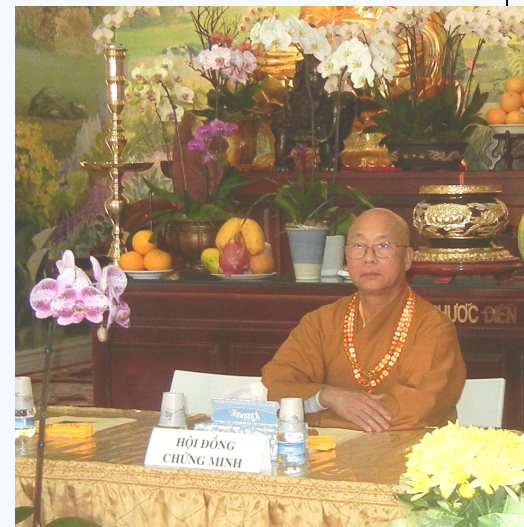
Với sự gắn bó trong sứ mệnh dựng nước và giữ nước giữa Phật Giáo và dân tộc Việt Nam qua suốt chiều dài lịch sử như vậy, ngày nay đứng trước thảm họa xâm chiếm lãnh hải và lãnh thổ Việt Nam của Trung Quốc, không cho phép người Phật tử Việt Nam chúng ta ngoảnh mặt làm ngơ mà phải mạnh mẽ lên tiếng phản đối chính sách xâm lăng và thù địch của chính quyền Cộng Sản Trung Quốc, đồng thời kêu gọi chính quyền Cộng Sản Việt Nam phải có ý thức và hành động thích đáng để bảo vệ giang sơn tổ quốc mà bao đời ông cha chúng ta đã dày công tạo dựng.

Xin thành tâm cầu nguyện cho đất nước và dân tộc Việt Nam sớm thoát khỏi thảm nạn xâm lăng của ngoại bang và có được cuộc sống tự do, dân chủ và thịnh vượng thực sự. Xin chí thành cầu nguyện cho những nạn nhân thiên tai trong năm vừa qua trên khắp thế giới, đặc biệt tại Nhật Bản, được ân triêm công đức. Xin nhất tâm cầu nguyện chư Phật gia hộ cho Đại Hội được thành tựu viên mãn.

Trong niềm tin kiên cố vào sự phát triển vững mạnh của Giáo Hội, chúng tôi xin long trọng tuyên bố khai mạc Đại Hội Thường Niên lần thứ 3, Nhiệm kỳ I của GHPGVNTNHHK.

Trân trọng cảm ơn và kính chào chư tôn đức cùng liệt quý vị.

Quyền Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành
GHPGVNTNHHK,
Sa môn Thích Tín Nghĩa



Tổng quan

TÌM HIỂU VỀ ĐẠO PHẬT

Cư-sĩ Đông-Phương MAI-LÝ-CANG

Nếu chân lý tuyệt đối của con người là sự cảm nhận được qua mọi nguyên nhân đau khổ của muôn loài trên mặt đất, thì triết lý của đạo Phật, từ lâu, quả là một hệ thống giáo dục tư tưởng thực tiễn nhằm đào tạo cá tính con người đi lên vào một thế giới hài hòa, an lạc, thái bình và hạnh phúc.

Thực vậy, như một lâu đài ánh sáng soi đường cho tất cả chúng sinh không phân chia ranh giới, đạo Phật đã phá tan được những nghi ngờ và làm sáng tỏ ý nghĩa của chân lý tinh diệu, được thể hiện ra trong mọi hành động phán đoán bằng trí tuệ của con người.

Đó là ý thức tư tưởng tự do của Phật-Giáo đồ.

Với quan niệm tôn giáo phải làm gì cho con người trong cuộc sống, đạo Phật thủy chung không bỏ lỡ mọi cơ hội để khuyên nhắc người Phật-tử đừng vô tình mà đánh mất đi giá trị tinh thần căn bản theo đạo của mình bằng mọi sự mù quáng, mê tín, thiếu ý thức tư tưởng tự do vốn là sức sống cần thiết của mỗi cá nhân.

Sự lựa chọn tự do trước khi có quyết định ấy, nếu là sáng suốt, thì nó phải đương nhiên chấp nhận mọi sự khám phá ra những điều bí ẩn về cuộc đời, như nguyên nhân chính của sự - *đau khổ và hạnh phúc* - mà Đức Phật, một con người thực tế đã vẹn toàn giác ngộ về chân lý.

Ý nghĩa sâu xa, thâm thúy đó đã được dịp chứng minh rằng nền tảng triết lý của đạo Phật vốn không phải là một học thuyết siêu hình hay nghi thức, thiếu công dụng thực tế để không thể đáp ứng lại được với những nguyện vọng, nhu cầu khao khát của chúng sanh. Ngược lại, nó trực diện đòi hỏi cụ thể ở nơi người tín đồ cần thiết phải có được những đức tính, thái độ gần gũi như là một điều kiện tiên quyết để phấn khởi tinh thần và sẵn sàng nhập cuộc bắt đầu sống theo đạo lý.

Đó là lòng can đảm.

Phải can đảm hứng nhận mọi trách nhiệm về quyền năng thưởng phạt của cuộc đời, là do chính mình tự tạo ra sự đau khổ hay hạnh phúc. Do vậy, những gì mà khẳng định nhất quyết cho rằng, mọi khổ đau và hạnh phúc này, là do bởi tội lỗi hay phước báu của gia tiên để lại, thì đều hoàn toàn có phần trái với ý thức hoán cải nhân duyên, tạo lại nghiệp quả đúng theo trong thuyết nhân quả của Thích-Ca Mâu-Ni. Vì rằng những người dày công tu tập thực hành lý thuyết của đạo Phật mà qua bao nhiêu năm nghiên cứu về pháp điển này, họ đều nhận thấy rõ ràng hơn ai hết là cái vòng xích nhân quả quay tròn rất khó mà phân biệt được ở đuôi đầu. Và hoàn toàn cần phải có một sự kiểm chứng chính xác về chu kỳ, thời điểm, để có thể tìm hiểu ra được lúc nào được gọi là nhân, lúc nào được gọi là quả ở trong một cuộc đời sát na đầy tục lụy.

Trong định luật vô thường của vũ trụ, mọi sự vật ở trên cõi đời này tuy có khi tụ, khi tan, tuy nhiên, không phải vì thế mọi hành động đều trở nên vô phản ứng, để rồi phát sinh ra những kết thúc và hậu quả có tầm giá trị khác nhau. Đối với những bản tính xấu xa của con người như tham, sân, si v.v... Và chung cuộc, để rồi tất cả cùng bị đắm chìm vào trầm mê bể khổ, thì trong đời sống của một thế hệ sẽ không biết có bao nhiêu trạng thái tâm hồn đã được dịp nảy nở phát sinh, khi phải suy nghĩ nhiều về mọi sự chênh lệch trong mối tương quan bình đẳng và đồng đẳng của muôn loài chúng sanh.

Chính Đức Phật đã nghĩ ra ngay như vậy.

Cho nên, những ngày đầu tiên sau bao năm ẩn mình vào núi Tuyết trở về triều nội, Ngài đã không quên long trọng nói về ý nghĩa của một thông điệp, mà kinh điển trong pháp Tứ-Điều-Đế là những lời răn dạy đơn sơ, bình dị nhưng cũng lại là một kho báu triết lý cao siêu, hàm súc vô vàn ý nghĩa bao la vô cùng tận. Và ngày nay, chúng ta có thể nói chính do kinh pháp của đạo Phật đã mang đến mọi niềm cảm khái cho loài người một khi sàng lọc được tâm hồn để thành thời trở thành toàn thiện. Và chẳng, muốn thực hiện được điều này thì luân lý, triết học của đạo Phật chỉ mong sao tín đồ trước hết phải có ý nguyện phát tâm để cho lòng trong sạch, tâm không còn bị động loạn hầu lắng chìm mọi lớp bụi thời gian. Và phân biệt u minh hai nẻo chánh tà, để làm lành, lánh dữ, biết sử dụng phương tiện phát triển tinh thần trên con đường tu học chánh pháp.

Đi sâu vào quan niệm tự do khai phóng của đạo Phật, người Phật-tử thấy rằng giáo lý của am thiền hoàn toàn chấp nhận sự tôn trọng bản năng sáng tạo của mọi người trong cộng đồng nhân loại. Và lúc nào cũng mong muốn có những sự thỏa hợp, giải quyết thuận nhân sinh trong ý thức nhân quyền. Nhưng nếu những ai còn nghi ngờ, muốn biết rõ hơn về quan niệm này của đạo Phật ra sao thì hãy bình thản, thực tế nhìn vào đặc tính căn bản hiểu hòa, khoan dung và nhẫn nhục trong lời kinh kệ ở chốn thiền môn hằng ngày, ngay cả từ việc tránh sát sanh, dưỡng sinh kiêng cử đúng theo giới trai. Vì vậy, cho dù có được phê bình đến đâu đi nữa, thì người ta cũng vẫn không sao phủ nhận được về tầm ảnh hưởng quan trọng của giáo lý Bồ-Đề đã bén rễ, ăn sâu vào từng các tế bào trong đời sống làng mạc dân gian của con người từ hàng thế kỷ trôi qua.

Cũng trong ý nghĩa đó, người ta nhận thấy rõ ràng là - ngoài những bậc hành giả có đạo hạnh và đạo lực cao - thì người Phật-tử vẫn chính là người cầm chìa khóa để mở cửa đi vào mái nhà hạnh phúc của cá nhân mình, miễn là, biết tự chủ được bản ngã để tiến tới địa vị của một kiến trúc sư của tâm hồn, và có thể làm

đổi thay định mệnh trong cuộc sống. Chính phương pháp thiền định đã giúp ích rất nhiều cho người Phật-tử lấy sự thanh tịnh chinh phục nội tâm trên con đường đi đến giác ngộ tìm chân lý. Và Niết-Bàn do vậy mà cũng được mở ra cho những con người có tâm hồn hướng thượng dễ dàng tìm thấy ở bất cứ lúc nào.

Điểm độc đáo của đạo Phật trong cuộc sống không phải vì được con người nể phục qua những lượng Hi-Xà, đức Từ-Bi mà chính vì trong lòng đặc tính căn bản, nguyên thủy của nó đã có nhiều giá trị siêu việt, thách thức cả khoa học vào những khái niệm của định luật vô thường trong vật thể.

Do đó, ngoài những danh từ tôn xưng Đức Phật trong tôn giáo, các nhà xã hội học, các sử gia trên thế giới hiện đại đều còn gọi Ngài là một nhà khoa học tiền bối, một nhà tâm lý học hoàn hảo của thế gian, xứng đáng để hướng dẫn Con Người làm một cuộc cách mạng tâm linh ở đời. Và như vậy, tưởng không có một danh từ nào có thể gọi ra, để cho đúng hết với ý nghĩa hơn là Bậc Đại-Sư vượt lên ranh của cái mốc giới hạn thời điểm không gian "*vạn thế sư biểu*". Lý do, vì Ngài là một đấng đã vẹn toàn giác ngộ tìm ra chân lý tuyệt hảo để lại đời đời cho hậu thế. Hơn thế nữa, chính nhân vật cao quý đó, con người ung dung tự tại đó, nhà làm cách mạng tâm linh có tầm cỡ đó mà lại luôn luôn lúc nào cũng chỉ muốn thành thật khiêm nhường khi nói:

... chúng sinh là Phật sẽ thành.

Đúng! Ngài là một người đầy tớ khiêm tốn và cao thượng nhất của loài người. Và Ngài đã không ngần ngại vén bức màn u minh của nghi trường thế gian để cho thấy cuộc thương lượng, hay nói cho đúng hơn, là cuộc tranh chấp giữa ánh sáng và bóng tối phải được phân minh thắng bại, khi trí tuệ của con người đã biết phân xét mọi tốc độ vận hành của bánh xe chánh pháp chuyển luân, mà người ta không phải đơn thuần

nhìn thấy để tin theo. Ngược lại, phải thí nghiệm, thực hành để nhìn nhận mọi kết quả cụ thể nhân tiên...

Thử nhìn lại nhiều sự kiện hóa thân của Đức Phật sau khi Ngài tịch diệt mà không phân biệt ở bất cứ ở bất cứ quốc gia nào cho dù là ngay cả Tây-Tạng, Ấn-Độ hoặc Trung-Quốc v.v... Sự hóa thân ấy nếu không là do ở tấm lòng sùng kính vô vàn của người Phật-tử trước tấm gương trong sáng của Đức Cao-Dày, thì cũng còn là do ở những sự ứng nghiệm linh thiêng của kho tàng pháp điển, đã được tìm thấy thực tế từ thuở sơ khai trí tuệ của con người cách đây chừng hai mươi lăm thế kỷ, cho đến ngay cả thời kỳ văn minh tột độ của ngày hôm nay. Với mục đích toàn thiện là khuyên nhủ con người hãy tự chế mọi khoái lạc trần gian, để tìm về sinh lộ hạnh phúc. Giáo lý nhà Phật đã nói đến rất nhiều về ý nghĩa của giọt sương tan trên ngọn cỏ bông, để gây ý thức cảnh tỉnh nhân sinh trước cuộc đời Sắc Không suy thịnh. Vì rằng cho dù nếu có sùng sững hiên ngang bốn mùa tuyết phủ như rừng Hy-Mã-Lạp-Sơn, hay như cảnh liễu mềm đu đưa trước gió, thì cũng phải đều ngã mũ chào thua trước sức mạnh ý chí của con người. Ý chí đó là tấm lòng thủy chung sùng đạo để tạ ơn bậc Đại-sư sáng lập, mở khai chân lý của ánh đạo vàng.

Chính đạo Phật đã giúp cho mọi sự liên hệ giữa con người (*viết hoa*) trong cuộc sống được thăng bằng, và thể hiện qua tinh thần hòa ái, bao dung. Riêng đối với cá nhân thì tôi luyện được ý chí can đảm, gột rửa được những nỗi khổ đau, sợ hãi, lo âu, mất tính tự chủ, xoa dịu được nhiều cho những tâm hồn phiêu muộn. Tác dụng của tình thương bao la qua lòng Từ-Bi, Hi-Xà vô bờ bến đó đã làm cho hầu hết mọi người, dù có đạo hay không theo đạo, cũng đều nhiệt tâm ra sức đón chào với một niềm hoan hỷ tột độ và đồng thanh tôn kính Đức Thế-Tôn như là một bậc đại hiền tài, một vị lãnh tụ tôn giáo tối cao của lịch sử nhân loại.

Vô Môn Quan

*Cửa không cánh cửa
Chưa bước vào mà như đã ra
Ngoài hay trong?
Ngẩn ngơ tâm động
Vô hình vô tướng vẫn hiện rõ
Gương trong,
Nẻo chánh, đường tà
Đạo như trời đất, vận hành mang mang.
Lặng thinh Dững mảnh
Rạt rào thơm ngát Kim Cang
Gươm Bát Nhã
vô thanh mà nổi gió
Cây rừng lay, lau sậy vô minh
Lúa trí tuệ, cháy bùng gỗ mục
Bụi người quá lớp tro than
Thấy cái-không-thấy,
Là thấy Vô Môn Quan.*



HUỆ TRÂN

June 23 2011

(Kính cúng dường buổi học đề tài "VMQ")



ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN KỲ 3, NHIỆM KỲ I CỦA GHPGVNTN HOA KỲ, TỔ CHỨC VÀO NGÀY 17, 18/6/2011 TẠI PHẬT HỌC VIỆN QUỐC TẾ, NORTH HILLS, CALIFORNIA

Trần Quang Thuận

Tôi nhận được thư mời tham dự Đại Hội Thường Niên lần thứ 3, nhiệm kỳ I được tổ chức tại Phật Học Viện Quốc Tế ngày 17 và 18 tháng 6 năm 2011. Mang một tâm trạng không mấy phần khởi vào trong hội trường thấy vắng bóng nhiều thành viên của Hội Đồng Giáo Phẩm và Hội Đồng Điều Hành làm cho tôi thêm chao đảo nhưng sau phút nhập tử bi quán, sau Đạo Từ của Hòa Thượng Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm và Diễn Văn Khai Mạc của Hòa Thượng quyền Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành, tôi cảm thấy phấn khởi, vững tin vào tương lai xán lạn của Giáo Hội.

Trong Đạo Từ, Hòa Thượng Thích Thắng Hoan, Chánh Văn Phòng Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ nhắc nhủ Đại Hội vào hai điểm:

1.- Đừng thấy khó khăn mà nản lòng. Ngài cổ vũ, khuyến khích, xem những khó khăn, trở ngại mà Giáo Hội đã trải qua như là nghịch tăng thượng duyên của những người nguyện đi ngược dòng sinh tử.

2.- Đồng thời ngài cũng lưu ý Đại Hội đến cơn giông tố bão bùng mà tổ quốc Việt Nam, dân tộc Việt Nam có thể phải hứng chịu trong những ngày sắp đến qua biến động gần đây tại Biển Đông và dọc theo nguồn sông Mekong huyết mạch. Tâm tình sắt son gắn bó giữa Phật Giáo Việt Nam và vận mệnh dân tộc được Hòa Thượng Chánh Văn Phòng chuyển đạt là chất xúc tác khiến cho toàn thể tham dự viên Đại Hội tích cực hơn nữa, hăng say hơn nữa trong sứ mạng hộ quốc, hộ đạo.

Hòa Thượng cổ vũ hoan hỷ và tin tưởng, cứ vui lên đừng ngã lòng. Nghe một Hoà Thượng Trưởng Lão 80 tuổi khuyên Đại Hội hoan hỷ, tin tưởng làm cho mọi người phấn khởi. Nghe Hoà Thượng bày tỏ tâm tình của mình đối với quê hương với Giáo Hội làm mọi người thêm gắn bó.

Trong bài Diễn Văn Khai Mạc Đại Hội, Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa, quyền Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành, lưu ý Đại Hội về 6 trọng điểm:

1. Hòa Thượng nói đến sự mất mát lớn lao của Giáo Hội qua sự ra đi của cố Hòa Thượng Thích Trí Chơn, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ. Đây là điểm quan trọng. Giáo Hội luôn luôn ghi nhớ công đức của các bậc tiền bối, của chư tổ đem Phật Pháp vào lòng đất Việt, của Hòa Thượng Thích Quảng Đức trong công cuộc vận động bình đẳng tôn giáo, của Tăng Ni Phật Tử trong công cuộc duy trì, phát triển đạo. Lòng tri ân phải luôn luôn luôn đứng vào hàng

đầu, là nền tảng cho mọi hoạt động Phật sự. Uống nước nhớ nguồn, lòng dạ lòng không thể chênh mảng.

2. Tinh thần chuyển hóa của Phật Giáo. Sức mạnh của Phật Giáo là chuyển hoá chứ không phải đối đầu. Hòa bình nhân loại dựa vào chuyển hóa chứ không phải đối đầu. Tiếng nói của tử bi, của trí tuệ là tiếng nói cổ hữu của Phật Giáo. Không vì một lý do gì mà ta để cho chao đảo, lệch hướng.
3. Tổ chức là một phương tiện chuyển hóa. Đã là phương tiện chứ không phải cứu cánh nên không bao giờ chấp nhất mà phải uyển chuyển, vận dụng nguyên lực, trí lực, tâm lực để thực hiện mục tiêu của Giáo Hội. Phật dạy: "Nếu lấy sắc tướng để thấy ta, hoặc dùng âm thanh cầu biết ta, người như thế là tu tà đạo, không thể nào thấy được Như Lai." (Kinh Kim Cang)
4. Tử bi và trí tuệ là phương thức hữu hiệu nhất để giải quyết mọi xung đột, mâu thuẫn. Mọi hành động của người con Phật phải dựa vào lòng tử bi, vui cái vui của thiên hạ và buồn cái buồn của thiên hạ, không sung sướng trong cái đau khổ của kẻ khác.
5. Sự liên hệ mật thiết giữa Phật Giáo và lịch sử dựng nước, giữ nước của Việt Nam không cho phép chúng ta làm ngơ trước sự nguy biến của đất nước, dân tộc.
6. Hòa Thượng quyền Chủ Tịch kết luận bài Diễn Văn Khai Mạc Đại Hội bằng lời cầu nguyện cho nước Việt Nam, cho thế giới vượt qua mọi thiên tai, nhân họa, nên lời đạo lý tưởng duyên cộng sinh, cộng tồn; đạo lý nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất của Phật Giáo.

Bài Diễn Văn tuy ngắn, nhưng súc tích, vạch rõ bản nguyện, hướng đi và phương thức hành hoạt của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ. Trong hai ngày họp, Đại Hội đã tích cực tham gia bàn thảo, đưa ra những chương trình hoạt động dựa vào hướng đi vạch sẵn, làm thế nào để có thể duy trì, củng cố, phát triển Giáo Hội. Điều này cần đến mọi bàn tay, mọi thể hệ già cũng như trẻ. Điều này cần đến sự đóng góp của mọi thành phần Tăng, Ni cũng như Cư Sĩ; làm thế nào để tinh thần tử bi, trí tuệ, bao dung, hài hòa, dung nạp của Phật Giáo được phát huy, được thể hiện trong mọi sinh hoạt của Giáo Hội; làm thế nào để Tăng Già sống an tịnh trong hòa hợp, trong truyền thống bổn tât, tự tứ như giới luật Phật chế.

Hơn thế nữa, sau khi tìm thấy được những ý nghĩa của mục tiêu trên con đường Trung-Đạo của Phật-pháp đi qua, thì mọi người còn cần nhắc thêm rằng, đây là một tôn giáo có mặt lâu đời nhất trong hành tinh, có thành tích phát triển tinh thần song hành với nền văn minh khoa học ở chiều sâu quá trình lịch sử. Một tôn giáo có khả năng phân tích bản chất thực sự của tâm thức con người như đạo Phật, cho đến ngày hôm nay, mà học thuyết thăng hoa của nó lại còn là một thứ bức tường đồng lý luận sắc bén, chứng minh, thì đủ hiểu thế nào là cái giá trị thực tế của một tôn giáo duy nhất trên quả địa cầu này đang trực diện trước mọi khái niệm tiến hóa hiện đại của con người được kết luận coi như là hoàn hảo.

Và như vậy, dù thật khó để mà đặt vấn đề phải lựa chọn giữa tôn giáo và khoa học để làm lẽ sống, nhưng một khi trong nội dung của lẽ đạo đã sẵn có khoa học tính rồi, thì chắc chắn, người tín đồ sẽ không bao giờ còn ngần ngại trước ngã hai đường. Họ sẽ đòi hỏi phải có một sự bổ sung trên căn bản hợp lý, để hầu xây dựng con người hướng tiến lên về một đời

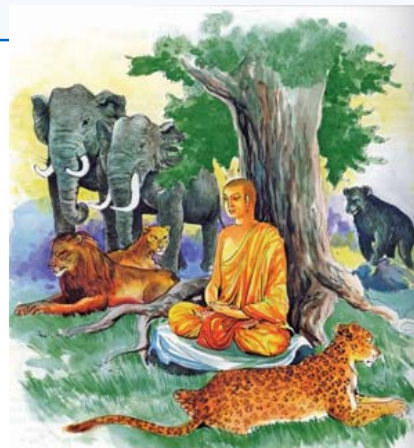
sống kiện toàn, cao cả hơn.

Tóm lại, cứu cánh của đạo Phật là nhằm mục đích giải thoát tối hậu con người ra khỏi vòng u minh, đen tối, để giác ngộ và cùng hưởng mọi sự an lạc, hạnh phúc của tâm hồn. Và nền tảng triết lý của đạo Phật còn là một môi trường thuận tiện, để cho mọi điều Thiện được dịp phát sinh, không những cho mình mà còn giúp được người đời giảm thiểu ít nhiều đau khổ. Tin mừng đó đã được người Phật-tử khắp nơi bấy giờ chấp nhận trong tinh thần tự do của trí tuệ sau những thì giờ gặm nhấm, suy tư bên cạnh lời kinh, câu kệ ở cửa thiền.

Ngày nay, hầu hết Phật-giáo đồ ở khắp các nơi trên thế giới đều có một trình độ khá cao về pháp điển. Vì thế, tính chất và ý nghĩa của đạo Phật cũng đã được phơi bày một cách công khai và thành thực để cho tất cả mọi người cùng hiểu rằng:

- Chúng ta là kết quả của những gì mà chúng ta đã làm, và sẽ là hậu quả của những gì mà chúng ta đang hiện hữu.

Cư-sĩ Đông-Phương MAI-LÝ-CANG



Ngọc Minh Châu

Phật dạy tư cách pháp sư

Bốn điều phải có rõ như thế này

"Hành xử" phải thật đủ đầy

Nhu hòa, nhẫn nhục, hiển bày tác phong

Bình đẳng, quán các pháp không...

Chẳng nên kính sợ, một lòng an nhiên

Quốc vương, vương tử, ni kiền

Ngoại đạo, Phạm chí không hiền chẳng thân

Giai nhân dù đẹp tuyệt trần

Không đủ tư cách chẳng gần làm chi

Tỳ kheo, bà tặc, bà đi...

Hạng người cầu quả chỉ vì Thanh Văn.

Bon người đâm chém hung hăng

Sống với nghề ác tưởng rằng là hay

Chẳng thân cận những người này

Thì "Thân cận xử" đủ đầy chẳng sai.

Sàng tòa thanh tịnh trong ngoài

An nhiên thuyết pháp hương bay khắp cùng

Chớ hí luận, chẳng buông lung

Chẳng nên nói ít, chẳng bung nói nhiều.

Tử bi có được bao nhiêu

Đều đem hồi hướng khắp nhiều chúng sanh

Đức Như Lai ấy cha lành

Chuyển Luân Vương nọ để dành minh châu.

Trong buổi tóc giữ trên đầu

Thường ban xứng đáng công hầu tướng binh

Có công dẹp giặc, hòa bình

Kinh Pháp Hoa ấy, dụ minh châu này.

Thọ trì, đọc tụng đêm ngày

Khai tri kiến Phật hiển bày pháp thân

Thành vô thượng đạo xuất trần

Công đức vô lượng muôn phần pháp sư.

Cảm tác nhân đêm tụng Pháp Hoa kinh. March 2011

THÍCH NỮ VIÊN QUANG



QUAN NIỆM SỬ HỌC CỦA DUY THỨC

Người giảng: **Pháp Sư PHÁP PHẪNG**

Người dịch: **THẮNG HOAN**

(tiếp theo kỳ trước)

CHƯƠNG III LỊCH SỬ PHẬT HỌC TRUNG QUỐC XEM DUY THỨC HỌC

D.- DUY THỨC HỌC VÀ TỊNH ĐỘ TÔNG:

Tịnh Độ Tông là một tông phái thuộc tín ngưỡng dân gian và tông phái này có thể lực rất lớn tại Trung Quốc. Từ xưa đến nay tông phái Tịnh Độ hoằng truyền không dứt. Tịnh Độ Tông được thành lập vào thời đại nhà Tấn và hiển đạt nhất từ khi ngài Huệ Viễn (334 - 416) thành lập Hội Liên Xã tại Lô Sơn. Tịnh Độ Tông tại Trung Quốc có thể nói khởi điểm từ đó. Ngài Huệ Viễn như sự loạn lạc tại Tương Dương cùng với ngài Đạo An mang đồ chúng tỵ nạn tại Lô Sơn và liền chấn hưng lại Phật Học Nam Triều. Ngài Huệ Viễn không những có địa vị trong Phật Giáo mà danh tiếng về đạo đức và văn chương của ngài có ảnh hưởng rộng lớn trong giới học thuật đương thời. Tại Lô Sơn, ngài một mặt tự mình nghiên cứu kinh giáo và đặc biệt là đề xướng học thuật Tỷ Đàm (1). Hơn nữa ngài cũng thông suốt ba Tạng Kinh của Tiểu Thừa và Bát Nhã. Ngoài ra, ngài lại còn đề xướng niệm Phật. Các bậc cao hiền ẩn sĩ đương thời như Lưu Quý Thị, v.v... cùng với các bậc xuất gia như Pháp Sư Phổ Tế, v.v... gồm tất cả là mười tám người cùng theo ngài chia nhau thiết lập từng xã Niệm Phật, gọi là Tịnh Độ Liên Xã. Tại Lô Sơn, mười tám vị này được gọi là Thập Bát Hiền và họ chuyên môn xiển dương Thiền Niệm Phật. Tịnh Độ Tông kể từ ngày thành lập trở về sau, nhờ Pháp sư La Thập dịch kinh A Di Đà, cho nên người ta theo và hành trì lại càng hưng thịnh.

Đến thời Triệu Tống, Tịnh Độ Tông và Thiền Tông bài xích lẫn nhau như nước với lửa và không thể tha thứ cho nhau được. Người tham thiền thì không chấp nhận niệm Phật và người niệm Phật cũng không hứa khả tham thiền. Thiền Tông có ra Thiền Quy: "Người nào nếu như niệm Phật một câu thì bị phạt gánh nước rửa Thiền Đường và phải súc miệng ba ngày". Cho thấy, tình hình nghiêm trọng giữa Thiền và Tịnh không thể dung hòa với nhau được.

Lúc bấy giờ, Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ đề xướng "Thiền Tịnh Song Tu" và dùng Tịnh Độ đánh vào môn đình của Thiền Tông. Thiền sư chủ trương, cốt yếu của người niệm Phật là tham thiền và cốt yếu của người tham thiền là niệm Phật. Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ lúc bấy giờ rất có tiếng tăm và cũng vì chủ trương Thiền Tịnh Song Tu cho nên môn như tín đồ theo Thiền sư rất đông (2). Theo Thiền sư, mình và mọi người đều là Thiền giả cũng nên cấp thiết thực hành niệm Phật. Thiền Tịnh

Song Tu có bốn khoa đơn giản làm phương châm và trong bốn khoa này, hai câu rất có danh tiếng là: "Có Thiền có Tịnh Độ, dụ như cọt mọc sùng" (3). Người tu hành nếu thực tập tăng cường thêm tín niệm và giải thoát. Nhờ sự đề xướng của Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ, Thiền Tịnh Song Tu được truyền thừa liên tục cho đến ngày nay. Cũng vì lý do trên, Thiền Tông Trung Quốc có thể nói trở thành một thứ Thiền biến hóa (Tham cứu chú thích 25).

Người học niệm Phật đều căn cứ theo lời giải thích của Di Đà Tịnh Độ: nên đọc Tịnh Độ Tam Kinh và nên xem các bộ luận trước tác có liên quan đến Tịnh Độ Tông. Tịnh Độ Tông chọn Tín, Nguyện, Hạnh làm căn bản và áp dụng Trì Danh Niệm Phật làm bí quyết cần thiết cho việc tu tập, nguyên vì Trì Danh Niệm Phật là pháp môn đơn giản dễ thực hành. Người bạn Ngô Duyên Hoàn thường hỏi: "Tín ngưỡng cho rằng, ngoài thế giới Ta Bà này có thế giới Cực Lạc tồn tại và trong đó có đức Phật A Di Đà. Như vậy đâu chẳng phải là ngoài Tâm có Pháp hay sao và nó sẽ tương phản với Duy Thức?" Lại hỏi thêm: "Người niệm Phật quyết định tín ngưỡng có cái ngã của Phật để niệm và có cái ngã để vãng sanh Tây Phương, như vậy đâu chẳng là có ngã chấp hay sao?"

Đáp rằng: "Tông này có cái nghĩa Duy Tâm Tịnh Độ". Cổ nhân nói rằng: "Sanh thì quyết định sanh, nhưng đi thì thật chẳng có đi." Di Đà ở đây tức là chỉ cho Tự Tánh Di Đà, Cực Lạc Quốc Độ cũng chẳng là nơi tâm mà có. Vô Lượng Thọ Phật Kinh lại nói: Cực Lạc Quốc Độ là do bốn mươi tám lời nguyện của đức Phật A Di Đà tạo thành. Trong đây tâm nguyện tức là chỉ cho Tâm và nhờ tâm nguyện nên mới được thành tựu tức là chỉ cho duy tâm tạo nên. Đúng thế, Tây Phương Tịnh Độ chính là do mọi người trong Tây Phương Tịnh Độ cùng nhau tạo dựng và nó không thể có ngoài tâm, cho nên lý này không tương phản với Duy Thức. Lại nữa người niệm Phật phải biết rằng, đức Phật A Di Đà đã phát bốn mươi tám lời nguyện và nhờ nương nơi những lời nguyện đó tu hành nên mới thành tựu được Cực Lạc Tịnh Độ.

Kết luận, Tây Phương Tịnh Độ là do tám Thức thanh tịnh của Phật và của các Bồ Tát, v.v... cùng nhau biến hiện. Người niệm Phật cầu về Tây Phương Tịnh Độ tất nhiên cũng phải có tâm lực của Tín, Hạnh, Nguyện hòa hợp với bốn mươi tám lời nguyện của đức Phật A Di Đà thì mới có thể vãng sanh và hưởng thọ được những điều khoái lạc nơi cõi Di Đà Tịnh Độ kia. Người niệm Phật không thể đơn phương chỉ nương tựa nơi năng lực của đức Phật A Di Đà mà tự mình được hưởng thụ những hiện quả ở cõi đó. Ngoài ra, người niệm Phật cũng phải thông suốt tất cả giáo nghĩa của Đại Thừa và của Tiểu

Thừa, như ngài Phổ Hiền của Hoa Nghiêm, như Đại Thế Chí của Lăng Nghiêm, v.v... các Đại Bồ Tát đều hồi hướng về Tịnh Độ. Các bậc Đại Tông Sư ở Trung Quốc là những kẻ phát nguyện vãng sanh đều minh giải giáo nghĩa thâm sâu, giác ngộ lý vô ngã, viễn ly các chướng ngại chấp trước và được vãng sanh. Họ sở dĩ nói có ngã chính là giả thuyết để cho thích hợp tùy theo chỗ tình cảm của chúng sanh, nhưng không phải chấp trước cho là có thật ngã. Và lại trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ (Thập Lục Quán Kinh), hành giả phải tu mười sáu pháp quán, quán đến khi nào Thế Giới Cực Lạc hiện ra trước mắt là thành công và chừng đó hành giả sẽ được vãng sanh. Vấn đề quán tưởng về mười sáu pháp nói trên trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ cũng là thể hiện lực lượng của Tâm! Nhân đây, hai chữ Duy Tâm trong câu "Nhứt thiết Duy Tâm" tức là chỉ cho nghĩa của Duy Thức vậy. Thế nên Tịnh Độ Di Đà theo nghĩa Duy Thức thì không thể có ngoài tâm. Hơn nữa hai chữ Tịnh Độ trong câu "Vãng sanh Tịnh Độ" không nhứt định là chỉ cho Tịnh Độ Tây Phương Cực Lạc, nguyên vì cõi Phật trong mười phương đều gọi là Tịnh Độ cả. Duy Thức Học nói: Mỗi Đức Phật có ba thân và ba cõi, riêng ba cõi này cũng gọi là Tịnh Độ. Tỷ như, cõi của Đức Phật Dược Sư ở hướng đông và cõi của ngài Di Lạc ở Đâu Suất cũng đều gọi là Tịnh Độ. Người học giáo lý Duy Thức xưa nay phát tâm Đại Thừa đều nguyện sanh lên Nội Viện của ngài Di Lạc để chờ ngài tùy duyên tái sanh. Thế nên nghĩa của Tịnh Độ cũng là tông chỉ của Duy Thức.

E.- DUY THỨC HỌC VÀ LUẬT TÔNG:

Chiếu theo Phật Pháp, giới luật không nên lập tông phái riêng, nguyên vì không luận học Thiền, học Tịnh, học Giáo, không luận tăng già hay thế tục, mọi người phạm là tín đồ quy y Phật Pháp đều phải hiểu rõ và hành trì giới luật. Giới Luật là con đường đạo để làm người, làm bậc siêu nhân và cũng là để kiến lập Đại Từ Điển căn bản của Phật Pháp. Giới Luật không nên thiên lệch và phải nên phổ biến tuân hành. Chỉ tại vào thời triều đại nhà Đường, Luật Sư Đạo Tuyên ở núi Chung Nham là người đạo

đức, văn chương, trì luật nổi tiếng, có thể động đến thiên địa và cảm đến quỷ thần (4). Ngài nghiên cứu tinh thông luật học và dựa trên Tứ Phần Luật Tạng chánh thức thành lập Luật Tông. Nổi bật hơn hết, Luật Sư Đạo Tuyên là người thành công lớn nhất trong Phật Giáo Sử Trung Quốc. Thật ra, người đầu tiên hoằng dương Luật Tứ Phần chính là Luật Sư Trí Thủ. Luật Sư Đạo Tuyên là đệ tử kế thừa. Đồng thời với Đạo Tuyên, hai Luật Sư là Tướng Bộ Pháp Lệ và Đông Thập Hoài Tố cũng hoằng truyền Luật Tạng. Cho nên người đời thường gọi Đạo Tuyên, Pháp Lệ và Hoài Tố là ba Luật Gia đời Đường. Trong ba Luật Gia này, chỉ Nam Sơn Luật của Đạo Tuyên nhờ lý do đặc biệt truyền bá không dừng (5). Ngài Đạo Tuyên nghiên cứu về Luật Học tinh tế và phi thường, đồng thời trước tác sách cổ về Luật Tông gồm có năm Đại Bộ (6). Điểm đặc biệt của ngài Đạo Tuyên trong sự nghiên cứu tinh tế và phi thường về Luật Học như:

Thứ nhất, ngài kiến lập Hóa Giáo và Chế Giáo (cũng gọi là Hóa Giáo và Hành Giáo):

a> Hóa Giáo: nghĩa là ngài dựa theo các kinh luận Đại Thừa và Tiểu Thừa, trong đó gồm có bốn bộ A Hàm, v.v... để chú thích Pháp Môn Định Huệ.

b> Chế Giáo: nghĩa là ngài cũng dựa theo các Luật Giáo của Đại Thừa và Tiểu Thừa, trong đó có Tứ Phần Luật, v.v... để chú thích Pháp Môn Giới Học.

Ngày nay, Tông Bộ này tức là Luật Tạng Giáo, lấy Giới làm Tông, hành giới trong sạch và tu tập định huệ. Theo Luật Sư Đạo Tuyên, trước hết phải hành trì Giới Luật để cấm chế nghiệp tội bên ngoài và sau đó phát huy Định Huệ để đoạn diệt phiền não bên trong. Ngài chế định giới luật là vì đạo mà không phải vì phước đức thế gian. Thánh đạo của ba Thừa chỉ lấy giới luật làm căn bản và giới luật là di giáo một thời của đức Như Lai nhằm mục đích phân xét và nhiếp hóa chúng sanh.

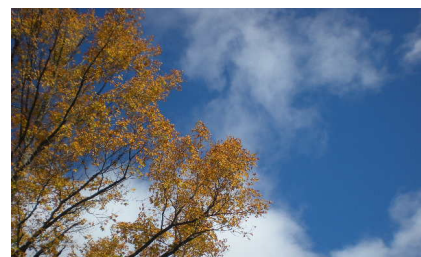
Thứ hai, như cơ hội này, Luật Sư Đạo Tuyên dung hợp cả Đại Thừa và Tiểu Thừa. Chỉ một bộ Luật Tứ Phần,

Chùm thơ nhỏ

1.
*Xa rồi sóng bạc vỗ ghềnh cao;
Suối nhỏ còn không?
Đêm nhuộm màu.
Một cõi Vĩnh Hằng thu giọt nắng,
Nghe tình du tử chợt xôn xao*

2.
*Hai mươi năm u hoài
Trong tiếng gà lạc loài
Từng cơn ho rũ rượi
Những đoạn đường lưu đầy*

*Gà gáy, đâu cô thôn?
Lao đao mấy dặm hồn.
U ẩn tưởng vô xam,
Đấu tay nắng gặm mòn.*



3.
*Cơn ho lại kéo dài
Cổ xe đang rệu rã
Còn một chút gì đây
Sáu con ôm cưỡng lá*

4.
*Nửa đêm chợt giấc, rũ cơn ho.
Mây trắng bông bành trôi đáy hồ.
Xa lắm, sông dài từ thuở ấy;
Bóng người lữ khách tựa cây khô.*

Thơ **TUỆ SỸ**



ngài Huệ Quang cho là Đại Thừa, nhưng ngài Pháp Lệ và ngài Huyền Uẩn lại bảo là Tiểu Thừa. Riêng Nam Sơn Luật Sư Đạo Tuyên nói rằng, Giáo Nghĩa của bộ Luật Tứ Phần thì thông cả Đại Thừa. Cho nên trong Nghiệp Sở, ngài lập ra năm nghĩa để phân định sự dung thông nói trên... (Tham cứu chú thích 15).

Lại nữa, trong Sở ngài nói: Người thọ giới cốt yếu là đắc Giới Thể. Khi đắc Giới Thể, người thọ giới mới đủ đạo lực để tăng trưởng thiện pháp, để tu tập Định Huệ. Nhưng Giới Thể đây nếu như không nghe được bằng tai, không thấy được bằng mắt thì rất rảo như thế nào?

Thành Thật Luận của Tiểu Thừa nói: Giới Thể là một loại pháp không phải sắc và không phải tâm. Còn Hữu Bộ nói: Giới Thể thì thuộc về Vô Biểu Sắc, tức là Thọ Sở Dẫn Sắc trong mười một Sắc Pháp của Duy Thức Luận điển giải. Nguyên nhân loại Sắc Pháp này không thể chỉ bày, vì mắt không thể nhìn thấy, tai không thể nghe tiếng và nó được phát sanh từ nơi thọ giới, nên gọi là Thọ Sở Dẫn Sắc Giới Thể. Người khi thọ giới, sau bốn lần bạch pháp Yết Ma của đại đức Tăng Chúng thì nhận được một thứ ấn tượng sâu sắc nơi tâm. Ấn Tượng này khi đã thành một thứ tư lương trong tâm liền có năng lực khiến người thọ trì giữ giới không phạm và ấn tượng tư lương đó được gọi là Giới Thể. Người thọ giới, một khi phạm giới thì giới thể bị phá hoại. Giới Thể đây thuộc về loại Sắc Pháp, mắt không thể nhìn thấy, tai không thể nghe tiếng và cũng không thể chỉ bày, nên gọi là Vô Biểu Sắc Giới Thể. Ngài Luật Sư Đạo Tuyên căn cứ nơi Đại Thừa Duy Thức Học cho Giới Thể của Thọ Sở Dẫn Sắc nói trên đồng nghĩa với Thọ Huân Trì Chúng của Thức A Lại Da, nghĩa là Giới Thể của Thọ Sở Dẫn Sắc này tức là một thứ chủng tử chân tịnh được tàng trữ trong Thức A Lại Da thứ tám. Nhờ chứa nhóm dần dần chủng tử chân tịnh này, Giới Thể tiến hành tẩy trừ những điều ác, phát triển những điều thiện và khiến phát sanh hạt giống vô lậu. Qua sự giải thích trên đây, ý nghĩa Giới Thể của Luật Tông cũng chính là ý nghĩa chủng tử của Duy Thức và ý nghĩa này rất là thâm sâu. Vì ý nghĩa quan hệ với Duy Thức Học qua sự trình bày trên, Luật Tông trở thành một tông phái hoàn toàn thuộc Đại Thừa.

Chú thích:

1. Được thấy trong "Thang Sử", chương 11 trang 365.
2. Trung Quốc Phật Học, trang 194 nói rằng: "Từ Vĩnh Minh Diên Thọ trở về trước, Thiền Tông của Phật Giáo Trung Quốc diễn tiến đến Ngũ Gia Tông Pháp thì hưng khởi tột đỉnh; Pháp Nhãn là tông phái sáng lập sau cùng trong Ngũ Gia mà Vĩnh Minh Diên Thọ là đệ tử truyền thừa thứ ba và cũng là người chót hết của Pháp Nhãn Tông. Nguyên vì Thiền dung thông bên Giáo Luật, nghĩa là các vị Thiền sư thời bấy giờ đem giáo nghĩa của Luật Tông áp dụng vào Thiền Tịnh để tu hành, cho nên môn đồ của họ đều theo Tịnh Độ, mười người thì hết đến Pháp Nhãn Tông, Thiền Tông bị thất truyền."
3. Vĩnh Minh Thọ Thiền Tịnh Tứ Khoa Giản Kế nói rằng: "Có Thiền mà không Tịnh Độ, mười người thì hết chín người lãng phí thời gian, âm cảnh bỗng hiện ra trước mặt, nháy mắt bọn họ bị đọa theo âm cảnh kia; không Thiền nhưng có Tịnh Độ, vạn người tu thì vạn người vắng sanh, mặc dù chỉ thấy được Phật A Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ? Có Thiền và có Tịnh Độ, cũng như con cọt mọc thêm sừng, hiện thể là thầy của mọi người, còn tương lai thì làm Phật Tổ. Không Thiền và cũng không Tịnh Độ, cũng như nằm trên giường sắt nóng và ôm cột đồng nóng, muôn kiếp và ngàn lần sanh ra, luôn luôn mất hẳn chỗ nương tựa."
4. Truyền thuyết cho rằng ngài Đạo Tuyên được người và trời cảm mến đến cúng dường (Trích trong "Thiền Nhân Cảm Thông Lục").
5. Được thấy trong "Phật Giáo Các Tông Phái Nguyên Lưu" (thấy trong "Thái Hư Đại Sư Toàn Thư", trang 805.
6. Năm Đại Bộ: a) Hành Sự Sao, 3 quyển; b) Giới Sở, 4 quyển; c) Nghiệp Sở, 4 quyển; d) Thích Ni Nghĩa Sao, 3 quyển; e) Tỷ Kheo Ni Sao, 3 quyển.

(còn tiếp)

Bài Ca Sông Dịch

*Ai trảng sĩ bao năm mài gươm dưới nguyệt
Còn tưởng nghe hồn thép múa sông sâu
Kính Kha hề Kính Kha!
Vinh cho người hể ba nghìn tân khách
Tiễn người đi, tiếng trúc nhịp lời ca.*

*Biên thù trống giục,
Nẻo Tần sương sa,
Gió thể lương quần quại khói chiều hà.*

*Tám phương trời khói lửa,
Một mũi dao sang Tần.
Ai trách Kính Kha rằng việc người để lờ
Ai khóc Kính Kha rằng thêm cao tăng thân.
Ai tiếc đường gươm tuyệt diệu
Mà thương cho cánh tay thần.*



*Ta chỉ thấy
Tơi bởi tướng sĩ, thầy ngã hai bên.
Một triều rối loạn, ngai vàng xô nghiêng.
Áo rách thân run hể ghê hồn bạo chúa,
Hùng khí nuốt sao ngu hể nộ khí
xung thiên.
Một cánh tay đưa mà danh lừng vạn cổ,
Hiệp sĩ Kính Kha hể người thác đã nên!...*

VỮ HOÀNG CHƯƠNG

QUYẾT NGHỊ

**Đại Hội Thường Niên lần thứ III, nhiệm kỳ I (2008-2012)
của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ
tổ chức tại Phật Học Viện Quốc Tế, thành phố North Hills, California,
Hoa Kỳ, ngày 18 & 19.6.2011**

Sau ba năm hành hoạt, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ bắt đầu bước vào giai đoạn ổn định, và đã sẵn sàng cho hướng phát triển theo các đề án của Giáo Hội. Nhằm thực hiện các đề án này, cần có sự thảo luận, góp ý, và quyết định của thành viên từ các tổng vụ, các đơn vị và tiểu bang. Do đó, theo quy chế, Giáo Hội đã triệu tập Đại Hội Thường Niên lần thứ III, nhiệm kỳ I (2008 -2012), tổ chức ngày 18 và 19 tháng 6 năm 2011 tại Phật Học Viện Quốc Tế, thành phố North Hills, tiểu bang California, Hoa Kỳ, với sự qui tụ của đa số thành viên nòng cốt thuộc các Hội Đồng và Tổng vụ từ khắp các tiểu bang Hoa Kỳ.

Hai ngày Đại Hội đã diễn ra tốt đẹp, qua 3 khoảng đại với phúc trình tổng quát của Văn Phòng Thường Trực Hội Đồng Điều Hành, báo cáo chi tiết của các Tổng Vụ, thảo luận và triển khai các đề án chưa thực hiện và dự án mới đề ra của Giáo Hội. Các phiên khoáng đại trong Đại Hội năm nay tập trung vào việc hoằng pháp, giáo dục—là trách nhiệm nền tảng của Phật giáo, cụ thể là hỗ trợ thể hệ Tăng Ni trẻ kế thừa, mở khóa tu học Phật Pháp thường kỳ và mở rộng cho phật-tử; ngoài ra, Đại Hội cũng hết sức quan tâm về các biến động gần đây trên thế giới cũng như tình hình tranh chấp căng thẳng tại Hoàng Sa và Trường Sa trên Biển Đông, mà các biến động này có thể dẫn đến chiến tranh, ảnh hưởng đến đời sống an lạc hòa bình của dân tộc và nhân loại.

Sau các cuộc thảo luận sôi nổi và cặn kẽ từ các phiên khoáng đại, nhận định chung của toàn thể đại biểu được đúc kết như sau:

- Tăng Ni nghiêm trì giới luật, thực hiện các nguyên tắc nền tảng của Tăng đoàn, phật-tử tại gia tinh cần học hỏi giáo lý và tu tập hành trì, chính là yếu tố tiên quyết để duy trì, củng cố và phát triển nội lực của Giáo Hội.
- Sự phát triển Phật giáo hải ngoại trong tương lai tùy thuộc phần lớn vào thể hệ Tăng Ni và cư sĩ trẻ, do đó việc hỗ trợ và huấn dục nhằm vào các thể hệ kế thừa là quan tâm hàng đầu của Giáo Hội trong sứ mệnh "tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức."
- "Đặt sự tồn tại của mình trong sự tồn tại của nhân loại và dân tộc," GHPGVNTN Hoa Kỳ không thể tách rời sự hưng-vong, mất-còn của đất nước.

Với các nhận định trên, toàn thể đại biểu tham dự Đại Hội Thường Niên lần thứ III nhiệm kỳ I của GHPGVNTN Hoa Kỳ đồng tâm **quyết nghị**:

1. Tổ chức các đàn giới Bồ-tát tại gia để nâng cao tinh thần tu tập và giới hạnh của hàng phật-tử; chính thức công nhận lễ phục của Bồ-tát tại gia là áo tràng lam với y nâu; các điều kiện để được thọ giới Bồ-tát tại gia cũng như các nguyên tắc sinh hoạt của giới này sẽ được Tổng Vụ Tăng Sự thông báo rộng rãi sau khi tham khảo với chư tôn đức có thẩm quyền về giới luật;

2. Để trang nghiêm Giáo Hội, tuân thủ giới luật và nguyên tắc yết-ma nền tảng của Tăng-đoàn, Tổng Vụ Tăng Sự cũng sẽ ra thông báo kêu gọi chư Tăng Ni và các tự viện, nên tùy theo hoàn cảnh, trụ xứ, sắp xếp tổ chức lễ Bồ-tát chung hàng tháng ngay tại địa phương hành đạo của mình;

3. Ủy nhiệm HT. Thích Thông Hải tiếp tục xúc tiến việc tổ chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ dành cho phật-tử như đã đề ra từ Quyết Nghị của Đại Hội Thường Niên lần thứ II, năm 2010; đề cử HT. Thích Nguyên Trí, Ni Sư Thích Nữ Diệu Tánh và Đạo hữu Huỳnh Tấn Lê phụ giúp việc tìm kiếm cơ sở để tổ chức tốt đẹp cho khóa tu học này;

4. Trong đạo tình và niềm ưu tư đối với tương lai Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại, Đại Hội tán thán và kêu gọi chư tôn đức các tự viện tiếp tục quan tâm, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho Tăng Ni trẻ được ổn định tu học và hành đạo tại hải ngoại;

5. Giáo Hội đồng tâm cùng GHPGVNTN các châu lục và quốc gia, lên tiếng kêu gọi nhà nước CSVN thực thi tự do, dân chủ và nhân quyền để kết hợp sức dân, bảo vệ lãnh thổ và lãnh hải Việt Nam; kêu gọi các nước liên quan vấn đề Biển Đông và sông Mekong hãy bình tĩnh, tự chế, nên giải quyết vấn đề trong quan hệ đa phương dựa theo công pháp quốc tế về Luật Biển;

6. GHPGVNTN Hoa Kỳ đề cử một phái đoàn liên lạc với GHPGVNTN Liên Châu để cùng vận động các tổ chức Phật giáo thuộc các quốc gia Đông Nam Á kêu gọi các nước liên hệ giải quyết vấn đề Biển Đông bằng phương thức hòa bình. Phái đoàn gồm có: HT. Thích Thăng Hoan, HT. Thích Nguyên Trí, HT. Thích Thông Hải và Gs. Trần Quang Thuận;

7. Ủy nhiệm HT. Thích Thông Hải làm Trưởng Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản, Phật lịch 2556 tại Westminster Mall, Orange County, vào ngày thứ Bảy, 21 tháng 4 năm 2012 (nhằm mừng 01 tháng 4 năm Nhâm Thìn);

8. Đại Hội ủy nhiệm HT. Thích Nguyên Siêu đứng ra bào trợ và tổ chức an cư kiết hạ khoảng từ ngày 20 đến 30 tháng 6 năm 2012 tại Tu viện Pháp Vương, Escondido;

9. Cung thỉnh HT. Thích Nguyên An làm Trưởng Ban Tổ Chức Đại Hội Khoáng Đại nhiệm kỳ II (2012-2016) tại Orange County vào ngày 12, 13 và 14 tháng 10 năm 2012 (nhằm 27, 28 và 29 tháng 8 năm Nhâm Thìn);

Quyết Nghị này gồm 9 điểm đã được toàn thể Đại Hội, gồm các đại biểu Tăng Ni và Cư sĩ đồng biểu quyết thông qua lúc 09 giờ tối Chủ nhật, ngày 19 tháng 6 năm 2011 tại chánh điện Phật Học Viện Quốc Tế, thành phố North Hills, tiểu bang California, Hoa Kỳ.



THỂ ĐỘNG CỦA VĂN HÓA

Trần Kiêm Đoàn

Khi nói đến “thể động” người ta sẽ liên tưởng đến phía đối nghịch: Đó là “thể tĩnh”. Động hay tĩnh trong văn hóa hay trong tư tưởng không hẳn là hai trạng huống đối nghịch; trái lại, đó là hai “thể” bổ sung cho nhau tùy theo thời điểm, thể đứng và phương pháp luận của người tìm hiểu, nghiên cứu về văn hóa. Như khi nói đến văn hóa Việt Nam, phần lớn những nhà nghiên cứu thuộc thể hệ đàn anh thường nói lên một khái niệm ước lệ như “Nước Việt ta có bốn nghìn năm văn hiến”. Đó là cách nói ở “thể tĩnh”. Coi văn hóa là một gia tài quá khứ, mang một giá trị tượng trưng và mơ hồ cần được chưng trong tủ kiếng hay cất kỹ trong cái tráp sơn son thếp vàng của lòng tự hào dân tộc.

Thực tế, văn hóa chính là cuộc sống đầy sinh động, là một tổng thể của những giá trị vật chất lẫn tinh thần của một xã hội, một quần thể hay một dân tộc, kéo dài từ quá khứ cho đến hiện tại và đang theo đà tiến hóa của nhân loại để bước vào tương lai. Nghiên cứu văn hóa, vì thế, cần ở vào thể động. Cho dù tìm hiểu một nền văn hóa đã ra đời và chìm sâu trong quá khứ như khi tìm hiểu về nền văn hóa Đông Sơn, Hy Lạp, La Mã, Hạng Hà, Ân Hà... chẳng hạn cũng cần đặt trong “thể động” của sự tương quan về nhiều mặt trong bối cảnh thời bấy giờ.

1. Khái niệm tương đối về văn hóa

Văn hóa là một từ Hán Việt. Người Trung Hoa dùng từ “văn hóa” với một khái niệm tương đương với từ “culture” của Tây Phương. Nhưng có sự khác biệt giữa Đông và Tây là khái niệm văn hóa của người Trung Hoa tập trung trên khía cạnh đạo lý và xã hội. Họ giới hạn “văn hóa” trong tác dụng tích cực (văn: là về đẹp, về sáng; hóa: là hành động biến đổi và đạt tới). Trong khi đó khái niệm văn hóa của Tây phương là một tổng thể bao gồm cả cái đẹp, cái xấu; cả mặt tích cực và mặt tiêu cực trong lịch sử đời sống của con người. Bởi vậy, với người Tây phương, sự sống đồng thời cũng là sự hiện sinh về “culture”. Đông phương, theo quan niệm của Tàu, thì một nếp sống “có văn hóa” phải là một nếp sống có văn minh, tiến bộ, tốt đẹp.

Trong vùng ảnh hưởng quá nặng nề của nếp suy nghĩ lâu đời “rất Trung Hoa”, Việt Nam chúng ta mặc nhiên chấp nhận một khái niệm hạn hẹp và khiên cưỡng về thể giới nhân sinh phong phú gọi là “văn hóa” của Tàu như một tiêu chuẩn căn bản để nhìn vào và nhìn về đời sống. Chính sự chấp nhận không điều kiện, không thắc mắc này đã làm cho chúng ta trôi giạt sâu vào “thể tĩnh” của văn hóa. Xếp văn hóa vào hàng những tiêu chuẩn đạo lý đã ngự trị vùng trời tư tưởng Trung Hoa (và lần chiếm hết nguồn tư tưởng truyền thống Việt Nam) như tam cương ngũ thường, tam tông tứ đức... là một cách hệ thống hóa và dán những nhãn hiệu đã có sẵn cho từng vùng của đời sống chứ không phải là khai phá, truy tìm

giá trị đích thực để phát huy văn hóa dân tộc. Chính “thể tĩnh” của văn hóa đã làm cho những người quan tâm đến văn hóa Việt Nam hết sức lúng túng trong nỗ lực tìm kiếm nội dung của một hệ thống giá trị Việt Nam thuần nhất, một tập đại thành tư tưởng Việt Nam độc lập, một dòng triết lý Việt Nam (nếu có thể gọi như thế) thuần túy.

Trong một hội nghị trao đổi văn hóa được tổ chức tại đại học Pacific Lutheran (PLU) ở Tacoma (WA, Mỹ) trong 2 ngày 24 và 25 tháng 6 năm 2001, một giáo sư tiến sĩ trẻ tuổi người Việt, anh Trần Hiếu, đã nhiệt tình giới thiệu những đặc tính của con người và văn hóa Việt Nam như: Cần cù, chăm học, hiếu hòa, hiếu khách, hiếu thảo, trọng thanh danh, có tinh thần độc lập, tự cường, yêu gia đình, xóm làng, bằng hữu... Khi đến phần thảo luận, một câu hỏi chính được đặt ra là: “Những đặc tính đã được trưng dẫn là đặc tính chung của hầu hết các dân tộc trên thế giới. Vậy thì đâu là bản sắc riêng biệt, sự phát triển tư tưởng độc đáo và lối sống truyền thống trong văn hóa Việt Nam? Thế nào là một lai lịch (identity) Việt Nam?”

Ngày nay, nước Tàu không còn là “Trung Quốc” (như người Tàu vẫn từng tự xem nước họ là cái “rốn” của thế giới). Việt Nam kính trọng văn hóa của Trung Hoa, nhưng không thể xem họ là chuẩn mực cho đời sống tư tưởng và xã hội của mình. Vì thế, khi bàn về “văn hóa”, chúng ta vẫn phải dùng một từ ngữ đã quá quen thuộc và thiết thân với ngôn ngữ Việt Nam qua nhiều thế hệ. Về hình thức, cứ tạm quy ước cho đó là một tên gọi, một cách gọi. Nhưng về khái niệm, cần trả nội dung “văn hóa về cho văn hóa”.

Vậy, văn hóa là gì?

Đó có thể là một câu hỏi quá muộn màng và nhàm chán liên quan đến một đề tài, một lĩnh vực quá xưa cũ và xuất hiện thường xuyên trên cửa miệng của mọi người. Thế nhưng, cho đến phút này vẫn chưa có câu trả lời trọn vẹn và dứt khoát. Nghĩa là vẫn chưa có một định nghĩa về văn hóa ổn định, minh bạch đầy đủ ý nghĩa nhất được mọi người từ Đông sang Tây chấp nhận. Trong khi tiến sĩ Sumi Zakura (Nhật) cho rằng văn hóa là “một kho tàng tổng hợp túi khôn và lối sống của một dân tộc trải qua nhiều thế hệ” thì nhà nghiên cứu nhân văn của Tàu là giáo sư KC Chan lại định nghĩa văn hóa như là một sinh hoạt tinh thần lẫn vật chất, ở mức độ cao cấp “hình nhi thượng” của một nhóm người có chung ngôn ngữ, chung bối cảnh lịch sử, chính trị, kinh tế và xã hội. Tây phương thì “đa ngôn đa quá” hơn. Từ năm 1952, hai nhà nhân chủng học Mỹ là Alfred Kroeber và Clyde Kluckhohn đã cho xuất bản một danh sách gồm 160 định nghĩa khác nhau về văn hóa căn cứ trên 8 phạm trù tiêu biểu trong đời sống nhân loại như: Lịch sử, đạo lý, phong cách, tri thức, thể tài, cấu trúc, phận sự, tượng trưng.

Trong các ngành học về nhân văn ở châu Mỹ, khi nói đến văn hóa, người ta thường nhắc nhở đến ba khuôn mặt bàn về văn hóa được trích dẫn nhiều nhất là Matthew Arnold, Raymond Williams, và Clifford Geertz.

Quan điểm văn hóa của Arnold thiên về lý tưởng. Ông ta cho rằng văn hóa là những gì liên quan quan đến cái đẹp, sự

thông minh và toàn hảo: “Văn hóa là sự hiểu biết và thưởng thức tinh tế các nghệ thuật, tư tưởng ở mức độ cao”. Ngược lại, Williams tranh biện lại rằng, văn hóa không chỉ là những gì cao siêu mà văn hóa còn là những gì rất bình thường trong cuộc sống. Geertz thì lại đứng trên quan điểm của dân tộc học để nhìn văn hóa như là sản phẩm tinh thần lẫn vật chất riêng biệt, độc đáo liên quan đến từng dân tộc bao gồm “Những gì con người nghĩ, những gì họ làm, và những gì họ sản xuất”.

Nhìn chung, các khái niệm văn hóa thời danh có thể khác nhau về tiểu tiết và mức độ cao thấp trong cách nhìn, nhưng về đại thể vẫn có cái “sườn” tượng hình, khả dĩ tạm chấp nhận như dáng trái núi không giống dáng con sông hay giá trị tinh thần không thể so với gia tài có bao nhiêu mẫu đất. Đó là một khái niệm tương đối về văn hóa: “Văn hóa là sự thể hiện tổng hợp đời sống tinh thần lẫn vật chất ở nhiều mức độ và mang đặc tính riêng của một nhóm người hay một dân tộc qua nhiều thế hệ.”

2- Thể động của văn hóa

Khi nói đến văn hóa Việt Nam là nói đến đất nước, con người và lịch sử Việt Nam. Vì xuất phát từ khái niệm văn hóa mang một nội dung mỹ học theo mô thức “văn là về đẹp, về sáng...” nên khi nói đến đất nước chỉ có “giàu đẹp, rừng vàng bể bạc, đất phì nhiêu”. Nói đến con người thì là “con Lạc, cháu Hồng”. Và nói đến lịch sử thì “chiến thắng Nguyên Mông với truyền thống hào hùng của Quang Trung, Lê Lợi”. Là người Việt Nam, ai mà chẳng tự hào với truyền thống về vang đó. Nhưng văn hóa đâu phải là một bức tranh cổ động, một khẩu hiệu tuyên truyền hay một bích chương quảng cáo nhất thời!

Nói về văn hóa Việt Nam mà bỏ quên sự khốn khó truyền đời với đất lở, đất bồi, đất phèn, đất “đá ong pha nhiều ngấn lệ” của cảnh đồng chua nước mặn; quên đi thiên tai, hạn hán với những “con nằng chấy da cháy thịt, những cơn mưa héo úa tâm hồn” thì mới chỉ thấy được bề mặt hoa gấm của đất nước Việt Nam. Cũng tương tự như thế, khi nhìn con người và lịch sử Việt Nam mà chỉ thấy nét thanh lịch, vẻ

hào hùng, quên đi lớp người chân lấm tay bùn, không ngó ngàng tới hơn 60 bộ tộc thiểu số trên rừng-tùng bị cho là “man di, mọi rợ”-hay lơ đi ách đô hộ của Tàu, xiềng xích đô hộ của Tây, chiến tranh triền miên-công lý lẫn phi lý -thì cũng chỉ mới nói đến Việt Nam bằng một mặc cảm tâm lý nhằm thỏa mãn tự ái dân tộc hơn là tinh thần khách quan nghiên cứu văn hóa.

Thậm chí văn hóa đã bị nhìn qua dáng vẻ đơn thuần của học vấn, thẩm mỹ hay tư cách. Ví dụ như “đo trình độ văn hóa” bằng trình độ học vấn (Tiểu, Trung, Đại học) hoặc khen chê “xử sự thiếu/có văn hóa”!

Trở lại với khái niệm văn hóa vừa nêu trên, muốn nhận chân, tìm hiểu hay nghiên cứu văn hóa của một dân tộc cần phải đưa văn hóa trở về “thể động”. Văn hóa phải được đặt trên bánh xe tiến hóa đang chuyển mình từ quá khứ, qua hiện tại, đến tương lai. Văn hóa là dòng đời sống trôi chảy luân lưu. Sự lụi tàn của một nền văn hóa này, vô hình chung, trực tiếp hay gián tiếp, sẽ là thừa đất nảy mầm cho một nền văn hóa khác. Nền văn hóa thái cổ Việt Nam như Bắc Sơn, Hòa Bình, Đông Sơn và sự phát triển của nền văn hóa lưu vực sông Hồng về sau tưởng chừng như riêng rẽ và đứt đoạn nhưng vẫn có một sự tồn tục lưu truyền của hành trình văn hóa Việt Nam về phương Đông và phương Nam.

Văn hóa thường xuất hiện dưới ba dạng: Thuần nhất, kết hợp, phân vùng và đa chủng.

Châu Á nói chung và Việt Nam nói riêng thường được coi là nơi tiêu biểu cho những nền văn hoá dân tộc thuần nhất vì nền văn hoá quốc gia ít bị pha trộn, tác động hay phân hóa bởi những nguồn văn hóa khác. Nền văn hóa kết hợp là một nền văn hóa mất dần bản sắc nguyên thủy để pha trộn với những nguồn văn hóa mới như trường hợp Phi Luật Tân, Hạ Uy Di sau khi tiếp cận với văn hóa Tây phương. Trong nền văn hóa chung của một nước hay một địa phương rộng lớn, có những vùng văn hóa, dòng văn hóa, nhóm văn hóa hay cụm văn hóa (subculture)... thường là một hình thái sinh hoạt có phong cách riêng, có cách suy nghĩ và hệ thống giá trị riêng. Như ở Mỹ có những cụm văn

Thơ

Thơ,
Chẳng thể xài một cách có ích
Trong một lúc
Cho một việc
Chẳng thể cho ăn no
Chẳng thể cho mặc đẹp
Chẳng thể giải thích được gì chính xác
Khi chạm vào nó
Thấy mình bấp bênh nơi xa lạ
Khi đến với nó
Thấy mình run rẩy
Khi rời xa nó
Thấy mình bơ vơ

Quả là nó chẳng cho gì
Chỉ cho mình
Hơi thở



Mỗi khi

Chưa bao giờ
Tôi nhẹ như lúc tôi nghe tiếng khóc
Của đứa con tôi vừa sinh ra
Chưa bao giờ
Tôi mạnh như khi nghĩ mình đang là mẹ

Mỗi khi nặng trĩu
Những điều trên làm tôi thấy nhẹ

NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH



hóa của giới đồng tính luyến ái, giới bụi đời vô gia cư, giới siêu sao nổi tiếng, giới cựu chiến binh... Hay như ở Canada có vùng văn hóa nói tiếng Pháp, vùng văn hóa nói tiếng Anh. Trong trường hợp người di dân như các nhóm sắc tộc ở Mỹ, Úc, Canada... thì họ còn có chung tiếng nói, nguồn gốc, lịch sử và lối sống còn mang nặng bản sắc của đất nước gốc. Họ hợp thành những nhóm văn hoá chủng tộc nhỏ trong lòng một nền văn hóa lớn. Như văn hoá Mỹ hiện nay là một nền văn hóa đa chủng, có hơn 160 nền văn hóa chủng tộc nhỏ trong lòng văn hóa đại thể của Hoa Kỳ.

Khái niệm "văn hóa xé nhỏ" thành những dòng văn hóa hay cụm văn hóa... còn hoàn toàn xa lạ đối với một đất nước được coi là thuần chủng như Việt Nam. Vì vậy, một số các nhà nghiên cứu văn hóa ở quê nhà thường bị "dị ứng" với những khái niệm văn hóa có vẻ hơi "chượng" của một số các nhà xã hội học phương Tây. Hy vọng rằng, với thời gian và điều kiện kinh tế, xã hội mở rộng, mảnh đất chung của khái niệm văn hóa sẽ trở nên gần gũi và thoáng đạt hơn trong một tương lai không xa.

3. Sự hội nhập văn hóa

Bước vào thế kỷ 21, dân tộc Việt Nam trong và ngoài nước đang đứng trước một viễn ảnh đầy thử thách của một khúc quanh văn hóa. Một nền văn hóa Việt tương đối thuần nhất, trôi thuận chiều theo dòng lịch sử dân tộc trong bao nhiêu nghìn năm đang chuyển động. Ở quê nhà, sau cuộc chiến dài 30 năm là thời kỳ đất nước đổi thay dưới một chế độ mới với phương thức lãnh đạo, triết lý chính trị và hệ tư tưởng hoàn toàn khác biệt. Đồng thời, sự thành tựu vượt bực của khoa học kỹ thuật của nhân loại bên cạnh sự phát triển sốt dẻo của nền kinh tế thị trường đã làm cho thế giới nhỏ lại và các dân tộc với nền văn hóa khác biệt có dịp tiếp cận với nhau dễ dàng và thường xuyên hơn. Những yếu tố và yếu tố cấu tạo nền văn hóa dân tộc sẽ không tránh khỏi luật đào thải hay hỗ tương ảnh hưởng.

Nếu thử cứ mỗi 5 năm về thăm quê hương một lần, người ta sẽ rất dễ dàng nhận ra sự thay đổi trong nếp suy nghĩ, trong cung cách sống, trong kỹ thuật diễn đạt và cảm quan nghệ thuật của người trong nước, nhất là lớp người trẻ tuổi sinh sau 1975. Và người trong nước lại nhìn thấy anh em, bà con, bạn bè của mình dường như đã bị "Tây hóa, Mỹ hóa" sau một thời gian sống xa quê có dịp trở về cố hương thăm lại quê nhà. Sự thay đổi về cung cách văn hóa là một tiến trình khách quan và tất yếu, vượt lên trên và tràn ra ngoài những quy ước về chính trị và xã hội.

Đối với người Việt ở hải ngoại, nhất là ở Mỹ thì sự thay đổi về văn hóa là một quá trình hội nhập (integration), đồng hóa (assimilation) và biến thái văn hóa (acculturation). Có thể nói đây là một sự chuyển mình tận gốc rễ của cuộc sống để tồn tại trong một xã hội mới. Sự chuyển mình có khi tự nhiên và êm xuôi; nhưng cũng lắm lúc đầy gian nan và đau xót. Không thiếu những trường hợp một gia đình êm ấm dần dần bị phân ly vì mức độ hội nhập, và biến thái văn hóa khác nhau của mỗi thành viên trong gia đình. Sự xung đột giữa hai thế hệ già và trẻ (Intergenerational conflicts), giữa vợ và chồng (Marital conflicts) thường dẫn đến sự đổ vỡ của gia đình. Tốc độ hội nhập vào khung cảnh văn hóa mới rất khác nhau và phần lớn tùy thuộc vào tuổi tác, bản chất, học vấn, kinh nghiệm

của từng cá nhân. Tuy nhiên, nhìn chung theo thống kê của Viện nghiên cứu văn hóa The East-West Review (CA., IV, 2001) thì sự hội nhập văn hóa của người di dân Việt Nam vào xã hội Hoa Kỳ được ghi nhận như sau:

Đối tượng Nam	Độ tuổi	T*	Tỷ số**
Lão niên	Trên 60	15	5%
Trung niên	30 - 50	8	12%
Thanh niên	18 - 25	4	12%
Thiếu niên	Dưới 15	2-	18%
Lão niên	Trên 60	13	9%

NỮ

Trung niên	30 - 50	6	13%
Thanh niên	18 - 25	4	12%
Thiếu niên	Dưới 15	2-	19%

* Thời gian tính bằng năm trung bình để hội nhập vào văn hóa Mỹ. (2-) = Ít hơn hai năm.

** Phần trăm trên tổng số người Việt Nam nhập cư vào đất Mỹ.

Bảng thống kê tuy chỉ là mới là một cuộc khảo sát giới hạn, nhưng phản ánh được một phần mức độ khác nhau quá lớn giữa hai thế hệ già và trẻ trong quá trình hội nhập vào một nền văn hóa mới. Tuổi thiếu niên chỉ cần một khoảng thời gian dưới 2 năm để hội nhập, trong khi tuổi già phải cần đến 15 năm. Ngoài ra, vai trò giới tính cũng thay đổi. Người đàn ông không còn ở vị trí "thống lĩnh - nhất nam viết hữu thập nữ viết vô" so với phụ nữ trong tốc độ hội nhập. Người đàn bà Việt Nam với bản chất chịu thương chịu khó, mềm dẻo và nhạy bén thường hội nhập nhanh hơn và có cơ hội thành công cao hơn nam giới trong xã hội Tây phương. Sự thay đổi về tác dụng của vai trò giới tính này sẽ có một ảnh hưởng rất lớn về lâu, về dài trong sự chuyển biến của văn hóa Việt Nam tương lai.

Sự hội nhập, đồng hóa hay ảnh hưởng văn hóa diễn ra như thế nào?

Trước khi tìm lời giải đáp cho câu hỏi này, cũng nên xác định về "thái độ văn hóa". Đây là một thái độ phân biệt tự nhiên giữa hai thế giới văn hóa: "Của ta" và "của người".

Hai thái độ truyền thống-Bảo thủ và cấp tiến-gần như tương phản: (1) "Ta về ta tắm ao ta. Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn" và (2) "Ở nhà nhất mẹ nhì con. Ra đường có kẻ sẵn giөн hơn ta" sẽ có tác dụng như thế nào giữa một thế giới đang có khuynh hướng toàn cầu hóa xã hội con người.

Với tư thế một nhóm người, một cộng đồng hay một dân tộc tự hào với truyền thống văn hoá dân tộc lâu đời, chúng ta tự hỏi rằng, trước sự chuyển biến và tác động hỗ tương của xu hướng biến chuyển văn hóa toàn cầu, chúng ta sẽ chọn lựa một thái độ như thế nào khi phải tiếp cận với một nền văn hóa mới, có thể lực rộng khắp và thuộc về khối đa số? Để có một khái niệm tổng quát sơ khởi, xin theo dõi bảng phân tích sau đây:

Có đáng duy trì lai lịch nguồn gốc và văn hóa của chúng ta hay không?

Có đáng duy trì mối quan hệ tích cực giữa chúng ta và họ hay không? CÓ KHÔNG

CÓ Hội nhập Đồng hóa
KHÔNG Cô lập Buông xuôi

Phản ứng trực tiếp có khả năng đưa đến 4 thái độ: Hội nhập, đồng hóa, cô lập và buông xuôi.

Thực tế hoàn cảnh của người Việt định cư tại nước ngoài và phản ứng của giới trẻ trong nước trước những luồng sóng văn

hóa mới trong vòng gần 30 năm qua đã chứng minh rằng, sự hội nhập văn hóa "biết mình biết người" là một phản ứng có ý thức thường mang đến những kết quả tích cực nhất. Nếu chỉ biết mình mà không biết người sẽ đưa đến tình trạng cô lập văn hóa; hay ngược lại, chạy theo người mà chẳng giữ được mình thì sẽ bị đồng hóa. Trước một thực tiễn đời sống mà văn hóa đang ở trong thế động, luân lưu và biến chuyển không ngừng thì sự đồng hóa, cô lập và buông xuôi về văn hóa đồng nghĩa với thái độ tự phụ nhậm hay loại bỏ chính mình. Đã có những nền văn minh, văn hóa cổ đại một thời vàng son của nhân loại đã bị mất đi không còn dấu vết vì thiếu sự tồn tại và kế thừa.

Hết nhìn "ta" lại qua nhìn "người". Người ở đây chính là đối tượng văn hóa rộng lớn hơn mà những dòng văn hóa nhỏ có khả năng hội nhập. Như khi các nhóm di dân vào đất Mỹ thì văn hóa Mỹ đương nhiên trở thành nguồn chính (Mainstream). Vì vậy, trong ngôn từ chính thức, người Mỹ luôn luôn xác định "gốc" và "ngọn". Như trường hợp người Việt qua định cư ở Mỹ sau 5 năm, đủ điều kiện lưu trú để trở thành công dân Mỹ thì sẽ là "Người Mỹ gốc Việt" (Vietnamese American). Thái độ văn hóa của các nước đang tay ra đón người nhập cư dù là ở Mỹ, Úc, Canada, Tây, Tàu, Nhật, Anh... bao giờ cũng trịch thượng và đầy vẻ thi ân.

Thử trưng dẫn trường hợp tiêu biểu bằng cách nhìn lại lịch sử "Thái độ văn hóa" của Mỹ chẳng hạn, sẽ thấy ngay điều đó.

Đối với làn sóng người da đen từ Phi Châu nhập cư đầu tiên vào châu Mỹ trong thế kỷ thứ 16 với thân phận người nô lệ thì thái độ văn hóa của người Mỹ da trắng đối với họ là "Tuân giáo" (Conformity). Dân nhập cư phải "cài văn hóa" như cài áo. Liên tiếp những thế kỷ sau, luồng sóng nhập cư càng ngày càng đông, màu sắc văn hóa càng muôn hồng ngàn tía. Để phù hợp với thực trạng xã hội, thái độ văn hóa của người Mỹ bản xứ đổi qua một khái niệm "lãng mạn hơn" bằng lý thuyết "Melting Pot". Nghĩa là họ cho rằng mọi đặc tính và hình thái văn hóa ngoại lai mang vào Mỹ sẽ bị trộn lại với nhau cùng với văn hóa Mỹ trong một "Nồi súp de văn hóa nóng chảy". Phải cần cả trăm năm sau người ta mới nhận ra rằng, cái nồi Melting Pot đó đặt hoài trên lò bát quái của văn hoá mà không bao giờ chịu sôi lên để nóng chảy. Thực tế chỉ có một nền "Đa văn hóa" (Cultural pluralism) vẫn tồn tại và trở gan cùng tuế nguyệt. Do đó, người ta phải "xuống cấp" cho giả thuyết sáp nhập văn hóa bằng cách dùng hình ảnh của bức khảm (Mosaic) hay là đĩa xà lách (Salad bowl) để hình tượng hóa một nền văn hóa đa chủng của xã hội Hoa Kỳ hiện nay.

Dùng văn hóa Mỹ như là một trường hợp nghiên cứu để minh họa một bức tranh văn hóa rất có khả năng diễn ra sau này khắp toàn cầu mà Việt Nam có thể là một thành tố trong đó.

4. Thay lời kết luận

Trong lãnh vực tâm lý, xã hội và văn hóa..., có phải chăng vì xuất phát từ mô thức tổ chức đời sống trên căn bản đơn vị làng xã và đại gia đình nên người Việt có khuynh hướng coi việc

bảo tồn rất gần với bảo thủ. Sự bình phẩm căn cứ trên hiện tượng hơn là phân tích rất ráo và nghiêm túc bản chất khá phổ biến. Vì vậy, khi có hiện tượng hội nhập quá nhanh hay trì trệ trước một trào lưu văn hóa mới, thường bị chê trách một cách đầy cảm tính và chủ quan bằng những lời phê phán, đại khái như "lại căng, mất gốc" hay "chậm tiến, lạc hậu"! Hiện trạng này tự nó đã nói lên được rằng người Việt tự hào với văn hóa truyền thống của mình và ít sẵn sàng để thay đổi hay hội nhập văn hóa theo trào lưu mới. Thái độ khép kín văn hóa trong quá khứ có tác dụng vừa tiêu cực vừa tích cực. Tiêu cực vì rất dễ dẫn đến thái độ tự cô lập văn hóa. Tích cực là có thể đương đầu để tồn tại trước sự chinh phục vũ bão của các thế lực "Phát xít văn hóa" hay "Sô Vành mẩu quốc văn hóa" như sự đô hộ và âm mưu nô lệ văn hóa của Tàu lẫn Tây trong lịch sử Việt Nam thời xa xưa và cận đại.

Tuy nhiên, thực tiễn và kinh nghiệm của khối người Việt ở nước ngoài trong gần 30 năm qua đã chứng minh rằng, thái độ "Ta không mê của người, ta không chê của ta" là con đường trung đạo thích hợp nhất trong một hoàn cảnh văn hoá mới. Một thái độ tinh táo để tiếp thu và học hỏi những cái hay, cái đẹp của văn hóa người và phát huy những cái tốt, cái khéo của văn hóa ta đã mang lại những kết quả tích cực nhất cho cá nhân, gia đình và xã hội.

Văn hóa cũng như những dòng sông cứ luân lưu chảy mãi từ nguồn đến biển. Trong đại dương văn hóa của nhân loại, có sự đóng góp của những dòng sông văn hóa Hồng Hà, Cửu Long, Hằng Hà, Dương Tử, Nile, Seine, Mississippi... và bao nhiêu suối nguồn thâm lặng khác. Con người tự hào vì có văn hóa và văn hóa cũng phải tự hào vì nó là sản phẩm của con người. Không ai có thể chối bỏ sự hiện hữu của văn hóa vì ngay cả sự chối bỏ cũng là một cách biểu hiện thái độ trong đời sống và chính đời sống đó cũng vô hình chung là một thành phần văn hóa.

Trần Kiêm Đoàn
(trankiemdoan.net)



"Văn hóa phải được đặt trên bánh xe tiến hóa đang chuyển mình từ quá khứ, qua hiện tại, đến tương lai. Văn hóa là dòng đời sống trôi chảy luân lưu." (Trần Kiêm Đoàn)

TRÍ TUỆ: SINH MỆNH CỦA ĐẠO PHẬT

Đào Văn Bình

Nhân đọc bài viết về tiểu sử và sự nghiệp hoằng pháp của Tôn Giả Ca Chiên Diên (Maha Katyayana) một trong mười đại đệ tử của Đức Phật nổi tiếng là **"biện luận đệ nhất"** đăng trên trang mạng Hoằng Pháp Hà Nội tôi không nén được xúc động và không thể không bày tỏ lòng tôn kính tột độ đối với một vị bồ tát, một đạo sư thật vĩ đại đã đi đúng mạch sống của Phật Giáo, đi đúng giáo lý của Đức Phật và xứng đáng đại diện Phật nói trước đại chúng trong một số pháp hội. Bằng lý luận đanh thép, bằng chứng nghiệm bản thân, Tôn Giả Ca Chiên Diên đã dùng ánh sáng trí tuệ chiếu rọi vào tận cùng của sự vật, những khúc mắc của chuyện đời, cội nguồn khổ đau của nhân thế, đâu là thánh thiện, đâu là bợn nhơ, đâu là đạo giải thoát rốt ráo và đâu là con đường phải theo. Và những điều đó đã thuyết phục và chuyển hóa lòng người.

Trước đây qua giáo lý của Đức Phật chúng ta hiểu rằng Đạo Phật là đạo xây dựng trên nền tảng trí tuệ, tức dùng sự giác ngộ, hiểu biết và sức mạnh của lý trí để giải quyết vấn đề tâm linh của con người cùng những vấn nạn của xã hội mà không dựa vào Thần Linh. Đây là sự kiện lạ lùng và chấn động vì khi đó Bà La Môn Giáo đang thời cực thịnh mà Brahma (Thượng Đế) là điểm tựa duy nhất để giải quyết mọi vấn đề. Trong quá trình tu chứng 49 ngày cuối cùng, Đức Phật không dựa vào thần quyền, không cầu nguyện van vái. Mà Ngài đã trải qua những chặng đường chuyển hóa nội tâm "chứng được quả Túc Mệnh Thông tức thấy rõ tất cả khoảng đời quá khứ của mình trong tam giới. Đến nửa đêm Ngài chứng được quả Thiên Nhân Minh, thấy được bản thể của vũ trụ và nguyên nhân cấu tạo của nó. Đến canh tư Ngài chứng được quả Lộ Tận Minh, rõ biết nguồn gốc của khổ đau và phương pháp diệt trừ đau khổ để giải thoát khỏi sinh tử, luân hồi." (1) Và cuối cùng Ngài vẫn còn phải chiến đấu với những níu kéo ghê gớm của Ái - Dục vốn gắn chặt với kiếp người, biểu hiện qua cuộc chiến đấu với Ma Vương.

Trong suốt 45 năm hành đạo, thu nhận, dạy dỗ đệ tử, Đức Phật chỉ nói về những gì Ngài trải qua và chứng đắc, không thêm, không bớt và không giữ lại cho mình bất cứ điều gì. Giáo pháp của Ngài là một kho tàng tư tưởng nhân bản, lý luận phong phú, dùng ẩn dụ, dùng toán học, khúc triết, có dẫn chứng, có so sánh để khai mở trí tuệ. Ngoài danh hiệu "Đấng Từ Phụ", Đức Phật còn là một triết gia, một nhà giáo dục, một tâm lý gia vĩ đại mở xé những khúc mắc tâm lý của con người.

Từ những điểm thù thắng và hi hữu nói trên, qua cuộc đời bằng xương bằng thịt của Đức Phật, qua công hạnh và việc hoằng pháp của các đệ tử của Ngài, chúng ta có thể

rút ra những đặc điểm của Phật Giáo như sau:

a) Đạo Phật không dựa vào Thần Linh, phép mầu nhiệm để xây dựng nền tảng giáo lý của mình. Đạo Phật trực chỉ nhân tâm, lấy con người làm gốc, lấy sức mạnh của con người - tức bộ óc - tức trí tuệ của con người - để giải quyết những vấn đề của con người. Hạnh phúc do con người kiến tạo. Khổ đau do con người tự gây ra cho nhau và cho chính mình. Khi dùng trí tuệ làm nền tảng thì ai cũng như ai, mọi người đều bình đẳng vì ai cũng đều có trí tuệ, ai cũng có Phật tánh. Khi dùng Thần Linh làm nền tảng thì con người trở thành tôi tớ cho Thần Linh. Tầng lớp trung gian với Thần Linh sẽ trở thành Thánh và có quyền sinh sát, có quyền quyết định vận mệnh của con người bởi vì chỉ có tầng lớp trung gian này mới có khả năng tiếp cận hoặc là đại diện chân chính của Thần Linh mà thôi.

Trước khi gặp Phật, nhờ sự thông thái đặc biệt mà Tôn Giả Ca Chiên Diên đã có thể đọc được tấm bia đá viết bằng cổ ngữ do vua của Thành Ba La Nại đào được mà người đời cho rằng đó là văn tự của Đấng Phạm Thiên (Thượng Đế). Dù đọc được nhưng Tôn Giả không sao tìm ra lời giải đáp. Tấm bia viết như sau:

*Vua của các vị vua là ai?
Thánh của các bậc thánh là ai?
Thế nào là người ngu?
Thế nào là người trí?
Làm sao xa lìa được dơ bẩn?
Làm sao chứng đạt được niết bàn?
Ai chìm đắm trong biển sinh tử?
Ai tiêu dao tự tại trong cõi giải thoát?*

Dù đã đi vấn hỏi Nhóm Lục Sư là những nhà thông thái nhất lúc bấy giờ, họ cũng không tìm ra lời giải đáp. Cuối cùng, nhờ lời dạy của người cậu là Đạo Sĩ A Tư Đà (Asita) trước khi qua đời, Tôn Giả đã phải tới thỉnh hỏi Đấng Đại Giác và sau đây là giải đáp của Đức Phật:

Vua của các vua là vị thiên vương cung trời thứ sáu.

Thánh của các bậc thánh là đức đại giác Phật Đà.

Để cho vô minh làm ô nhiễm là người ngu.

Có khả năng tiêu diệt mọi phiền não là người trí.

Dứt bỏ được tham sân si thì lìa được dơ bẩn.

Hoàn thành được giới định tuệ thì chứng niết bàn.

Còn vướng mắc vào ngã và pháp là còn chìm đắm trong biển sinh tử.

Thấy rõ được pháp tánh duyên khởi thì tiêu dao tự tại trong cõi giải thoát.

(2)

Lời giải đáp không hề dựa vào bóng dáng của thần quyền, không huyền hoặc, hoàn toàn thuần lý, rõ ràng và bày tỏ sự chứng đắc rốt ráo của Đấng Đại Giác, khiến cho "những bóng mờ vẫn ẩn núp trong tâm trí ông từ bấy lâu nay đều bị ánh sáng trí tuệ quét sạch." (3) Và đây là nguyên do khiến

Tôn Giả tới đành lễ qui y và trở thành đệ tử của Đức Phật, từ bỏ danh vọng, quyền thế cao tột của dòng dõi Bà La Môn.

b) Đạo Phật không dựa vào những thiên tai dịch họa như núi lửa, động đất, sóng thần, hạn hán, lụt lội, bệnh tật hoặc những tai họa do chính con người gây ra như chiến tranh v.v... để minh chứng cho sự hiện hữu của Thần Linh để rồi từ đó hù dọa, khuyến dụ con người tôn thờ Thần Linh và đi theo đạo tôn thờ Thần Linh. Đạo Phật đi lên từ những khổ đau của con người trong đó thiên tai, dịch họa chỉ là một trong những khổ đau của con người. Chính bản thân Đức Phật khi còn là thái tử đã phải đối đầu với những khổ đau như Sinh, Lão, Bệnh, Tử mà giáo lý của thần giáo đương thời, thậm chí thân phụ ngài, dù là một quốc vương cũng không sao giải quyết được. Ngài từ bỏ cung vàng điện ngọc ra đi không phải đi tìm thiên đàng, không phải để tu luyện phép mầu mà chỉ để giải quyết những khổ đau của chính mình và của nhân thế. Do đó Đạo Phật là đạo diệt khổ. Khổ Đế là khởi nguyên của Đạo Phật. Cứu cánh của Phật Giáo là giải thoát khỏi khổ đau, giải thoát khỏi sự thống ngự của thần quyền, giải thoát khỏi Tham-Sân-Si là nguyên do của bao thảm họa xảy ra trên cõi đời này. Dĩ nhiên khi đã diệt hết khổ thì chúng ta hạnh phúc. Niết Bàn chỉ là trạng thái mà con người đã xa lìa tất cả các phiền não chứ không phải là cuộc sống ở một cung trời nào đó. Do đó, trong Đạo Phật, bất cứ ai tự xưng mình là thánh thần mà còn nhân nhỏ, khổ đau, van nài, kêu cứu...thì đó là chỉ là phàm phu chứ không phải thánh thần. Vì không tôn thờ Thần Linh, không tôn thờ Tự Ngã cho nên cứu cánh của Phật Giáo không phải là sự thờ phượng. Nếu chúng ta có thờ Phật cũng chỉ để tôn thờ một bậc thầy vĩ đại để từ đó đi theo giáo lý của Phật, để được hạnh phúc như chính Phật. Truyền về quãng đời hoằng pháp của Ngài Ca Chiên Diên kể rằng: (4)

"Một lần nọ, khi Đức Phật trở về quê hương Ca Tỳ La Vệ để giáo hóa. Trong số tầng chúng đi theo có Tôn Giả Ca Chiên Diên. Phật và đại chúng tạm trú tại thôn Hạ Lộ. Trong thời gian lưu trú tại đây, một hôm, trong thôn có một vị trưởng giả lâm trọng bệnh. Ca Chiên Diên muốn đích thân đến dùng Phật pháp để tiêu trừ bệnh khổ cho ông ta.

Tôn Giả đến trong lúc vị trưởng giả

đang nằm trên giường bệnh. Tôn Giả hỏi thăm:

- Thưa trưởng giả! Đức Thế Tôn nghe nói trưởng giả không được khỏe nên sai tôi đến thăm. Chẳng hay trưởng giả đã cho mời thầy thuốc điều trị chưa?

Vị trưởng rất cảm động trả lời:

- Con xin cảm ơn Đức Thế Tôn và đại đức. Bệnh của con đã đến lúc quá nặng rồi, không còn hi vọng gì chữa được. Rất nhiều thầy thuốc đều đã bảo như vậy.

- Vậy xin trưởng giả hãy chuyên tâm quán niệm Tam Bảo, mong nhờ uy đức lớn lao của Tam Bảo mà tâm ý của trưởng giả được thanh tịnh, rồi bệnh sẽ thuyên giảm.

- Thưa đại đức! Con qui y Tam Bảo với hi vọng được hộ trì Tam Bảo để đem lại lợi lạc cho nhân gian. Con nên hiến cúng cho Tam Bảo những gì mình có chứ đâu dám yêu cầu nọ nơi Tam Bảo!

- Trưởng giả nói rất đúng! Cõi thế gian là vô thường, chúng ta không thể nào yêu cầu Tam Bảo làm cho ta được thường trú mãi mãi. Thân thể phải bị bệnh tật, chúng ta không thể nào yêu cầu Tam Bảo làm cho ta khỏe mạnh suốt đời. Người có đức tin vào Tam Bảo lúc nào cũng hi sinh cá nhân để xây dựng cuộc sống chung. Bệnh hoạn, đau khổ của cá nhân, chúng ta hãy biết tự lo lấy chứ đâu có dám làm phiền đến Phật Pháp Tăng, nhưng thưa trưởng giả, sức người thì có giới hạn mà ánh từ quang của Tam Bảo thì trải khắp mọi nơi, nếu chúng ta thành tâm cầu cầu thì ánh từ quang ấy sẽ rọi chiếu đến.

Nghe lời khuyên của Ca Chiên Diên, vị trưởng giả hàng ngày chuyên niệm Tam Bảo. Ông cảm thấy thân tâm dần dần trở nên an lạc và bệnh tình cũng ngày càng thuyên giảm."

Lời khuyên của Tôn Giả thật nhân bản, hợp tình, hợp lý. Dĩ nhiên Tam Bảo không thể chữa lành bệnh cho ai. Ai nói rằng Phật Pháp Tăng có thể chữa lành bệnh cho tất cả mọi người thì đó là sự lừa mị. Thế nhưng nếu chúng ta chú tâm nhiếp niệm Tam Bảo thì thân tâm chúng ta thanh tịnh, nghị lực tăng trưởng. Có thể vì thế mà chúng ta lướt qua được bệnh tật. Đó cũng là phương pháp tâm lý trị liệu của thời đại ngày nay.

c) Đạo Phật không dùng tình cảm để thuyết phục ai. Vì Đạo Phật nhằm khai mở trí tuệ cho con người cho nên Đạo Phật không lợi dụng tình cảm yếu đuối,

Mây xanh

*Chào em mây xanh buổi sáng
Vườn chùa bất chợt bay ngang
Hỏi em về đâu em nhỉ?
Thưa rằng chỉ trời lang thang!*

*Mây ơi bao giờ dừng lại
Giọt mưa tưới mát cho đời
Mây rằng "em" đâu có biết
Hạnh nguyện chưa kết thành lời!*

*Muôn hình muôn dạng mù khơi
Mầm sinh, lễ sống mọi thời
Hỏi đường xưa về chốn cũ
Ô hay nơi đó: Cuộc đời!*



Vô đề

*Thần lực Lăng-Nghiêm một buổi sáng...
Tảo thực tô 'mì tiềm' thật sang
Thế gian ơi 'một trời' ngao ngán
Thôi ta ơi, về vô môn quan!*

North Hills June 23th 2011

HUYỀN VŨ



không lợi dụng những hoàn cảnh khốn khó của người để truyền đạo. Đạo Phật luôn luôn đến với con người khi con người sáng suốt nhất. Đạo Phật là sự bùng nổ hoa tâm, giã từ sự ích kỷ, giã từ gian tham, giã từ tật đố, giã từ bóng tối, giã từ kiêu mạn, giã từ cái hữu hạn để tìm về nơi vô hạn. Do đó có thể nói **"Nếu bạn mở cánh cửa Trí Tuệ ra, bạn sẽ thấy Đạo Phật. Nếu bạn khép cánh cửa Trí Tuệ lại, bạn sẽ không thấy Đạo Phật."** Đạo Phật không dùng ơn nghĩa để truyền đạo. Trong khi người ta đói khát mình cho người ta một bát cơm đó là cử chỉ đẹp, nhưng lợi dụng bát cơm đó để dụ người ta vào đạo là một hành vi cưỡng ép và ngay trong cử chỉ "cho" đó đã ngầm chứa một âm mưu, một thủ đoạn bất chính. Đạo Phật là đạo **"phá tà hiển chính"**. Chúng ta có thể cam đoan rằng không một tu sĩ Phật Giáo nào có can đảm làm thế. Nếu họ làm thế thì họ là tín đồ của "Ma Giáo" chứ không phải Phật Giáo và họ nên cởi áo của Như Lai để đi theo một tôn giáo khác. Chúng ta hãy xem Tôn Giả Ca Chiên Diên hóa độ một người đàn bà nô lệ bất hạnh:

"Một hôm, sau khi hành hóa ở A Bàn Đề, Ca Chiên Diên lên đường trở về Tịnh Xá Kỳ Viên ở Thành Xá Vệ. Giữa đường, tôn giả trông thấy một thiếu phụ ôm một vò nước, ngồi khóc lóc thảm thiết bên bờ sông, tình cảnh có vẻ rất thương tâm. Sợ người thiếu phụ vì quá thất ý mà có thể nhảy xuống sông tự tử, tôn giả vội vàng đến hỏi thăm:

- Thưa bà! Có chuyện gì làm bà đau khổ đến nỗi khóc lóc thảm não như vậy?

Nghe có người hỏi, thiếu phụ càng khóc to thêm:

- Thôi ông hỏi han làm gì, dù có nói cũng vô ích thôi!

- Thưa bà! Xin bà cứ nói! Tôi là đệ tử của đức Phật. Tôi có thể giúp bà giải quyết được bất cứ vấn đề khó khăn nào.

- Ông không có cách nào giúp tôi đâu! Ông thấy không? Trên thế gian đây đầy những hoàn cảnh không bình đẳng, người giàu kẻ nghèo cách biệt một trời một vực! Tôi là một kẻ nghèo mặt rệp, suốt đời chịu khổ, và cũng vì cái nghèo đã đem đến cho tôi quá nhiều đau khổ nên hiện giờ tôi không còn muốn sống làm gì trên cõi đời này nữa!

Nói xong mấy lời ấy thì thiếu phụ vật vã lăn lộn như có ý muốn liêu mình. Tôn giả hoảng hốt, vội nhanh chân đứng chặn trước mặt thiếu phụ, rồi thương xót an ủi:

- Thưa bà! Xin bà đừng quá thất vọng như vậy! Bà hãy bình tâm nhìn lại thử xem, trên đời này người nghèo nhiều lắm chứ đâu phải chỉ có một mình bà! Lại nữa, người nghèo không hẳn là bất hạnh, mà người giàu cũng không hẳn là có hạnh phúc. Bà thấy không! Có những người giàu có, nhà cao cửa rộng, ruộng đất thành thang, kẻ ăn người ở đầy nhà, nhưng họ hàng ngày cứ bị các tính xấu như tham lam, sân hận, ganh ghét giày vò, đó mới là đau khổ, đó mới là bất hạnh. Cho nên làm người, chỉ cần có được cuộc sống bình an là tốt nhất, còn cái nghèo đâu đáng để cho ta đau buồn!

- Bởi vì ông là một vị sa môn nên cứ đứng đưng với sự thế, chứ kẻ tục như tôi thì đâu được như vậy. Ông biết không? Tôi nguyên là kẻ nô lệ của một nhà đại phú hào ở vùng này. Quanh

năm suốt tháng tôi chỉ biết làm nô dịch cho người, không có một chút thì giờ rảnh rỗi nào, thế mà cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, lại còn bị người chủ tham tàn bạo ác, hờ một chút là mắng chửi đánh đập, khiến cho bọn tôi tớ chúng tôi, muốn sống cũng không được mà muốn chết cũng không xong! Tôi nghĩ, sở dĩ tôi bị hành hạ như vậy là chỉ vì cái nghèo mà ra, sao ông lại bảo cái nghèo không đáng để làm cho người ta đau khổ?

- Thôi thì cứ cho là bà có lý, nhưng dù sao thì tôi cũng khuyên bà đừng đau buồn nữa. Tôi sẽ chỉ cho bà cách thức chẳng những thoát được cái nghèo mà còn phát tài nữa.

Nghe vậy, thiếu phụ lật đật lau nước mắt, hỏi dồn:

- Cách gì, thưa đại đức?

- Giản dị lắm! Bà đã bị cái nghèo làm cho đau khổ, sao bà không đem cái nghèo ấy bán cho người khác đi?

- Đại đức nói đùa sao chú! Cái nghèo mà bán được thì hóa ra trên đời này chẳng còn ai nghèo cả? Và lại, có ai mà lại chịu mua cái nghèo!

- Tôi chịu mua, bà hãy bán cho tôi đi!

- Cái nghèo lại có thể bán được, và cũng có người như đại đức chịu mua, nhưng rất tiếc là tôi không biết bán nghèo bằng cách nào!

- Bằng cách bố thí, thưa bà! Bà nên biết rằng, sự giàu nghèo của mọi người đều có nguyên nhân. Sở dĩ người ta nghèo là vì kiếp trước người ta tham lam keo kiệt, không biết bố thí và tu phước. Sở dĩ người ta giàu có là vì kiếp trước người ta biết bố thí và tu phước. Cho nên, bố thí và tu phước là cách tốt nhất để bán nghèo mua giàu.

Nghe mấy lời khai thị của tôn giả, thiếu phụ bỗng cảm thấy như tâm trí mình vừa được khai sáng, dù vậy, bà vẫn còn có điều thắc mắc:

- Thưa đại đức! Bây giờ thì con thấy tâm trí con đã được sáng tỏ. Con hiểu được lời dạy của đại đức rồi, nhưng con vốn dĩ rất nghèo, không có bất cứ vật gì gọi là của riêng; ngay cả cái vò nước này cũng là của người chủ tham lam độc ác ấy, con đâu biết lấy gì để cúng dường cho đại đức!

Ca Chiên Diên đưa cái bình bát của mình ra trước mặt thiếu phụ:

- Không nhất thiết phải có tiền bạc hay của cải mới bố thí được. **Mỗi khi thấy người khác bố thí mà mình khởi niệm hoan hỷ, đó cũng là bố thí rồi.** Hiện giờ bà có thể trút nước trong cái vò mà đang có sang bình bát này cho tôi. Thế tức là bà bố thí cho tôi đó!

Tới đây thì thiếu phụ hoàn toàn tỉnh ngộ. Từ đó bà nguyện luôn luôn y theo lời dạy của tôn giả mà thực hành, và không còn thấy bị đau khổ vì cảnh nghèo nữa." (5)

Thưa quý vị, làm sao một vị sa môn đi chân đất, ôm bình bát khất thực, dù trí tuệ siêu việt như thế nào đi nữa, lại có thể chuyển hóa một cấu trúc xã hội bất công chẳng chịt từ trên xuống dưới trùm phủ cả ngàn năm rồi? Và người đàn bà bất hạnh này chỉ là nạn nhân của cấu trúc xã hội bất công đó. Nhưng chẳng lẽ thấy chết, thấy người ta khổ mà không cứu? Nhưng cứu làm sao đây? Do sự linh hoạt và minh mẫn khác thường, Tôn Giả đã nảy ra ý nghĩ "mua nghèo" tức rước lấy cái nghèo cho người đàn bà bất hạnh. Có thể đề nghị này đã làm cho người đàn bà phì cười. Nhưng cũng nhờ cái **tức cười** đó mà tâm trí bà bừng sáng, như nở tâm hoa và một thứ ánh sáng chiếu rọi vào đầu óc và chuyển hóa tâm thức. Bà không còn cảm thấy

nghèo hèn và khổ khổ nữa: Một chuyển hóa tâm thức trong hòa bình, không làm khổ mình và khổ người, không cần sự trợ lực hay quyền phép của thần linh.

d) Đạo Phật không dùng quyền lợi vật chất trước mắt, cũng như ảo tưởng về một cuộc sống bất tử để dụ dỗ con người. Những người đi theo Phật đều vứt bỏ quyền lợi, danh vọng tột đỉnh của thế gian như bao bậc vua chúa, đại thần, ti phú, những nhà tiên tri, các vị Bà-la-môn tầm tiếng thời Đức Phật còn tại thế. Theo Phật hay theo Đạo Phật không phải để được thăng quan tiến chức, đặc quyền đặc lợi kinh tế, ăn trên ngồi trước, hoặc là cái mọc che, cái vò đạo đức để vênh vang trong xã hội. Đạo Phật lại càng không phải là cái "mode" hay phong trào để theo. Mode hay phong trào giống như kiểu cạo đầu tóc, quần áo, vẽ môi vẽ mắt ồn ào đó rồi quảng bỏ đó. Theo Phật hay theo Đạo Phật là mong muốn trở thành Toàn Chân, Toàn Thiện, Toàn Mỹ, bơi lội trong biển Trí Tuệ, tầm mắt trong suốt Từ Bi và rong chơi trong vườn Giải Thoát, là người nhưng biết thương người và bình đẳng với muôn loài. Đạo Phật là như thế đó.

e) Đạo Phật không dựa vào lời sấm truyền, huyền thoại, lời tiên tri để xây dựng giáo lý của mình. Trong suốt cuộc đời hành đạo, Đức Phật không hề để lại một lời tiên tri, phỏng đoán nào về vận mệnh của con người và trái đất...mà Đức Phật chỉ nói về nhân duyên và pháp vô thường của vạn hữu, thể hiện qua bốn giai đoạn Thành, Trụ, Hoại, Diệt mà ai cũng có thể chứng ngộ và thấy được qua bao ngàn năm. Tương lai của trái đất tốt xấu thế nào xin để cho các khoa học gia, các nhà bác học cho ý kiến. Mới đây Stephen Hawking - lý thuyết gia lừng danh về vật lý của Anh đã tuyên bố trong cuốn sách mới của ông là Thượng Đế không sáng tạo ra vũ trụ mà "Sự Nổ Lớn" (Big Bang) là hậu quả tất yếu của định luật vật lý. Nếu năm xưa Đức Phật nói rằng vũ trụ này do Thượng Đế (Brahma) tạo lập, ngày nay chắc chắn giáo lý của Đức Phật bị suy giảm nghiêm trọng.

g) Đạo Phật không dùng bao lực, giết hại, kỳ thị để ép buộc con người đi theo. Khi tôn thờ Thần Linh thì có yêu ghét, cao thấp, sang hèn, đúng sai, phần nô, trừng phạt...do đó có đe dọa, ra oai, trả thù, đàn áp, giết hại. Khi dùng trí tuệ chiếu vào thì vạn pháp "bất biến bất phú, bất cao bất đê, bất phạm bất thánh, bất ái bất ố, bất tịnh bất cấu, bất tăng bất giảm..." khiến Trí Tuệ lắng yên và Tâm Đại Bi hiển lộ. Chúng ta hãy đọc một giai thoại hoằng pháp của Tôn Giả Ca Chiên Diên:

"Một lần nọ, khi đức Phật ngự tại Tịnh Xá Kỳ Viên (Jetavana), Ca Chiên Diên đã một mình vượt rừng rậm đi về hướng Tây, đến du hóa ở Vương Quốc Ma Du La. Khi đến nơi, trước hết tôn giả tìm hiểu dân tình và học hỏi phong tục, tập quán cùng cách thức sinh hoạt của dân địa phương. Sau đó tôn giả mới tìm vào kinh thành để yết kiến quốc vương. Trông thấy tôn giả, quốc vương hỏi:

- Đại đức! Trẫm nghe nói đại đức vốn thuộc dòng giống Bà La Môn cao quý, nhưng lại đi qui y làm đệ tử của Sa Môn Cổ Đàm vốn thuộc dòng giống Sát Đế Lợi; như vậy chẳng hóa ra là đại đức đã tự hạ thấp mình quá sao?

- Thưa đại vương! Làm đệ tử Phật, chẳng những tôi không cảm thấy tự hạ thấp mình, trái lại đó là điều vinh quang cùng tột của đời tôi.

- Là lòng thật! Bỏ đi cái chủng tộc thanh tịnh sinh ra từ rừng Phạm Thiên của mình để làm đệ tử của ông Phật dòng Sát Đế Lợi thì có ai mà hiểu nổi!

Dù vị quốc vương tỏ rõ thái độ kinh rere như vậy, nhưng tôn giả không lấy thế làm khó chịu, vẫn ôn hòa đáp lại:

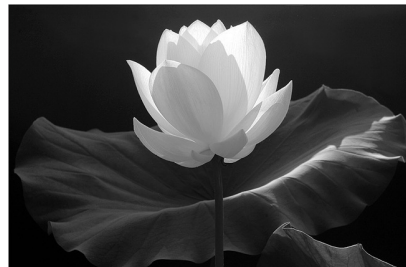
- Thưa đại vương! Trước đây, khi còn là một đạo sĩ Bà La Môn, tôi cũng đã từng có cái nhìn giống hệt như đại vương vậy, nhưng từ khi nghe được những lời chỉ dạy của Đức Phật, tôi mới biết là mình đã có những nhận thức đây sai lầm. Xã hội phân ra có bốn giai cấp khác nhau chẳng qua là vì có các

(xem tiếp trang 11)

Tưởng niệm Anh Cả GDPT Bắc California

**Minh tánh ngộ vô thường
Dũng tướng hành yêu thương
Phú quý như mây khói
Toàn vẹn nghĩa tình lam
Cương quyết Bi Trí Dũng.**

*Phiêu du một cõi Ta Bà
Bồng lai tiên cảnh về nhà Như Lai.*



Thức dậy đi tuổi trẻ Việt Nam

(Tặng những người trẻ bất khuất trong nước)

*Nghe đâu tiếng gọi Trường Sa
Nghe đâu xả tắc sơn hà dẫm lên
Hoàng Sa, Bản Giốc thác ghềnh
Trao về phương Bắc một tên hung tàn
Nay bao lực lại nghênh ngang
Xâm lăng biển Việt cơ hàn ngư dân
Ôi tuổi trẻ hãy dẫn thân
Nói lên tiếng nói người dân quê mình
Vớ khối óc lại nặng tình
Trái tim yêu nước nghĩa tình quốc gia
Việt Nam bất khuất sơn hà
Đấu tranh xây dựng nước nhà phồn vinh.*

06/2001

BẠCH XUÂN PHÊ



VĂN PHÒNG ĐIỀU HỢP
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT LIÊN CHÂU

Chùa Pháp Hoa: 20 Butler Ave, Pennington, SA 5013 - Australia
Tel: (+61) 8.84478477 - Fax: (+61) 8.82401758 - Email: phaphoanamuc@gmail.com

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Liên Châu

BẢN LÊN TIẾNG

VỀ VIỆC TRUNG QUỐC XÂM LẤN LÃNH HẢI VIỆT NAM TRÊN BIỂN ĐÔNG

Vào ngày 29/5 và 09/6 vừa qua, tàu hải giám của Trung quốc đã công nhiên tấn công, phá thiết bị thăm dò dầu khí của tàu Bình Minh 02 và Viking 2 của Việt Nam trên chính vùng biển thuộc chủ quyền Việt Nam theo Công ước Luật biển.

Vì sự sống còn của dân tộc và sự vẹn toàn của lãnh thổ, hàng ngàn đồng bào quốc nội bất chấp mọi khó khăn và nguy hiểm đến đời sống và tánh mạng, đã đứng lên làm cuộc biểu tình bất bạo động vào hai Chủ Nhật liên tiếp, ngày 05 và 12 tháng 6 năm 2011, tại Sài Gòn và Hà Nội.

Cuộc biểu tình ôn hòa hai tuần qua là tiếng nói của người dân biểu lộ sự bất khuất và quyết tâm bảo vệ giang sơn gấm vóc, cũng để báo động cùng đồng bào và thế giới rằng chủ quyền của Việt Nam trên các đảo Trường Sa và Hoàng Sa bị xâm phạm trắng trợn, và có nguy cơ bị mất hẳn vào tay Trung quốc.

Đây là những biểu hiện yêu nước tự nhiên của con dân nước Việt, không ai được quyền cản ngăn, lên án, ghép thành tội trạng; cũng không ai được quyền cho phép hay chứng nhận quyền biểu hiện này.

Qua các diễn tiến nói trên, Văn Phòng Điều Hợp của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất liên châu chúng tôi

Nhận định:

- Trung Quốc quen thói xâm lăng của các Hán triều xưa nay, luôn ôm mộng bá chủ, bành trướng thế lực, muốn thôn tính các nước láng giềng, nhất là Việt Nam;
- Dân tộc Việt Nam vốn hiếu hòa, không muốn gây chiến, chỉ có nguyện vọng là được độc lập, hòa bình, tự do và dân chủ. Nhưng nếu chủ quyền đất nước bị xâm phạm, toàn dân Việt sẵn sàng đứng dậy để bảo vệ lãnh thổ, lãnh hải;
- Những thế lực nào muốn xâm lăng thôn chiếm bất cứ một tấc đất nào của Việt Nam đều phải trả một giá rất đắt như lịch sử đã chứng minh;
- Phật giáo Việt Nam đã đồng hành với dân tộc gần 2000 năm trong sự nghiệp dựng nước, giữ nước. Dân tộc thống khổ, Phật giáo đảm nhận việc ban vui cứu khổ trong sứ mệnh hoằng pháp lợi sinh của người con Phật; khi đất nước lâm nguy, toàn thể Phật giáo đồ Việt Nam tự ý thức trách nhiệm bảo vệ bờ cõi, tích cực dẫn thân tranh đấu cùng toàn dân.

Từ những nhận định trên, chúng tôi khẩn thiết lên tiếng:

- * Kêu gọi Nhà nước Cộng Sản Việt Nam ngưng ngay những hành vi ngăn cấm, cản trở, đe dọa và giải tán những người biểu tình ôn hòa bày tỏ lòng yêu nước và ý chí bảo vệ giang sơn của họ;
- * Nhà nước Cộng Sản Việt Nam phải ngưng ngay việc bắt bớ, cách ly hoặc quản chế những nhà bất đồng chính kiến, những người đấu tranh vì lương tâm, và những người tham gia các cuộc biểu tình ôn hòa, tự phát; hãy lập tức trả tự do cho họ và tuyệt đối không nên phân biệt đối xử, đe dọa đời sống và tánh mạng của họ;
- * Cảnh báo cùng Đảng Cộng Sản Việt Nam rằng, lãnh thổ, lãnh hải Việt Nam là do công lao dựng nước, giữ nước của bao đời tiền nhân để lại, không ai, không chính thể hay đảng phái nào được quyền chia cắt, sang nhượng cho ngoại bang; Đảng Cộng Sản Việt Nam phải chịu hoàn toàn trách nhiệm với lịch sử về việc đã để mất từng phần, hay toàn phần các hải đảo, nhất là đã làm mất các vùng đất mệnh mông giáp ranh Trung Quốc;
- * Kêu gọi Đảng Cộng Sản và Nhà nước Việt Nam nhanh chóng thực thi các quyền tự do căn bản cho người dân, thay đổi hiến pháp cho phù hợp đà tiến văn minh và dân chủ của thế giới và thời đại; vì đây là bước đi nền tảng cho xã hội Việt Nam để dựng lại những gì bị phá sản do chủ thuyết và ý thức hệ ngoại lai mang đến trên quê hương Việt Nam gần một thế kỷ qua, đồng thời nhờ vậy mới tạo được yếu tố tổng hợp sức mạnh toàn dân để lấy lại những gì đã mất vào tay Trung quốc từ những năm qua;
- * Kêu gọi Đảng Cộng Sản và Nhà nước Việt Nam phải cứng rắn bày tỏ quan điểm và quyết tâm bảo vệ lãnh thổ, lãnh hải của con dân nước Việt đối với sự xâm lăng của Trung quốc; và hãy sớm cùng các nước khối ASEAN công khai tố cáo hành vi xâm lược và vi phạm chủ quyền Việt Nam của Trung quốc lên Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc và cuối cùng,
- * Nhắc nhở Đảng Cộng Sản và Nhà nước Việt Nam rằng, tổ tiên chúng ta sở dĩ bảo vệ được toàn vẹn giang sơn là do sự đoàn kết, hòa hợp, trên dưới một lòng giữa chính quyền và quần chúng nhân dân; tất cả các thế lực ngoại bang xâm lăng, nhất là Trung Quốc với lịch sử ngàn năm đô hộ nước ta, dù đông đảo hùng mạnh đến đâu, đều bị bẻ gãy trước sự kiên cường nhất tâm và lòng yêu nước nhiệt thành của toàn dân. Để có được sự đoàn kết, kiên cường này, nền tự do, dân chủ và các quyền căn bản của người dân phải được bảo đảm bởi pháp luật, Đảng Cộng Sản và Nhà nước đương quyền phải thành tâm sám hối, sớm từ bỏ nền chính trị độc tài, sửa đổi Hiến Pháp để thực hiện đa nguyên, đa đảng, dân chủ và dân quyền, theo những điều lệ của các Công Ước Quốc Tế mà Hà Nội đã ký kết nhưng chưa từng thực hiện.
- * Các Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất liên châu trước sau như một, theo đuổi "lý tưởng hòa bình cho dân tộc và nhân loại" mà Hiến Chương GHPGVNTN đề ra. Các Giáo Hội liên châu chúng tôi sẵn sàng yểm trợ các phong trào toàn dân, trong nước và hải ngoại, để tranh đấu đòi hỏi các quyền tự do căn bản của người dân; nhất là trong cơn nguy biến của sơn hà, xin nguyện hết mình dẫn thân cùng đại khối dân tộc để bảo toàn lãnh thổ Việt Nam.

Hải Ngoại ngày 14 tháng 6 năm 2011

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Úc Đại Lợi - Tân Tây Lan

HT Thích Như Huệ, Hội Chủ HĐĐH

Đương Kiêm Chánh Văn Phòng Điều Hợp (ấn ký)

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu

HT Thích Minh Tâm, Chủ tịch HĐĐH (ấn ký)

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ

HT Thích Tín Nghĩa, Quyền Chủ tịch HĐĐH (ấn ký)

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại Canada

TT Thích Bổn Đạt, Chủ tịch HĐĐH (ấn ký)

Trả ta sông núi

(Xin mượn tựa đề và cảm tác khi đọc bài Trả Ta Sông Núi của Thi bá Vũ Hoàng Chương)

Trả ta sông núi của Rồng Tiên
Tổ quốc trời nam thật vĩnh nhiên
Tọa thị phương nam sơn sắt ấy
Uy nghi lâm liệt khí hùng thiêng
Trả ta sông núi của ông cha
Sông máu núi xương dựng nước nhà
Da chất thịt chông xây lịch sử
Tranh thù gấm vóc lộng sơn hà
Trả ta sông núi của muôn đời
Liệt nữ anh hùng gương sáng soi
Bảo vệ truyền lưu trao thế hệ
Ngàn năm tâm lực mãi tô bồi
Trả ta sông núi tự ngàn xưa
Dân tộc Việt Nam đứng khí thừa
Đồng bọc đồng bào đồng sắc thái
Muôn người như một biết hay chưa
Trả ta sông núi để ngàn sau
Con cháu Rồng Tiên nhuộm sắc màu
Không thẹn tiền nhân khai mở nước
Việt Nam ngời sáng rạng minh châu
Trả ta sông núi mãi khơi dòng
Sừng sững Trường Sơn đỡ núi sông
Triều sóng Biển Đông chống vọng ngoại
Vó câu cửa sổ tựa lồng hồng
Trả ta sông núi hát Sông Hồng
Ca ngợi Thái Bình đón gió đồng
Hát Cửu Long giang hòa chín khúc
Đồng Nai Bến Nghé mãi chờ mong
Trả ta sông núi ven ba miền
Sông biển đảo xa nổi đất liền
Rừng thẳm cao nguyên đèo gió hú
Đồng bằng nương rẫy thú điền viên
Trả ta sông núi khắp ba miền
Lấp biển đời non thẳng tiến lên
Xẻ dốc be đường cầu nối nhịp
Bắc Trung Nam một dải thần tiên
Trả ta sông núi ven cầu thề
Tim sắt gan chì thanh sử kê
Thân tử khí hùng luôn bất tử
Hồn thiêng lộng gió thét sơn khê
Trả ta sông núi giống da vàng
Dân tộc kiêu hùng nước Việt Nam
Nam bắc đông tây đừng động thái
Đụng vô rồi kéo chạy tan hoang
Trả ta sông núi ven cơ đồ
Một tấc chẳng suy thuở dựng cờ
Một khoảnh không mòn trang sử Việt
Tử thành một khắc vạn xương khô
Trả ta sông núi của hùng anh
Năm ngàn năm sử kết đan thanh
Sông dài biển rộng reo gió hát
Trời cao đất rộng ngất hương lành
Trả ta sông núi nước non này
Tự cổ tới kim không đổi thay
Đến mãi ngàn sau không biến chuyển
Thành đồng vách núi mãi không lay
Trả ta sông núi nước non nhà
Tích tịch tình tang trời khúc ca
Con cháu Lạc Hồng reo tiếng hát
Ngân dài quốc quốc với gia gia.

MẶC GIANG



TRÍ TUỆ: SINH MỆNH CỦA ĐẠO PHẬT

Đào Văn Bình

(tiếp theo trang 9)

chứng nghiệp khác nhau, đại khái như tôn giáo, chính trị, thương nghiệp, công nông v.v... Đó chỉ là vấn đề phân công làm việc, từ chúng không có cao thấp, sang hèn. Nếu y cứ vào đó để lập thành các giai cấp cao thấp, phân chia chủng tộc sang hèn thì hoàn toàn là những lợi dụng vô lý và phi pháp. Bất cứ ở giới nào cũng có người tốt kẻ xấu. Ngày nay, ngay trong dòng Bà La Môn cũng đầy dẫy những phần tử làm nhiều việc xấu xa như tà dâm, giết người, và hầu hết đều là những người bảo thủ, tà kiến. Vậy có thể bảo đó là những người tôn quý bậc nhất hay sao. Bởi thế, sự tôn quý hay thấp hèn của con người không phải do chủng tộc hay giai cấp cao thấp sinh ra. Bất luận là ở chủng tộc nào, hễ ai biết làm việc tốt, có công phu tu học, có giác ngộ và chứng quả thì đều là người trong sạch, cao thượng, đáng tôn quý.

Quốc vương nghe xong mấy lời này thì bưng tinh ngộ, tự nói với mình: "Đúng rồi, ta thật quá sai lầm! Bao nhiêu nhà tù trong nước từ trước đến giờ chỉ dành để giam cầm hạng Thủ Đà La, còn hạng Bà La Môn phạm tội thì không hề hấn gì cả. Thật chẳng lấy làm lạ, tiếng oán than đầy dẫy trong dân chúng!"

Lòng hối cải đã lộ rõ trên nét mặt quốc vương. Thấy thế, tôn giả thuyết phục thêm:

- Thưa đại vương! Vì vậy mà đại vương nên tin phụng và thực hành chánh pháp. Phật là bậc đại giác ngộ, là bậc chí tôn trong đời. Chúng ta qui y làm đệ tử của Người để tìm thấy con đường tự do giải thoát. Đó là hạnh phúc và vinh quang tốt của đời chúng ta." (6)

Sáng suốt và linh hoạt thay lời giải đáp của Tôn Giả Ca Chiên Diên. Chính sự phân tích có tính khách quan và hợp lý đó đã đem lại công lý, bình đẳng cho Vương Quốc Ma Du La và xác định rõ một khuôn thước thẩm định giá trị của con người qua phẩm hạnh đạo đức, qua những gì tốt lành cống hiến cho đời... vẫn còn xác quyết cho tới ngày hôm nay.

h) Theo Đạo Phật, tôn giáo là nhằm giải thoát tâm linh cho con người, san bằng bất công xã hội, giải trừ giai cấp. Tôn giáo không phải là một nghề nghiệp sinh sống, không phải là một chức vụ để trả lương, không phải là một vị thế để hưởng thụ. Tu sĩ phải là biểu tượng sống động của giáo lý cao thượng. Tu sĩ không phải là một đẳng cấp siêu vượt trong xã hội. Tu sĩ phạm giới ngoại trừ sự trừng phạt của giáo đoàn (nay là giáo hội), nếu phạm tội, phải chịu sự chi phối của luật pháp không một miễn trừ nào. Nếu người đời xâm phạm tiết hạnh, hãm hiếp phụ nữ trẻ em, bị trừng phạt như thế nào thì tu sĩ cũng bị trừng phạt như thế. Sở dĩ tu sĩ được cúng dường và kính trọng là vì phẩm hạnh chứ không phải vì địa vị, phẩm trật trong giáo hội. Tu sĩ chân chính không thể cười nói nhõn nhõ, ăn mặc diêm dúa, nháy múa, hớn hờ bên

rượu thịt...bởi vì những cái đó thuộc về thể tục, không phải thánh đạo để mọi người sùng bái, quý lạ, dựng tháp miếu để kính ngưỡng. Chúng ta hãy nghe một đoạn đối đáp của Tôn Giả Ca Chiên Diên với người bạn Lỗ Ê Giá - một trưởng giả của dòng Bà La Môn:

"Này người bạn hiền, xin hãy nghe lời tôi nói! Tín ngưỡng và sự tu hành của chúng ta là nhằm mục đích giải thoát khỏi vòng sinh tử, để cho cuộc sống đạt được an lạc, tự tại. Chúng ta đừng xem đó là một thứ nghề nghiệp để sinh sống. Hiện nay, những tu sĩ Bà La Môn lia bỏ gia đình để sống theo nếp sống phạm hạnh của người tu hành chân chính phỏng có là bao! Mà phần đông họ đều chỉ có cái hình tướng trá ngụy ở bề ngoài, cúng lễ tế tự cho người giống như việc kinh doanh để sinh nhai, lấy tôn giáo làm cái chiêu bài để tranh giành đoạt lợi, cốt thỏa mãn cái tư dục của mình; thật là đáng buồn! Tu sĩ Bà La Môn ngày nay đều lo tìm những thứ gì ở ngoài Tâm, cũng chẳng phải mong cầu phước báo ở cõi Trời hay cõi Người, mà chỉ toàn nói hươu nói vượn về những hiện tượng này nọ của vũ trụ, nào có mấy người biết chính mình là ai!" (7)

i) Sau hết, Đạo Phật là đạo duy nhất hoàn chỉnh mọi sự cất vắn, tranh luận mà không sợ bị sa hòa ngục hay can tội "phạm thánh". Phạm trừ của lý trí là phạm trừ cần tranh luận, bàn cãi cho ra lẽ. Nếu vấn đề đã thuộc về lý trí thì con người có thể hội, có thể hiểu và lý giải được. Phạm trừ của lý trí không có ngăn mé, không cấm kỵ, không biên giới, không phân biệt tuổi tác, vị thế, màu da, chủng tộc. Chính vì tôn trọng trí tuệ cho nên một trong ba lời nguyện mà chư tăng/ni và Phật tử đọc tụng hằng ngày có câu:

Tự quy ý Pháp
Đương nguyện chúng sinh
Thấu rõ kinh tạng
Trí tuệ như biển

Như vậy theo tinh thần của Phật Giáo, đọc tụng, nghiên cứu kinh điển là để mở mang trí tuệ rộng lớn như biển cả, chứ kinh điển Phật Giáo không phải là một thứ bùa mê làm lu mờ trí tuệ, lú lẫn con người.

Còn phạm trừ thần linh thì không có tranh luận, lý giải mà chỉ là sự tuân phục và tin theo - dù rất phi lý và phi trí tuệ. Hễ không tin thì phải sa hòa ngục. Trong Đạo Phật, không hề có lời hứa dọa nào buộc tín đồ phải tuân theo lời Phật dạy. Lời Phật dạy giống như một viên thuốc trị bệnh, không uống thì không hết bệnh, chỉ có thể. Đức Phật luôn luôn nhắc nhở hàng đệ tử cùng ngoại đạo đến vấn đề là phải suy nghĩ cho thật kỹ những gì Phật nói. Nếu những điều đó tốt lành cho mình, cho người thì mới tuân theo chứ đừng vội tin một cách mù quáng. Trong những giờ phút cuối cùng trước khi Đức Thế Tôn nhập diệt tại rừng Sa La Song Thọ, dù sức khỏe của Ngài rất suy yếu nhưng Ngài vẫn dành nhưng giây phút cuối để cho các hàng đệ tử thưa thỉnh nhiều vấn đề chưa hiểu rõ hoặc còn hồ nghi. Thậm

chí có rất nhiều vị bồ tát đã vận hỏi, cất vấn, đặt ngược vấn đề với Phật mà Phật vẫn vui vẻ giải đáp thỏa đáng. Hãy cứ xem Kinh Đại Bát Niết Bàn thì rõ.

Từ những nhận định trên chúng ta có thể kết luận rằng Đạo Phật được xây dựng trên nền tảng Trí Tuệ và Phật Giáo là đạo của Trí Tuệ. Cũng giống như Mặt Trời chính là ánh sáng. Nền tảng Trí Tuệ chính là sinh mệnh của Phật Giáo. Khi Mặt Trời tắt thì ánh sáng không còn. Xa lìa trí tuệ, bám víu vào hiện tượng trắng sao, mưa gió của trời đất, khẩn nguyện phép màu, van vái Thần Linh, mê hoặc bởi những lời sấm truyền vu vơ...hướng ngoại mà không hướng nội... là giết chết Phật Giáo trên tự thân của nó. Thế nhưng nói Trí Tuệ thì phải hiểu đó là Trí Tuệ Rốt Ráo, Trí Tuệ Bát Nhã, Trí Vô Sai Biệt hay Đại Viên Cảnh Trí. Khi đạt tới loại Trí Tuệ này rồi thì Tâm Đại Bi hiển lộ. Trong Đạo Phật, Trí Tuệ và Từ Bi như hình với bóng. Bi là Trí mà Trí cũng là Bi. **Mắt Trí Tuệ thì mắt Đại Bi. Mắt Đại Bi thì cũng mắt Trí Tuệ.**

Vậy thì bạn ơi,
Hãy tôn thờ trí tuệ của con người
Nó như ngọn đuốc soi đường
Nó như bình minh trong đêm tối
Nó là nền hòa bình trong tương lai của nhân loại
Nó là nơi mà chúng ta có thể kết tình

huynh đệ
Vậy hãy tin nơi sáng suốt của chính mình
Sự sáng suốt do nhận thức những gì chung quanh ta
Do cuộc sống này nảy sinh
Do kinh nghiệm học hỏi từ quá khứ
Từ những bậc thầy giác ngộ (8)
Đừng tin những gì ở thần quyền
Qua sự diễn dịch của tầng lớp trung gian
Đừng tin những gì nơi thần linh, ma quỷ
Đừng vội tin những gì người ta nói
Đừng vội tin những lời truyền tụng vu vơ.

Đào Văn Bình
(California Tháng Tư năm 2555.PL
tức năm 2011. TL)

(1) Phật Học Phổ Thông
(2), (3),(4), (5),(6) &(7) Bài "Mười Vị Đệ Tử Lớn Của Phật" đăng trên mạng lưới Hoằng Pháp Hà Nội
(8) Đức Phật là một vị đã giác ngộ và sau này tất cả những ai liễu ngộ được chân lý của Đức Phật và tin theo cũng đều là các bậc giác ngộ

Xin Cứ Mãi Bình Minh

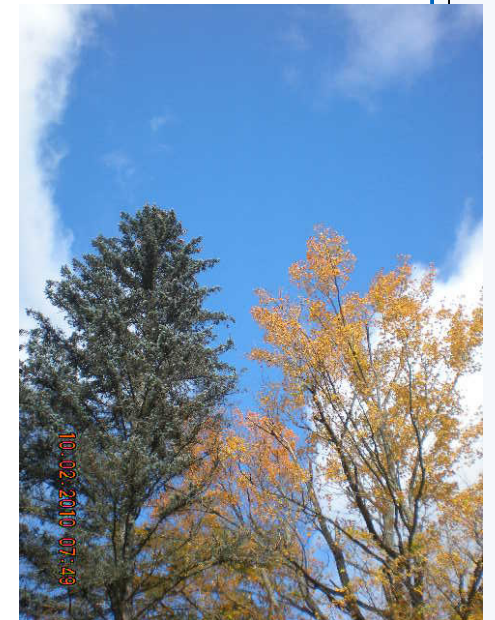
Sao không mãi là bình minh
từ buổi sớm đất trời thanh cao
khi chim còn lượn giọng
hót những tiếng trong trẻo
như những hạt sương mỏng
rung rinh trên cành non.

Sao không mãi là bình minh
để lời chào chưa vương màu nắng,
bụi ngày khóa lấp trên đôi môi,
thói đời ganh đua theo từng khắc,
cùng chiếc đồng hồ tích tắc.

Sao không mãi là bình minh
cho nhân loại giữ nguyên lòng nhân ái
với ánh mắt pha màu đại dương
tắm mát những tâm hồn khô khốc.

Sao không mãi là bình minh
như lúc tình yêu vẫn là nụ
thuở đầu nhìn nhau bằng ánh mắt
hiền như lời đồng dao mẹ hát

Ngày xưa...
Xin đất trời hãy cứ mãi bình minh.



Chùa Phổ Môn, Sioux, Iowa

DƯƠNG KIỀU NHI



PHÁI ĐOÀN GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT LIÊN CHÂU CỨU TRỢ VÀ ỦY LẠO NẠN NHÂN THIÊN TAI NHẬT BẢN

Đỗ Thông Minh

Phái Đoàn Cứu Trợ của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Úc Châu, Âu Châu, Canada và Hoa Kỳ thăm viếng, tặng quà, tổ chức Đại Lễ Cầu Siêu Bạt Độ Chư Âm Linh Nạn Nhân bị Động Đất, Tsunami tại Miyagi, Fukushima, Nhật Bản, từ ngày 31-5-2011 đến 5-6-2011



Cuối tháng 3/2011, TT Thích Tâm Phương, chùa Quảng Đức bên Melbourne, Úc, liên lạc nhờ giúp tổ chức tại chỗ cho phái đoàn Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Liên Châu từ khắp nơi trên thế giới muốn thực hiện một chuyến đi Nhật, đem theo khoảng 130.000 đô-la Mỹ (khoảng 10,4 triệu Yen, từ chùa Mỹ Giác ở Đức, Vạn Hạnh, Quảng Đức và Trúc Lâm ở Úc, Pháp Vân ở Ontario, Gia Nã Đại, Thanh Tịnh ở New York, Quang Thiện ở Los Angeles, Thiền Tịnh Đạo Tràng ở Garden Grove, Thiền Viện Chân Không - An Lạc ở Hawaii, Phổ Đà ở Ottawa và Quan Âm ở Motreal, Gia Nã Đại...) ủy lạo và làm lễ cầu siêu cho các nạn nhân tại Nhật. Phái đoàn lập 2 quỹ riêng, quỹ cứu trợ do Ni Sư Diệu Tánh và Phật tử Ái Liên lo và quỹ sinh hoạt do Diệu Hiền và Mỹ Linh lo.

Dự tính ban đầu có 12 tu sĩ và Phật tử, quyên góp khoảng 50.000 đô-la Mỹ, cuối cùng lên 22 tu sĩ và thành khoảng 130.000 đô-la Mỹ. Phía bên Nhật cũng dự tính 5, 7 người, cuối cùng thành 20 người.

Các chi phí đi chuyến, ăn ở của đoàn đều tự túc không liên hệ với tiền cứu trợ. Riêng nhà hàng Brodard Phật tử Quảng Nguyên tại Little Saigon cúng dường mỗi thầy 500 đô-la Mỹ để chi dùng trong khi đi làm công tác cứu trợ.

Phái đoàn 22 người đến Nhật trong các ngày 29-31/5 gồm từ:

Úc: HT. Minh Hiếu, TT. Thích Quảng Ba (Phát Ngôn Viên Đoàn), TT. Thích Tâm Phương (Điều Hợp), TT. Tâm Minh (Chú Sám), Sư Cô Liên Hạnh, các Phật tử Thiện Bảo, Bích Liễu.

Hoa Kỳ: HT. Thích Nhật Quang, HT. Thích Thông Hải (Phó Trưởng Đoàn), TT. Thích Minh Dung, TT. Thích Nhật Huệ, Ni Sư Diệu Tánh và các Phật tử Hải Đức, Hải Ngọc Linh và Tâm Ngọc Đức.

Gia Nã Đại: TT. Thích Bốn Đạt (Phó Trưởng Đoàn), TT. Thích Trường Phước.

Đức: HT. Thích Như Điển (Trưởng

Phái Đoàn).

Truyền thông thì có ông bà Dương Phục là Giám Đốc Saigon Houston Radio - Tuần Báo Saigon News (đã quyên góp được 40.000 đô-la Mỹ chuyển cho Hồng Thập Tự Hoa Kỳ) và chuyên viên thu hình Đỗ Hạnh đài TV SBTN/Dallas (nhóm này cũng sẽ gặp gỡ và làm phóng sự về Cộng Đồng Thiên Chúa Giáo VN tại Nhật ngày 5/6), về xã hội Nhật...

Khi ở Tokyo, phái đoàn trọ tại nhà khách của Rissho Koseikai (Lập Chính Giáo Thành Hội) ở Honan-Cho, Ikegami, quận Sugunami, Tokyo do Hội Cư Sĩ Pháp Hoa Rissho Koseikai lo liệu.

Thầy Triệt Học Trần Đức Giang và Đỗ Thông Minh cùng một số thân hữu đã tiếp tay lo việc liên lạc các chùa, thu xếp xe đón đưa, nơi ăn ở, viếng thăm, làm lễ cầu siêu, liên lạc với truyền thông Việt, Nhật. Phía Phật tử đạo tràng Viên Thông, chùa Việt Nam tại Nhật Bản... có khoảng 25 người Việt và Nhật tham gia. Tất cả chia nhau đi chung trên 2 xe buýt 26 và 29 chỗ.

Phái đoàn Giáo Hội Phật Giáo VNTN Hải Ngoại... có các Phật tử giúp lo cơm chay hay ăn mì gói, mì ly, cơm nắm, khi đến trú tại 2 đêm tại Phúc Tự Viện thì dùng bếp tại chỗ tự nấu các món chay.

Ngày 30/5, nhóm 5 người ở Úc tới sớm được thầy Triệt Học đưa đi thăm chùa Naritazan sau đó trở lại phi trường Narita cùng nhóm sau về nhà khách của Rissho Koseikai tại quận Sugunami.

Ngày 31/5, một phần phái đoàn đến sớm ghé thăm chùa Việt Nam tại tỉnh Kanagawa (Thần Nại Xuyên, ở phía Nam Tokyo) do HT Thích Minh Tuyên trụ trì được khoảng 100 Phật tử tiếp đón. Quý Tăng Ni đã làm lễ cầu an và dùng cơm do các Phật tử tự làm đãi.

Ngày 01/6, lúc 6 giờ sáng, Phái đoàn cùng các Phật tử tại Nhật qua chánh điện "Đại Thánh Đường" Risshoko Koseikai cùng hàng ngàn người Nhật làm lễ cầu siêu và cầu an, đọc kinh Pháp Hoa... Ăn sáng vội vàng rồi lên đường.

Lúc 8 giờ sáng, mọi người lên xe rời nhà khách của Rissho Koseikai, rất chật chội nhưng ấm cúng. Trước tiên đi thăm Pháp Hoa Homonji (Bản Môn Tự, là một trong 13 tông phái, khoảng 35% Phật tử Nhật theo phái Pháp Hoa) ở quận Ota. Sau đó, ghé đến chùa Senso và đền Asakusa (Thiền Thảo) ở quận Taito, Tokyo.

Khoảng 2 giờ trưa, rời Tokyo đi chuyển lên Sendai (Tiền Đài), tỉnh Miyagi (Cung Thành), mất 5 giờ 30 phút xe trong đó có 2 lần nghỉ khoảng 15 phút, đến nơi khoảng 7 giờ 30 tối. Các tu sĩ ngụ tại Fukujin (Phúc Tự Viện), những người còn lại ngụ tại khách sạn. Trời mưa nhẹ, hơi lạnh, khoảng 15 độ C.

Có 4 người Nhật thuộc Rishso Koseikai do ông Goto hướng dẫn từ Tokyo lên nhập chung với phái đoàn.

Ngày 02/6, các Tăng Ni Việt Nam lên chánh điện chào Sư trụ trì Kozan Date (Y Đạt Quảng Tam) tặng quà lưu niệm. Tăng Hội Phật Giáo Iwate 2.500.000 Yen để lo cho người tỵ nạn...

Thầy trụ trì Kozan Date và Tsuzuki thuộc Fukujin... đi riêng 3 xe nhỏ, để hướng dẫn phái đoàn đi thăm những nơi bị thiệt hại nặng. Trời hơi lạnh nhưng may mắn trời đã tạnh mưa. Đi độ, 20 phút, xe bắt đầu đi vào khu đổ nát, mọi người thể cảm lòng, ngẩn xúc động trước cảnh tàn phá khủng khiếp của sóng thần!

Nhiều khu nhà cửa thành bình địa, hàng trăm xe hơi bẹp dúm, không ai tưởng tượng được tại sao sức nước có thể tàn phá đến như vậy. Đó đây có những lính Tự Vệ Đội, nhân công xây dựng đang cố gắng thu dọn...

1.- Trước tiên thăm chùa Shorinji (Xương Lâm Tự), nơi bị hư hại nhưng tương đối nhẹ. Phái đoàn được Sư trụ trì Koyu Matsuyama (Tùng Sơn Quảng Hữu) tiếp đón. Phái đoàn, các Tăng sĩ và khoảng 40 tín đồ địa phương cùng nhau làm lễ Cầu Siêu khoảng 15 phút, sau đó, các Sư Nhật cũng cầu nguyện khoảng 5 phút.

Khi đáp từ, vị Sư trụ trì là ông Koyu Matsuyama nức mắt lẫn tròn vì quá cảm kích. Ông nói, trong lúc đồng bào chúng tôi đang lâm nạn thì quý Tăng Ni và Phật tử Việt Nam ở hải ngoại đến đây làm lễ cầu siêu độ cho những người Nhật bất hạnh nên "Tinh huynh đệ giữa chúng ta bắt đầu từ hôm nay". Ông cho hay tất cả người dân trong vùng này chưa được lệnh trở về nhà của mình. Hôm nay vì tiếp phái đoàn Phật Giáo Việt Nam nên ngài mới về lại chùa nhưng không được phép ở lại qua đêm. Có khoảng 2.000 người trong vùng này bị thiệt mạng và các cư dân gần sát vườn chùa thì khoảng 10 người đã chết. Trước khi từ giã, phái đoàn tặng một số tiền và chúng tôi thay mặt một thân hữu ở hải ngoại tặng một số tiền nhỏ.

Các Tăng sĩ và tín đồ ra tận cửa tiễn phái đoàn. Phóng viên Hirohide Matsuda của báo Kahoku đến phỏng vấn phái đoàn.

2.- Thăm Jodojiato (Tịnh Độ Tự Tích) vùng Arahama (Hoang Tân/Banh) là ngôi chùa cách bờ biển khoảng 500 mét bị động đất và sóng thần đánh tan tành. Nhìn quanh 360 độ, tứ bề đổ nát hoang tàn. Phái đoàn đã dâng hoa và làm lễ Cầu Siêu ngay tại chỗ.

Được biết riêng tỉnh Miyagi có 32 chùa bị thiệt hại, nhất là những chùa bằng gỗ thiệt hại rất nặng, có 6 Tăng sĩ thiệt mạng. Cách chùa khoảng 200 mét là trường Tiểu học Arahama, nước lên cao tới tầng 3, các học sinh may mắn chạy lên tầng 3 nên thoát nạn.

Anh Dương Phục, chị Thanh Thủy và anh Đỗ Hạnh sốt sắng phỏng vấn HT Thông Hải..., tường trình trực tiếp về Hoa Kỳ.

3.- Thăm chùa thuộc hàng Quốc bảo Zuiganji (Thụy Nghiêm Viện, của Lâm Tế Tông), một Tu viện thành lập từ năm 1609, gần đệ nhất thắng cảnh Matsushima (Tùng Đảo) là Di Sản Thiên Nhiên, Thế Giới, thắng cảnh hàng đầu của Nhật.

4.- Thăm mồ chôn tạm tập thể khoảng 400 người tỵ nạn tại Ishinomaki (Thạch Quyển), nơi đây vẫn còn phảng phất mùi tử khí. Phái đoàn làm lễ Cầu Siêu tại chỗ. Mọi ngày nào họ là những người sống vui tươi mà nay thân vùi sâu lòng đất, hỏi sao những người đến đây như phái đoàn không khỏi ngậm ngùi, xót thương! Tại tỉnh Miyagi có 4 khu mộ chôn tạm như vậy.

5.- Thăm công viên và đền Thần Đạo Hiyoriyama (Nhật Hòa Sơn) trên đồi cao, từ đó nhìn xuống cảng Ishinomaki (nơi chuyên xuất cảng hàng công



nhập cao và hoạt động ngư nghiệp) và sông Kitakami (Bắc Thương), nơi có đảo châu giữa sông và tượng Nữ Thần Tự Do còn sót lại.

6.- Thăm Dogenin (Động Nguyên Viện) trên đồi cao vùng Sanriku (Tam Lục), do động đất, có nhiều pho tượng bị đổ vỡ. Nơi đây cũng là trại tỵ nạn, lúc đông nhất khoảng 400 người, nay còn khoảng 110 người đang trú ngụ. Phái đoàn làm Trai đàn Cầu siêu (đọc kinh) kéo dài khoảng 1 giờ 10 phút. Có khoảng 50 tín đồ, người tỵ nạn tham dự, họ hát bài "Sanpo Wazan" (Tam Bảo Hòa Tán) mới được làm sau vụ động đất. Phái đoàn tặng một số tài chánh và nhiều người như chị Tám To ở tỉnh Kanagawa, chị Nguyễn Thị Yến ở tỉnh Chiba, chị Ni Ni ở Úc và chúng tôi thay mặt một số thân hữu ở hải ngoại tặng một số tiền nhỏ.



Tới 8 giờ 30 tối, phái đoàn về lại Fukujin, mọi người đã có cuộc họp mặt, phái đoàn tặng Hội Phật Giáo Miyagi 2.500.000 Yen để lo cho người tỵ nạn... và tổng kết ngày đi ủy lạo chính hôm nay.

Theo Sư trụ trì Fukujin là ông Kozan Date, chuyến đi thăm ủy lạo tại tỉnh Miyagi đạt kết quả rất tốt, tạo ấn tượng và cảm kích sâu đậm với Tăng sĩ và người dân những nơi viếng thăm. Cũng theo ông, ban đầu nhiều nơi cũng có ý e dè vì họ đang khó khăn, không biết phái đoàn tới vì tò mò hay có tâm ủy lạo. Nhưng với sự hiện diện của phái đoàn đông đảo từ khắp nơi trên thế giới, bất chấp xa xôi, vất vả, đến với tấm lòng chia sẻ đau thương đã nhanh chóng thu phục được họ.

Ngày 03/6, từ 5 giờ 30 sáng, HT. Thích Như Điển rời phái đoàn ra ga Sendai, đi Shinkansen về Tokyo trước, để bay về Đức.

Lúc 9 giờ 15 sáng, phái đoàn rời Sendai quay trở về, trên đường đi ngang qua tỉnh Fukushima (Phúc Đảo).

Khoảng 11 giờ, ghé vào thăm chùa Viên Thông (Entsuji), HT. Thông Hải thay mặt phái đoàn tặng quà ông Shogen Terashima (Tự Đào Tông Ngạn), 86 tuổi, nguyên Trụ trì chùa Ryuhoujo (Long Phụng Tự), nguyên Chủ Tịch Hội Phật Giáo Fukushima quy tụ 1.500 chùa trong tỉnh một số tiền 2.500.000 Yen để gửi đến các nạn nhân... ông Shogen Terashima tặng phái đoàn 250.00 Yen làm lộ phí.



Chùa Viên Thông (Entsuji), có lịch sử khoảng 400 năm, nơi thầy Triệt Học tu học, năm 1999, HT. Thích Thanh Kiêm (1920-2000) học tại Rishso Koseikai Tokyo 1954-1962, để lại lời trên bia ca ngợi công đức của ông Toichi Yoshioka (đã mất năm 1997). Đoàn được Sư trụ trì là Token Yoshioka (Cát Cường Đông Kiên) ân cần mời họp dùng trà bánh trong khi nghe nói chuyện về quan hệ tôn giáo giữa Nhật Bản và Việt Nam, như cổ Thầy Toichi Yoshioka (Cát Cường Đông Nhất) trụ trì chùa này đã từng qua thăm Việt Nam 40 lần, tặng chùa Vĩnh Nghiêm chuông đồng "Hòa Bình", đưa trẻ em mồ côi qua nuôi, đưa người sắc tộc qua dạy nghề, giúp đỡ người tỵ nạn...

Sau đó các Tăng ni và Phật tử lập Trai đàn Cầu Siêu bạt độ cho những người đã mất và cầu nguyện cho sớm khắc phục lò phát điện nguyên tử Fukushima số 1, cách đó khoảng 60 km, với sự hiện diện của hai cao Tăng Nhật.

Lúc 2 giờ 15, vì tới hẹn, phái đoàn ăn vội cơm nắm ngay trên xe buýt rồi tới thăm trại tỵ nạn Azuma (Ngộ Thê). Nơi đây vốn là trung tâm thể dục, những ngày đầu có khoảng 2.500 người tỵ nạn, nay còn khoảng 560 người. Sở Trưởng Bunmei Tsuchiya ra tiếp đón, hoan nghinh phái đoàn ghé thăm, tuy nhiên khi vào thăm không được chụp hình các người tỵ nạn (vì sợ làm phiền và gây mặc cảm cho họ).

TT. Thích Quảng Ba đã đặt nhiều câu hỏi về tình trạng người tỵ nạn. Khi phái đoàn ngó ý tặng tiền thì ông Sở Trưởng cho biết đây là trại do Chính Phủ quản lý nên không được phép nhận, tiền hiến tặng nếu có, xin gửi qua cơ quan Hồng Thập Tự... để chia đều, họ cũng không nhận bánh kẹo. Ông cũng cho hay, bây giờ bắt đầu vào mùa hè, nếu được xin gửi quần áo mùa hè mới thì trung tâm sẵn sàng nhận. Ông cảm ơn phái đoàn

đã bắt chấp tin đồn nguy hiểm phóng xạ mà tới thăm.

Lúc 3 giờ chiều, phái đoàn tiếp tục lên đường, về tới Tokyo lúc 7 giờ 15 phút tối.

Giáo Hội Rishso Koseikai đãi cơm phái đoàn và nghe phái đoàn HT. Thích Thông Hải, TT. Thích Quảng Ba báo cáo kết quả chuyến đi ủy lao. Phái đoàn nhắc lại những quan hệ tôn giáo và cứu trợ giữa Việt Nam và Nhật Bản, Nhật Bản đã giúp Việt Nam nhiều, nên nay là dịp để Việt Nam tỏ chút ân tình... Mọi người hy vọng trong tương lai quan hệ giữa hai bên sẽ sâu đậm hơn.

Có thông tin viên của 4 tờ báo là Bukkyo Times, Chugai Nippo, Shins-hukyo Shinbun và Kosei Shinbun tới phỏng vấn TT. Quảng Ba.

Ngày 04/6, số tiền còn lại, được phái đoàn phân chia và nhờ ông Tadao Goto (Cổ Vấn International Buddhist Congregation: Giáo Hội Phật Giáo Quốc Tế) trao lại như sau:

2.000 đô-la Mỹ tới Bàn Bộ Rishso Koseikai.

2.000 đô-la Mỹ tới chùa Shorinji, Miyagi.

5.000 đô-la Mỹ tới Dogenin, Miyagi.

9.000 đô-la Mỹ tới Hội Phật Giáo Ibaragi.

9.000 đô-la Mỹ tới Hội Phật Giáo Aomori.

3.000 đô-la Mỹ tới trại tỵ nạn Azuma, Fukushima, để mua quần áo mùa hè.

Từ ngày ra hải ngoại đến nay, Giáo Hội Việt Nam Hải Ngoại Liên Châu đã thực hiện nhiều công tác cứu trợ quốc tế, riêng lần này là một điểm son đặc biệt, một dấu mốc "lịch sử" về nhân số và số tiền quyên góp được.

(lược trích từ tường thuật của **Đỗ Thông Minh**)

ĐẠI TAI HỌA ĐỘNG ĐẤT ĐÔNG NHẬT BẢN

(Đông Nhật Bản Đại Chấn Tai)

- Lớn nhất từ trước đến nay ở Nhật Bản, ảnh hưởng toàn quốc. May mà tâm chấn ở xa nên tỉnh Miyagi chỉ bị chấn động cấp 7...
- Động đất kinh hoàng, sóng thần còn kinh hoàng hơn trăm lần! Sóng thần cao 15,9 mét, vào sâu trong bờ 3-5,2 km...
- Cả một dải dài 6 tỉnh khoảng 700 km bị tàn phá!!!
- 27 trong tổng số 117 ga xe điện tại vùng thiên tai bị cuốn trôi.
- Cảnh vật hoang tàn, vô cùng bi thảm! Vừa biển nước, vừa biển lửa...!
- 4 lò nguyên tử ở Fukushima bị nổ, cháy, nhưng chưa gây tai họa lớn!
- Ngày 13-14/5, 3 lò nguyên tử tại nhà máy Okahama phải tạm ngưng vận hành chờ xây đê chắn sóng cao 12 mét trong khoảng 3 năm. Ảnh hưởng khoảng 30-50 triệu người... Thiệt hại vật chất ước lượng 200-309 tỷ đô-la Mỹ.
- Chỉ số chứng khoán Nikkei từ 10.500 xuống 8.605.
- Ngân Hàng Trung Ương bơm 272 tỷ đô-la Mỹ.

(tổng kết của **Đỗ Thông Minh**)

Sự Rơi của Lá

*Lá vàng ơi!
 Hãy đợi Ta đôi chút.
 Vội vàng chi
 Mà nở lìa cành.
 Ta muốn giữ
 Những hình ảnh tuyệt vời
 của sự sống
 Đang hiện hữu trên cành.
 Không! Quy luật muôn đời vẫn thế.
 Nghinh Đông, tiễn Thu
 Đón Hạ, biệt Xuân.
 Nắng vàng hong,
 Gió phủ lạnh khắp trời.
 Mưa vừa tạnh,
 Tuyết lại giăng khắp phố.
 Xin đừng cản sự rơi của lá
 Sáng nay lá vĩnh viễn vượt thời gian
 Bao dung cả tình yêu và tư tưởng.*



*Lá đã rơi sáng nay...
 Nhưng âm thầm sự sống.
 Lá sẽ khô...
 Lá sẽ chết...
 Nhưng chết trong sự sống.
 Xin hãy ngắm nét kiêu sa của lá.
 Russet ơi! Ta yêu màu của lá
 Russet ơi! Ta chợt nhận ra rằng
 Tiếng lá rơi trong tịch mịch hồn Ta...
 Sự sống đến khi Người vừa chạm khẽ
 Chiếc lá vàng vừa chạm gót chân Ta.*

The Falling of Leaves

Oh! yellow leaves
 Please wait a moment for me.
 Why you are in such a hurry,
 to leave from your nice branches.
 I just want to hold on
 The wonderful images
 of the living,
 that is existing on the branches.
 Oh! No!
 The truth of life, as always.
 farewell Fall, welcome Winter
 good bye Spring, welcome Summer.
 Oh! bright sunshine,
 Then a cold wind in the sky,
 The rain has stopped,
 And now, lovely snowflakes just fall on
 the town.
 Please do not stop the falling of leaves.
 Today, in the morning, leaves come over
 the time forever.
 Cover all the love and the thought.
 This morning, although leaves just left
 their lovely branches
 But still, there is a sign of living inside



the sign of dropping.
 Oh! leaves will dry...
 Oh! leaves will die...
 There is a sign of the extinguishment
 in the arisen.
 Just look at the beauty of leaves.
 Oh, Russet! I love the beautiful images
 of leaves.
 Oh, Russet! I have found
 the sound of leaf is falling from my
 tranquil mind...
 Life comes after as everyone knows,
 as yellow leaves fall down just touching
 my feet.

THÍCH NỮ GIỚI HƯƠNG

DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC PHẬT GIÁO VÀ PHẬT TỬ TẠI NAM CALIFORNIA, HOA KỲ ĐÓNG GÓP CỨU TRỢ TSUNAMI TẠI NHẬT BẢN

(danh sách đóng góp sau đây không nằm trong số tiền \$130,000 Mỹ kim do phái đoàn GHPGVNTN Liên Châu mang qua Nhật để cứu trợ)

Ngày 30.3.2011: phái đoàn Phật giáo Nam California gồm có HT. Thích Chơn Thành, Thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHHK, HT. Thích Nguyên Trí, Phó Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHHK, Ni Sư Thích Diệu Tánh, Viện chủ Thiền Tịnh Đạo Tràng, Tiến sĩ Huỳnh Tấn Lê, Hội trưởng Tổng Hội Cư Sĩ PGVN, v.v... đã đến Tòa Lãnh Sự Nhật tại Los Angeles, để trao số tiền **\$50,500** Mỹ kim cho ông Katsumi Maruoka, Giám đốc Trung Tâm Thông Tin và Văn Hóa Nhật, Đại diện Lãnh Sự Quán, nhờ chuyển đến nạn nhân thiên tai tại Nhật Bản. Danh sách đóng góp như sau:

- Hưởng ứng lời kêu gọi cứu trợ của GHPGVNTN/HK và Cộng Đồng Phật Giáo Nam California trong buổi lễ cầu nguyện cho nạn nhân sóng thần được tổ chức vào chiều Thứ Bảy 19 tháng 3 năm 2011 tại Chùa Bảo Quang, đồng hương Phật tử đã phát tâm đóng góp tại chỗ số tiền là 5,000 Mỹ kim;

- Chùa Liên Hoa và nhóm cựu du học sinh tại Nhật là 25,000 Mỹ kim;
- Ni Sư Diệu Tánh, Thiền Tịnh Đạo Tràng 10,000 ngàn Mỹ kim;
- Brodard Restaurant Inc. 4,000 Mỹ kim, Brodard Chateau 3,000 Mỹ kim, Bamboo Bistro 3,000 Mỹ kim
- Bác Sĩ Thomas Thanh Trần 500 Mỹ kim.

Ngày 18.4.2011, Thiền Tịnh Đạo Tràng ủng hộ thêm \$3,030 (Donate to the Japan Earthquake Tsunami Children in Emergency Fund).

Ngày 31.5.2011, Thiền Tịnh Đạo Tràng và Phật tử Quảng Nguyên ủng hộ \$4,000 cùng thực phẩm thức ăn, do sự đóng góp của Phật tử khắp nơi (1 kiện hàng); riêng Phật tử Quảng Nguyên (Brodard Restaurant Inc. cúng dường hỗ trợ phái đoàn chư Tăng Ni GHPGVNTN Liên Châu tiền vé máy bay mỗi vị \$500).



Phật giáo Việt Nam Hải Ngoại tổ chức Trai Đàn Siêu Độ ở hai tỉnh Sendai và Fukushima, Nhật Bản

T. Minh Dung tường thuật

Trước thiên tai thế kỷ vào tháng Ba vừa qua, nhiều chục ngàn người Nhật đã bị Tsunami và động đất cướp đi sinh mạng của họ. Bốn phái đoàn đại diện bốn Giáo Hội Phật giáo Việt nam Thống nhất các châu: Úc Đại Lợi - Tân tây lan, Âu châu, Hoa Kỳ và Canada đã gặp nhau tại Tokyo vào ngày 31 tháng 5, 2011 để ngày hôm

nghe lại tại thiền viện Fukujujin, cách bờ biển phát xuất Tsunami chừng 6 mile.

Sáng sớm ngày 2 tháng 6, phái đoàn tiếp xúc với vị Thượng Tọa Idate Kozan, Trụ trì thiền viện Fukujujin (Phúc Tự Viện). Thượng tọa thuyết trình về Tsunami và động đất xảy ra nơi thành phố này. Ngài không biết rõ con số chính thức thiệt mạng của người dân chung quanh vùng nhưng về phía Tăng sĩ thì có 6 người chết nhưng có một người không tìm được xác. Thượng tọa nói rằng, dù là người Nhật hay Việt nam, chúng ta đều là con người. Trước sự tang thương Tsunami và động đất của người Nhật mà người Việt nam quan tâm và chia sẻ. Ông ta nói: "quí vị đến đây cầu nguyện và chia sẻ chúng tôi, chúng tôi vô cùng cảm động và biết ơn." Thượng tọa Idate Kozan và chư tăng trong vùng hướng dẫn phái đoàn đến nơi bờ biển bị Tsunami để làm lễ Cầu Siêu Bạt Độ và đi thăm các vùng thiệt hại ở Sendai.

Nước mắt lã lã trên gương mặt nhà sư Matsuyama Koyu, khi phát biểu với phái đoàn sau thời kinh cầu siêu tại địa điểm đầu tiên sáng nay tại chùa Shohinji. Ngài nói, trong lúc đồng bào chúng tôi đang lâm nạn thì quý tăng ni và Phật tử Việt nam ở hải ngoại đến đây làm lễ siêu độ cho những người Nhật bất hạnh. "Tình huynh đệ giữa chúng ta bắt đầu từ hôm nay", Ngài Matsuyama nói. Tất cả người dân trong vùng này chưa được lệnh trở về nhà của mình. Ngài cho biết, hôm nay vì tiếp phái đoàn Phật giáo Việt nam nên ngài mới về lại chùa nhưng không được phép ở lại qua đêm. Chung quanh chùa, những đồng gạch, cây cối đổ nát như lòng người đang bị nạn. Ngài cho biết có khoảng hai ngàn người trong vùng này bị thiệt mạng và các cư dân gần sát vườn chùa thì khoảng mười người đã chết. Khi được hỏi, trong lúc Tsunami càng tới thì Ngài đang làm gì. Thượng tọa Matsuyama nói, ngài đang đi bưu điện, nếu không thì ngài cũng bị cuốn vào bão biển như bao sinh mạng khác. Ngài nói có 3 tăng sĩ ở trong chùa này nhưng tất cả đều may mắn.

Hai bên đường của tỉnh Sendai không thấy bóng người. Chỉ có rác, xe cộ bị nước cuốn lật ngổn ngang, cây cối ngã lìa. Xa xa một toán lính Nhật đang đào xới tìm xác, hay đẩy lui những đồng gạch chắn đường. Một vùng đất mênh mông không còn một căn nhà nào sót lại. Tất cả đều san bằng. Tất cả chỉ còn lại những đồng gạch và ván nhà bị xé nát tan. Một ngôi chùa cổ lâu đời, chùa Jodo Jiato chỉ còn duy nhất là pho tượng Địa tạng đứng giữa đất trời thê lương. Vùng này là nơi thiệt hại nặng nhất của tỉnh Sendai. Phái đoàn dừng lại ở đây và làm lễ cầu siêu cho tất cả những nạn nhân thiệt mạng. Một vị sư Nhật ở vùng này cho biết có khoảng 120 người không tìm được xác. Lời kinh và nước mắt rơi thấm xuống vùng đất này, đã khẳng định, phái đoàn chúng tôi đang ở cùng quý vị.

Xin hãy đến và làm lễ siêu độ tại vùng chôn tập thể. Hòa Thượng Triệt Học cho biết, theo luật pháp của nước Nhật, người chết không được phép chôn cất mà chỉ hỏa thiêu thôi. Nhưng những ngôi mộ

tạm thời này là một ngoại lệ, tất cả là nạn nhân của Tsunami. Ngài giải thích vùng đất an táng tạm này nguyên là sân vận động của trường học. Có bảy trăm mộ phần đã chôn tập thể nhưng hiện nay còn lại 260 và phần lớn đã cải táng hỏa thiêu. Những mộ đất đơn sơ nằm thẳng hàng nhau theo thứ tự bản số. Một vài bình hoa héo úa lâu ngày trên vài mộ phần. Có lẽ nhiều gia đình không còn ai sống sót để lo hỏa táng cho người thân của mình. Có bốn nơi chôn tập thể như vậy trong tỉnh này. Phái đoàn thiết lễ cầu Siêu cho những phần mộ nơi đây và hàng ngàn nạn nhân khác trong tỉnh Sendai. Lời kinh nghe sao se lạnh trong cơn gió lạnh chiều nay giữa những năm mồ tập thể hoang liêu.

Phái đoàn được chư tăng người Nhật đưa lên đỉnh núi cao công viên Hiyoriyama để có thể nhìn thấy toàn bộ sự đổ nát của tỉnh Sendai. Vị sư dẫn đường vừa chỉ ngón tay xuống hải cảng và nói rằng, nước dâng lên tới nửa lưng chừng ngọn đồi này rồi kéo ập ra biển, kéo theo hàng ngàn sinh mạng, và xô đẩy nhà cửa, xe cộ đi theo. Vị sư dẫn đường cho biết có ít nhất là 4 tới 5 ngàn người trong vùng này chết mà không tìm được xác, trong đó có 14 nhà sư. Mực nước hôm ấy dâng lên tới 20 mét. Từ đỉnh đồi Hiyoriyama nhìn xuống. Một biển mênh mông không phải là nước mà là rác rến, nhà cửa sụp đổ và đặc biệt vẫn còn nặng mùi hôi của cá biển và cũng có thể là của những sinh linh.

Tất cả những vùng tai nạn mà phái đoàn đi qua, không được ở lại đó lâu vì sự an ninh. Địa điểm sau cùng đến để thiết lễ Trai đàn Cầu siêu bạt độ hôm nay là thiền viện Dogenin ở trên núi cao, nơi có khoảng 100 người đang tá túc sau cơn Tsunami. Vị thiền sư trụ trì, ngài Onosaki Shutsu cho biết có khoảng từ 3 tới 4 ngàn người trong khu vực gần chùa thiệt mạng. Phái đoàn thiết lập trai đàn siêu độ trên đồi tu viện hướng xuống vùng thung lũng ngập tràn bão nước. "Đây là trai đàn cầu siêu bạt độ lần đầu tiên do tăng ni Việt nam tổ chức tại Nhật", nhà học giả Đỗ Thông Minh, người đã sinh sống trên đất Nhật hơn bốn mươi năm phát biểu.

Trai đàn Cầu Siêu này dưới sự chứng minh của thiền sư Onosaki Shutsu, Thượng Tọa Date Kozan trụ trì chùa Fukujujin, Reverend Katsuj Suzuki và Reverend Tado Goto thuộc Hội



Phật giáo Quốc tế Risho Kosei-Kai, đồng đạo chư tăng Nhật bản và phái đoàn chư tăng ni Việt nam. Thượng Tọa Thích Tâm Minh chủ sám Trai đàn Cầu Siêu Chẩn thí cho các âm hồn, hương linh bất hạnh trong trận Tsunami. Những gia đình tạm lánh nạn tại chùa đã tham dự trai đàn rất thành tâm. Họ không đồng ngôn ngữ, họ chẳng hiểu lễ nghi tiếng Việt nhưng họ đã đồng cảm những gì mà Phật giáo Việt nam đến đây để sẻ chia, chú nguyện cho thân nhân quá vãng của họ. Họ cảm và nghe tiếng lòng của Phật giáo Việt nam. Họ khóc. Họ vỗ tay. Họ hát bài ca tiễn biệt, một nghĩa cử đã làm họ bất ngờ từ người Việt nam.

Sáng ngày 3 tháng 6 phái đoàn từ tỉnh Sendai và đi về tỉnh Fukushima, nơi mà các lò nguyên tử bị bộc phát cho đến nay chưa chấm dứt. Thiền viện En Tsu Ji, cách lò nguyên tử chừng 32 mile. Đây là một thiền viện có nhiều liên hệ mật thiết với Phật giáo Việt nam. Vị sư Trụ trì, Yoshi Oka To Ken cho biết đại hồng chung chùa Vĩnh nghiêm là do thiền viện họ cúng tặng trước năm 1975. Chùa tổ chức một cuộc tiếp tân để tiếp đón phái đoàn thiện nguyện. Hòa thượng Thông Hải, trưởng phái đoàn đã nói lời cảm ơn Sư trụ trì cũng như chư tăng trong tỉnh Fukushima đã giúp cho phái đoàn thực hiện tinh thần Bồ tát đạo, đến đây thiết lễ trai đàn Cầu siêu cho các nạn nhân động đất và thăm viếng các đồng bào đang lánh nạn. Đại lão Hòa thượng Terashima Gen Shu, Chánh đại diện Phật giáo tỉnh Fukushima thỉnh cầu phái đoàn trong khi làm lễ cầu siêu bạt độ thì xin chú nguyện cho lò nguyên tử bộc phát sớm được khép lại.

Trai đàn siêu độ hôm nay, ngoài chư tăng Việt nam, có sự chứng minh của Hòa Thượng Terashima Gen Shu, Sư Trụ Trì, Yoshi Oka To Ken, Rev. Katsuj Suzuki, Rev. Tadao Goto cùng



sau lên đường đi đến bờ biển Sendai và tỉnh Fukushima thiết lễ Trai Đàn Cầu Siêu cho các nạn nhân bất hạnh này.

Có 15 chư tôn đức Tăng Ni các châu cùng với chư tôn đức Việt nam tại Nhật hiệp lực chú nguyện trong các trai đàn cầu siêu bạt độ. Hoa Kỳ, hai vị Hòa Thượng Nhật Quang và Thông Hải, hai Thượng Tọa Nhật Huệ và Minh Dung cùng Ni Sư Diệu Tánh. Chư Tôn đức đến từ Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan gồm chư Thượng Tọa Thích: Quảng Ba, Tâm Minh, Minh Hiếu, Tâm Phương, và Sư Cô Liên Hạnh. Phật giáo Âu Châu, Hòa Thượng Thích Như Điển. Phật giáo Canada, hai vị Thượng Tọa Thích Bốn Đạt và Trường Phước. Hòa Thượng Như Điển được đề cử làm trưởng phái đoàn. Nhưng vì Phật sự khẩn ở Âu châu nên Hòa thượng chỉ đi được ngày đầu và hai ngày còn lại được ngày đầu và hai ngày còn lại Hòa Thượng Thông Hải và Thượng tọa Bốn Đạt thay thế. Thượng tọa Quảng Ba là phát ngôn viên của phái đoàn. Có một số Phật tử các Châu tháp tùng với chư tôn đức. Chư Tăng Việt nam định cư tại Nhật có Hòa Thượng Minh Tuyền và Hòa Thượng Triệt Học.

Buổi lễ Siêu độ đầu tiên tại Đại Thánh Đường của Risho Koseikai thuộc Phật giáo Pháp Hoa Tông Nhật bản được tổ chức vào lúc 6 giờ sáng ngày 1 tháng 6, gần trung tâm thành phố Tokyo. Có trên một ngàn người Nhật tham dự lễ cầu siêu sáng nay. Họ đổ về điện Phật trong từ nhiều ngã đường của thành phố. Họ chào nhau trong cung cách cúi đầu thành kính lẫn nhau. Buổi lễ thật trang nghiêm và cảm động. Họ đồng tụng những bài kinh ngắn trong Diệu Pháp Liên Hoa và cầu xin năng lực lời kinh độ giúp cho các hương linh nạn nhân sớm được siêu thoát.

Trên đường đi, một buổi lễ siêu độ tiếp theo tại chùa Honmonji thuộc tông phái Nhật Liên năm hướng đông của Tokyo. Rồi sau đó, Phái đoàn lên đường đi Sendai cùng ngày. Sendai và Tokyo cách nhau chừng 400 cây số. Phái đoàn đến Sendai vào đêm và



với chư Phật tử Nhật và Việt. Rev. Katsuji cho biết, thành phố này thiệt hại nặng nề về động đất và lò nguyên tử. Ông cho biết toàn tỉnh Fukushima có 1547 người chết và 475 người mất tích. Còn số người di tản đến các trại tạm cư của các tỉnh là 24,119 người bao gồm Tsunami và động đất. Trại đàn Siêu độ làm theo nghi lễ Việt nam và các vị Hòa thượng Nhật bản dâng lời chú nguyện. Tất cả đều hướng về các nạn nhân bất hạnh. Chúng ta đều là con người và đều có những khổ nạn lớn lao trong cuộc đời này.

Sau đàn tràng siêu độ tại thiền viện En Tsu Ji, phái đoàn vội vàng lên đường để thăm trại tạm cư của những nạn nhân gần lò nguyên tử. Công viên thể thao Azu Ma là nơi được sử dụng cho người tạm cư. Ông Tsuchiya Fumiaki, Tổng thư ký của trại ra tiếp phái đoàn và mời vào bên trong hội trường, nơi hiện có 570 người tạm cư. Những miếng giấy carton được sử dụng làm bức ngăn, chia ra từng ô nhỏ cho các gia đình. Ông cho biết tất cả những người này ở gần lò nguyên tử. Số người tạm cư lúc đông nhất lên đến hai ngàn người. Trong thời gian qua, có nhiều người rời nơi đây đến ở với thân nhân hoặc các nơi khác. Khi được hỏi, họ sẽ còn sống lại ở đây bao lâu nữa, thì ông Tsuchiya cho biết khi nào khóa được sự bốc phát của lò nguyên tử.

Khi phái đoàn hỏi ông Tsuchiya muốn trao một số tiền của người Việt hải ngoại đến đồng bào tạm cư ở đây qua ông có được không. Ông cho biết ở đây không được nhận tiền hay quà trực tiếp của bất cứ tổ chức nào. Ông nói thêm, nếu đoàn thể hay tổ chức nào muốn cứu giúp thì xin liên lạc với Chính phủ, Hồng Thập Tự hay các tổ chức Tôn Giáo để có được sự phân phối đều đặn đến các trại tạm cư.

Khi hỏi về cuộc sống của người tạm cư ở đây, ông Tsuchiya cho biết là tháng đầu người tỵ nạn chỉ có bánh và sữa, nhưng hai tháng trở lại đây thì họ có cơm. Có những người đã tìm được việc làm, sáng họ đến công sở và chiều về lại trại. Ông Tsuchiya cho biết thêm, có khoảng chín ngàn năm trăm học sinh phải rời khỏi các vùng gần lò nguyên tử. Tất cả những trẻ em này được đến các

trường gần nơi tạm cư.

Trước khi bước vào hội trường, ông Tsuchiya dẫn dò phái đoàn không được chụp hình và quay phim các nạn nhân đang tạm cư ở nơi này. "Đừng đi quá sâu vào sinh hoạt mang tính riêng tư của người bị nạn", ông Tsuchiya nói. Ông đã tiếp và hướng dẫn phái đoàn hơn 30 phút và trước khi từ giả, ông phát biểu rằng, ông ta rất hoan nghênh và cảm động phái đoàn của Phật giáo Việt nam đến đây, nơi mà mọi người trên thế giới rất lo ngại về chất phóng xạ. Ông Tsuchiya nói: "Xin quý vị hãy truyền đạt niềm tin, người dân ở đây sinh sống rất bình thường và chất phóng xạ đã không ảnh hưởng gì đến họ." Trại tạm cư này cách lò nguyên tử chừng 37 mile.

Trong hai ngày qua, Phái đoàn đã phân phối 130 ngàn Mỹ kim đến các trung tâm Phật giáo Nhật để nhờ họ phân phối đều đến các vùng bị nạn. Trong ba ngày liên tục cầu siêu và uy lạy, Hòa thượng Triệt Học và học giả Đỗ Thông Minh vô cùng tận tình giúp đỡ phái đoàn. Hai vị đã phối hợp với các thiền viện và trung tâm tạm cư cũng như phiên dịch trong suốt lộ trình. Phái đoàn cảm ơn các Phật tử đang sinh sống ở Nhật tháp tùng phái đoàn, đặc biệt Phật tử Quảng Diệu Nguyên và Lê thị Hoa. Phái đoàn cũng xin tán thán công đức của Phật tử Quảng Nguyên đã cúng dường nửa chỉ phí vé máy bay từ các nước đến Nhật của phái đoàn.

Hai Giáo sĩ Katsuji và Tadao của Hội Phật Giáo Quốc Tế Riss-ho Kosei-kai cùng đi với phái đoàn và họ đã cảm kích việc làm của Phật giáo Việt nam. Ông đã điện về Trụ sở trung ương của hội ở Tokyo xin tổ chức một buổi tiệc sảnh đường của Hội để đãi phái đoàn và cùng lúc tổ chức họp báo về tinh thần Bồ tát đạo trong mấy ngày qua của Phật giáo Việt nam.

Trước khi rời khỏi Tokyo về lại quốc gia của mình, các phái đoàn một lần nữa nhìn về Sendai, Fukushima và các nơi thiên tai để gửi trọn lòng cảm thương và chú nguyện của mình đến vùng đất và con người bất hạnh.

Tokyo ngày 3/6/2011
T. Minh Dung



Hình lưu niệm phái đoàn Bắc Mỹ trước khi rời Nhật Bản

PHẬT PHÁP VÀ TUỔI TRẺ

AN CƯ KIẾT HẠ

Tâm Minh-Vương Thúy Nga

Thưa quý vị và các bạn,
Mỗi mùa Vu lan về, trong lòng người con Phật lại rộn lên bao suy nghĩ về Mẹ, về ngày Hiếu của Oanh Vũ, về ngày Ngoan, với bông hồng đỏ, bông hồng trắng cài áo, về địa ngục, tái sinh, về Mục Liên Thanh Đề, v.v... Người Huỳnh trưởng (và đoàn sinh) GDPT cũng vậy, nhưng bên cạnh đó, các em còn biết có mùa An cư, có ngày Tự tứ, ý trong chương trình Phật pháp của các em (bậc Trung thiện) có bài An cư Kiết hạ. Huỳnh trưởng phải tìm hiểu để khi giảng bài cho các em, nếu các em có thắc mắc kiểu nào cũng phải trả lời kiểu ấy!

Đó là lý do tại sao hôm nay có buổi hội thoại bỏ túi giữa các Huỳnh trưởng trẻ quen thuộc A, B, C của chúng ta về đề tài này. Xin kính mời quý vị và các bạn theo dõi để góp ý và chỉ dạy.

A: Hôm nay chúng ta nói về Vu lan Báo hiếu phải không?

B: Không phải, về An cư Kiết hạ đó!

C: Vu lan Báo hiếu, chúng ta đã tìm hiểu khá nhiều, An cư Kiết hạ vẫn còn nhiều điều "xa lạ" với mình lắm đó!

A: Ủa, thật hả? Các bạn có điều gì thắc mắc, hãy cho mình biết đi!

B: Trước hết, tại sao có nơi thì Kiết Hạ, có nơi lại Kiết Đông?

C: Cái này thì mình biết! Vì mùa Hạ (có nơi là mùa Đông) là mùa hay có mưa gió, giông bão, cũng là mùa côn trùng sâu bọ... sinh sản, nên để tránh dầm dấp tàn hại chúng, đức Phật chế ra mùa An cư là mùa chư Tăng an trú một nơi để chuyên tâm cho vấn đề tu tập. Điều mình thắc mắc là An cư Kiết hạ là tự lợi hay lợi tha? (đối với chư Tăng Ni)

A: Vừa tự lợi, vừa lợi tha. Đây nha! Chư Tăng Ni ở trong chùa để làm gì trong ba tháng Hạ? Là tu tập, chuyên tu học để bồi dưỡng kiến thức về nội điển, vừa tu tập để trau dồi đức hạnh và trí tuệ, như vậy vừa tự lợi mà vừa lợi tha, vì nếu chư Tăng cứ bỏ thí pháp hoại mà không vun bồi thì có ngày bị hao hụt, cũng như một người giàu chi bố thí hoài mà không kiếm tiền thêm thì một ngày nào đó sẽ không còn tiền để bố thí nữa, có phải không bạn?

B: Đúng vậy, vì thế, An cư Kiết hạ cũng là một pháp tu của chư Tăng Ni. Từ Phật đàn (rằm tháng tư) cho đến Vu lan (rằm tháng bảy), chư Tăng Ni tập trung tại một trường Hạ hay ở tại chùa, cùng nhau tu học để tinh tấn đạo nghiệp chứ không đi hoằng pháp khắp nơi như các tháng khác.

C: Mình hiểu rồi! Tóm lại, mục đích của An cư Kiết hạ là thực hành từ bi (không dầm dấp côn trùng trong mùa sinh sản của chúng), trí tuệ (chuyên tu để trau dồi đức hạnh và trí tuệ) và đại hùng, đại lực của bản thể Tăng-già.

A: Bạn nói rất chính xác!

B: Cái này mình hơi bối rối đó nha! Bạn có thể nói rõ hơn về đại hùng đại lực của bản thể Tăng già hay không?

C: Bạn không nhớ rằng tôn giả Mục-kiền-liên là vị đệ tử thần thông bậc nhất của đức Phật, với tâm thành thiết tha, ý chí sắt đá, quyết tâm vào địa ngục để cứu mẹ, nhưng chỉ cá nhân của Tôn giả thì không đủ, mà phải cần đến đức hạnh thanh tịnh của tập thể chư Tăng nhân ngày Tự tứ chú nguyện thì mới viên thành việc cứu độ. Chỉ dạy điều đó cho tôn giả Mục-kiền-liên, không phải đức Phật muốn nói lên cái năng lực vĩ đại của bản thể Tăng-già sao?

A: Ở đây chúng ta thấy rõ từ hình ảnh báo hiếu cứu mẹ của tôn giả Mục-kiền-liên

nhờ nguyện lực đại bi của chư Tăng cho đến "ngày xá tội vong nhân" trong truyền thống Vu lan rằm tháng bảy trong nhân gian, ý thức tự lợi và lợi tha của Phật giáo đã ăn sâu vào tâm hồn Việt Nam cho nên lời Phật dạy "tất cả chúng sanh đều là cha mẹ bầy đời của chúng ta" không xa lạ với con người Việt Nam.

B: Cảm ơn các bạn, mình hiểu rõ rồi! Bây giờ nói đến hạ lạp nha!

C: Hạ lạp là gì vậy?

A: Hạ lạp là tuổi Đạo của chư Tăng. Người xuất gia theo đạo Phật lấy An cư Kiết hạ làm tuổi. Một người chưa bao giờ kiết hạ coi như chưa có tuổi nào! Ngày rằm tháng bảy là ngày thọ tuế của chư Tăng, nghĩa là quý Ngài được tính thêm một tuổi Đạo; khi bạn nghe nói một vị thầy có 20 tuổi Đạo (hay Hạ lạp) có nghĩa vị ấy đã tham dự An cư Kiết hạ được 20 lần.

B: Thì ra có những vị không dự An cư Kiết hạ cũng được sao?

C: Nếu họ bận công tác Phật sự gì đó thì làm sao an cư được?

A: Phải rồi, chính vì vậy có người đi tu 20 năm nhưng đâu phải có đủ 20 hạ lạp đâu! Các bạn có biết không? Chư Tăng cho dù đã 60 tuổi cũng vẫn phải an cư kiết hạ đó nha!

B: Mình còn biết hai câu thơ thật hay nói lên lợi ích của An cư Kiết hạ đối với chư Tăng, đó là tăng trưởng phước đức, trí tuệ:

"Bao nhiêu công đức vô biên,
Đều do hạ lạp cần chuyên tháng ngày."

C: Mùa An cư Kiết hạ còn là cơ hội cho người Phật tử chúng ta cúng dường, hộ trì chúng Tăng tịnh tu trong suốt 3 tháng tại một trú xứ.

A: Mùa An cư Kiết hạ cũng nói lên tinh thần hòa hợp Tăng nhờ sự tự giác cao độ; chư Tăng có dịp ngồi lại, kiểm thúc tự tâm trong mỗi hành động cụ thể.

B: Ngày nay có liên lạc trên toàn thế giới, có phải mùa An cư Kiết hạ thống nhất cho Tăng chúng Phật giáo trên khắp thế giới hay không?

A: Ở các vùng Bắc Âu, chư Tăng an cư vào mùa Đông (kiết Đông) là mùa cực kỳ lạnh và đầy mưa tuyết, không thể đi ra ngoài để hoằng pháp được.

B: Như vậy, Phật giáo Đông phương và Tây phương mặc dù có đôi chút khác biệt về phương tiện và thời gian an cư nhưng truyền thống An cư Kiết hạ (hay kiết đông) và ý nghĩa vẫn không nằm ngoài giới luật của đức Phật đã chế định, cũng dựa trên nền tảng tam vô lậu học, để thức liễm nội tâm, vun bồi đạo đức của người xuất gia.

C: Bây giờ mình mới "thấm" tại sao nói ngày Tự tứ là ngày Hoan hỷ của chư Phật và ngày Tăng thêm một tuổi lớn trong Đạo. À, mà ngày Tự tứ thật ra có ý nghĩa gì lạ không?

A: Tự tứ có nghĩa là "tùy ý"; quý vị Tỳ-kheo, mỗi tháng hai lần, trong ngày Bồ-tát, thường là ba mươi và rằm, nhóm họp chư Tăng đông đủ, tự mình nói ra những lỗi lầm đã phạm và xin sám hối.

B: Riêng ngày rằm tháng bảy thì ngày Tự tứ quan trọng hơn, vì đây là lần tự kiểm điểm, sau ba tháng An cư; ngày Tự tứ nói lên sự bảo tồn giới luật của đức Phật đã chế định.

C: Như vậy mình nghĩ hôm nay học về An cư Kiết hạ thật đầy đủ và lợi lạc, trước đây cứ nghĩ việc của quý thầy mình không được biết nhiều!

A: Tốt rồi, bây giờ có thể chia tay hẹn lần sau nha! Tạm biệt!

B và C: Tạm biệt! Tạm biệt!



AN CƯ KIẾT HẠ TẠI PHẬT HỌC VIỆN QUỐC TẾ TỪ NGÀY 20 ĐẾN 30.6.2011

Hình ảnh của hophap.net



AN CƯ KIẾT HẠ TẠI PHẬT HỌC VIỆN QUỐC TẾ TỪ NGÀY 20 ĐẾN 30.6.2011

Hình ảnh của hophap.net



TIẾNG HÁT CỦA DÒNG SÔNG

Huệ Trân

Có ai thực sự nghe thấy tiếng hát của dòng sông? Có ai thực sự biết âm điệu của dòng sông như thế nào? Trầm hay bổng? Nhanh hay chậm? Vui hay buồn? ...

Không ai có thể xác nhận chắc chắn, nhưng cũng không thể phủ nhận là tiếng hát ấy có thật. Tiếng hát của mọi dòng sông đều trầm lắng, nhưng có thật, vì tiếng hát đó chính là sự hiện hữu của những nguồn nước tạo ra dòng sông, để ta thấy sông là biểu hiện bi tráng của sự luân lưu không bến bờ, không ngưng nghỉ.

"Tạc dạ nguyệt minh kim dạ nguyệt"

Tân niên hoa phát cổ niên hoa" (*)

Xin tạm dịch:

Trăng đêm qua vẫn sáng

Trong ánh trăng đêm nay

Trong nhụy tàn năm cũ

Còn ngát hoa năm này.

Trở lại Phật Học Viện Quốc Tế tham dự An Cư Kiết Hạ, mùa hè 2011, tôi cảm nhận rõ những tiếp nối nhiệm mầu như thế. Cái này luôn còn trong cái kia. Cái này luôn có mặt vì cái kia có mặt. Trong sinh tuy sẵn mầm diệt, trong hợp tuy sẵn mầm tan, nhưng sinh diệt, hợp tan đó, theo lý duyên sinh mà thành bất sinh bất diệt. Chiếc lá vàng rơi xuống tưởng như là lá chết, là hết! nhưng lá có thực chết đâu, lá hòa vào đất rồi đất lại nuôi cây đấy chứ!

Quán chiếu như thế để thấy được ta là tiếp nối của tổ tiên, ông bà, cha mẹ, những tiếp nối không bao giờ dừng đó sẽ xóa mờ ranh giới sinh diệt.

Chúng tôi về trường hạ, trước ngày khai hạ một ngày, và được dự Lễ Tiểu Tường cổ Hòa Thượng thượng Trí hạ Chơn, vị thầy có biệt danh là Hòa Thượng Xe Bus vì ngay từ những ngày đầu phiêu bạt nơi xứ người, Ngài đã đeo túi vải lên vai, trực chỉ những tuyến xe Bus gần, xa để tới bất cứ nơi nào có tiếng mời gọi của Phật tử đồng hương cầu pháp. Ngay những phút cuối nơi cõi ta bà này, mỗi quan tâm của Ngài vẫn là hoằng pháp. Chính tại trường hạ này, phòng ốc nơi Ngài lưu trú khi dừng chân miền Nam Cali còn đây, tiếng Ngài sang sàng ban pháp như còn đó, thân giáo gãy guộc nhưng cứng cỏi đang hiển lộ rất rõ qua tiếng tán tụng của Hòa Thượng Thích Thăng Hoan, qua dáng nghiêm túc của Hòa Thượng Nguyên Siêu khi tiến phạn, dâng trà, qua sự linh hoạt đầy kinh nghiệm của Thượng Tọa Thích Nhật Trí, qua niềm vui rạng rỡ của 146 Chư Tôn Túc Tăng Ni khắp năm châu đang vân tập về trường hạ, v.v. v... để cùng nhau thức liêm thân tâm, trao đổi tu học, như lời Phật dạy năm xưa.

Rõ ràng là cố Hòa Thượng thượng Trí hạ Chơn vẫn còn đây, như bao năm nay, Ngài chưa từng vắng mặt tại các trường hạ, và luôn là biểu tượng của sự mẫn ái, tử bi, tận tụy.

Suốt dòng lịch sử Đạo pháp, bao vị Bồ Tát đã đến, tướng đã đi, nhưng thực vẫn còn đó, vì các Ngài đang hiển lộ qua những tiếp nối. Bao suối chảy về sông, rồi bao sông chảy về

biển, nơi chỉ còn chung một vị mặn.

Từ sáng sớm ngày 20 tháng 6 năm 2011, Chư Tôn Đức khắp năm châu đã vân tập về Phật Học Viện Quốc Tế, nơi từng đảm nhận nhiều khóa Hạ, theo đúng tâm nguyện của cố Hòa Thượng thượng Đức hạ Niệm, là đây phải là nơi tu học, nơi phát huy giáo pháp.

Năm nay, khi nhận trọng trách lo trường hạ, Thượng Tọa Giám Viện Thích Minh Chí chỉ còn một mình ở viện, vì Thầy đã từ bi cho huynh đệ và đệ tử đi tu học nơi xa. Nhưng Thượng Tọa vẫn vững tin nơi sự hộ trì của Long Thần Hộ Pháp mà nhận trọng trách. Tấm lòng vị pháp đó làm sao mà không được đáp ứng để hôm nay, khuôn viên trường hạ rợp ỹ vàng, mọi ngả đường dẫn về đây tiếp tục rợp áo tràng lam Phật tử.

Ngay buổi tối khai hạ, buổi họp Cung An Chúc Sự đã hoàn thành nhanh chóng và tốt đẹp với thành phần Chư Tôn Đức:

H.T. Thích Thăng Hoan, ngôi vị Thiên Chủ

H.T. Thích Tín Nghĩa, ngôi vị Phó Thiên Chủ

H.T. Thích Thái Siêu, ngôi vị Tuyên Luật Sư

H.T. Thích Phước Thuận, ngôi vị Sám Chủ

H.T. Thích Nguyên An, ngôi vị Giáo Thọ

H.T. Thích Nguyên Siêu, ngôi vị phụ tá Giáo Thọ

T.T. Thích Nhật Huệ, ngôi vị Thư Ký

T.T. Thích Nhật Trí, ngôi vị Xướng ngôn viên

H.T. Thích Thông Hải, ngôi vị Quản Chung Tăng

T.T. Thích Đồng Trí, ngôi vị Phó Quản Chung Tăng

Ni sư Thích nữ Minh Huệ, ngôi vị Quản Chung Ni Xá 2

Ni sư Thích nữ Diệu Tánh, ngôi vị Quản Chung Ni Xá 1

Ni sư Thích nữ Quảng Tịnh, ngôi vị Phó Quản Chung Ni xá 1

Nhìn vào bảng Cung An Chúc Sự để thấy sự tận tụy và bền bỉ của bao vị Hòa Thượng tuổi đã cao, sức đã yếu, nhưng những dòng sông ấy vẫn cuộn cuộn chảy, cho bao con suối nương theo để cùng ra Biển Tuệ.

Trên bục giảng, ngay trong buổi học đầu, vào buổi sáng với đề tài "Giá trị nhận thức theo Phật giáo", Hòa Thượng Thích Thăng Hoan mới dẫn nhập đôi lời, tưởng như đã như thấm mệ! Ấy thế mà, khi chính thức đi vào nội dung, giọng Ngài sang sáng, rõ ràng, như âm thanh đại hồng chung. Vị cha già trên 80 niên kỷ đó đã nhanh chóng tạo được không khí sôi nổi trong lớp học với hơn 100 tăng ni đủ mọi lứa tuổi. Là tác gia nhiều cuốn Duy Thức Học, Hòa Thượng đã dùng sự liên hệ giữa căn, trần, thức, qua lăng kính Duy Thức để nhắc nhở về trách nhiệm của những nhà truyền giáo khi Phật giáo không còn nằm trong phạm vi hình chữ S, mà Phật Giáo Việt Nam đang trải rộng khắp năm châu. Chính "phương tiện hóa" khéo léo này đã mang nét trí tuệ đặc thù tạo cho toàn thể học viện bao nhiêu thích thú!

Buổi học tối thì lại mang một hình thái khác, với giảng sư, Hòa Thượng Thích Thái Siêu, qua đề tài "Kính Thanh Tịnh trong Trường A Hàm" Đây chắc chắn

Lời Nguyện Cầu

Chú tiểu bạch cùng Phật
Cầu chúng sanh khinh an
Phật bảo rằng được lắm
Ta cho con 4 ngày...

Chú xin cho tất cả
hạnh phúc ngày Mùa Xuân
Cùng những ngày Mùa Hạ
Cả ngày Thu, lẫn Đông...

Phật lại bảo chú rằng

Thôi ta nay lấy lại

Chỉ cho 3 ngày thôi

Vậy con chọn ngày nào...

Nếu chỉ được 3 ngày

Chú xin chọn ngày qua

Ngày hôm nay, ngày mai

Tuy 3 ngày, cũng đủ...

Nhưng Bốn Sư đối ý

Muốn thử tấm lòng thành

Ngài chỉ cho 2 ngày

Yêu cầu chú chọn lấy...

Chú tiểu liền vội chọn
Ngày nay và ngày mai
Bỏ lại ngày hôm qua
Chú gởi vào quá khứ...

Phật lại phán tiếp rằng

Nếu ta cho 1 ngày

Con có vừa lòng chăng

Hay cho rằng quá ít...

Chú tiểu vội bắm Phật

Kính lễ Đấng Thế Tôn

Nếu phải chọn một ngày

Con chọn từng ngày một

Từng giờ, từng phút, giây

Từng sát-na, vô thường

Cầu chúng sanh, 9 cõi

Sớm đắc Đạo Bồ Đề

Viên mãn, tròn Phật quả...



QUANG HUỆ THIỆN

phải là sự sắp xếp tử bi của các ngài, để chúng tăng có được pháp thực sung mãn. Nhìn Hòa Thượng "múa bút" mực đen trên nền bảng trắng với những nét thảo Hán tự như rồng múa phượng bay, học viên nào mà không trầm trồ thán phục!

Mới chỉ một ngày trôi qua, không gian trường hạ tại Phật Học Viện Quốc Tế đã thể hiện tinh thần "Nhất tức thị đa. Đa tức thị nhất", qua hình ảnh hơn 100 Chư Tôn Đức Tăng Ni tọa thiền, công phu sáng với âm thanh Thủ Lăng Nghiêm trầm hùng, với Ban Trai Soạn đồng đảo Phật tử nhiệt tâm, hoan hỷ, với giờ thọ trai trang nghiêm, với bước kính hành niệm Phật an lạc, vững chãi, với công phu chiều thành tâm Thủy Sám, tha thiết Mông Sơn... tất cả muôn mầu muôn sắc đó đang chi cùng nhau tuôn lời Phật dạy. Dù hoàn cảnh, môi trường, đã khác xưa, nhưng tinh túy tinh thần An Cư Kiết Hạ Đức Phật chế khi xưa vẫn được hàng hậu học tùy phương tiện mà gìn giữ.

Trường hạ tại Phật Học Viện Quốc Tế chỉ mới bắt đầu nhưng hương-gió-đức

đã lan tỏa rất cao rất xa, khiến không chỉ đồng hương Phật tử Việt Nam tìm về, mà dân chúng địa phương cũng đến thăm không ít.

Điều gì khiến những người chưa đủ cơ duyên biết về Đạo Phật mà cũng hoan hỷ bước vào cổng chùa, trang nghiêm quý xuống trước tôn tượng, lạy Phật thành kính?

Có phải, hữu tướng từ thân giáo đoàn trưởng tử Như Lai nơi đây đang trầm lắng hiển lộ sự nhiệm mầu vô tướng của dòng sông giải thoát. Và tiếng hát từ dòng sông ấy đã, đang, và sẽ là bản hòa tấu bất tận.

Dòng sông ấy vô tướng. Tiếng hát ấy vô thanh nhưng vẫn tiếp tục có mặt với chúng sanh suốt hơn hai ngàn thế kỷ.

(Ngày khai hạ, trường hạ tại PHV Quốc Tế)

(*) Tuệ Trung Thượng Sĩ.



Khai Hạ Trường 2011 PH.V.Q. California - HoPhap.Net



GHPGVNTNHK, Cộng Đồng Tăng Già An Cư Tại PHV Quốc Tế: Tưởng Niệm 48 Năm Bồ Tát Thích Quảng Đức Tự Thiêu



NORTH HILLS, CA (VB) - Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ (GHPGVNTNHK) và Cộng Đồng Tăng Già An Cư Kiết Hạ tại Phật Học Viện Quốc Tế ở Thành Phố North Hills, California, Hoa Kỳ, đã long trọng cử hành Lễ Tưởng Niệm 48 năm ngày Bồ Tát Thích Quảng Đức vị pháp thiêu thân vào Chủ Nhật, ngày 26 tháng 6 năm 2011, với sự tham dự của hàng trăm chư tôn đức Tăng Ni, đại diện các cơ quan truyền thông báo chí, và đồng hương Phật tử.

Trong Lời Mở Đầu, Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK, điều hợp chương trình Lễ Tưởng Niệm, phát biểu rằng, "Hôm nay, đạo tràng An Cư Kiết Hạ, đông đảo chư tôn trưởng lão Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni, cùng nam nữ cư sĩ Phật tử thành tâm thiết lễ kỷ niệm năm thứ 48 Ngày Bồ Tát Thích Quảng Đức vị pháp thiêu thân để đòi hỏi công lý và bình đẳng tôn giáo. Sự thiêu thân này làm ngọn đuốc thiêu soi sáng đến tận cùng lương tri và lương thức của nhân loại để từ đó con người thấy được đâu là đại hùng đại lực đại từ bi và đâu là sự bất công, cường quyền, bạo lực. Hình ảnh trái tim bất diệt, ngọn lửa từ bi của Bồ Tát Thích Quảng Đức như là một hình ảnh sống động, sống thực, sống cho sự cứu độ tha nhân, mà hiển cúng thân mạng, xin nguyện chết để mọi người được sống."

Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa, Quyền Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK, tuyên đọc tiểu sử của Bồ Tát Thích Quảng Đức. Tiểu sử cho biết rằng Bồ Tát Thích Quảng Đức sinh năm Đinh Dậu, 1897, tại Huyện Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Ngài xuất gia học đạo năm lên 7 tuổi, sau đó thọ Sa Di Giới năm 17 tuổi và thọ Tỳ Kheo Giới năm 20 tuổi. Bồ Tát Thích Quảng Đức lúc sinh tiền đã khai sơn và trùng tu 17 ngôi Chùa từ Trung vào Nam. Ngôi Chùa Ngài làm Trụ Trì cuối cùng là Chùa Quan Âm, Quận Phú Nhuận, Tỉnh Gia Định. Ngài tự thiêu ngày 11 tháng 6 năm 1963 tại ngã tư đường Phan

Đình Phùng và Lê Văn Duyệt, Thủ Đô Sài Gòn, Việt Nam. Hội Đồng Lưỡng Viện GHPGVNTN đã suy tôn Ngài lên Pháp Vị Bồ Tát sau khi Ngài vị pháp thiêu thân.

Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thắng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK, thay mặt chư tôn giáo phẩm bày tỏ Đạo Từ. Hòa Thượng Thích Thắng Hoan nói rằng, "Gần nửa thế kỷ trôi qua kể từ ngày Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu, 11.6.1963, bao nhiêu bút mực đã viết về Ngài, bao nhiêu tài liệu và hình ảnh đã minh nhiên tán

dương công hạnh cao cả của Ngài đối với Dân tộc và Đạo pháp. Hình ảnh ấy, công hạnh ấy, là sự thực hiển nhiên, là chân lý của chánh đạo, là chính nghĩa của ý nguyện toàn dân, là biểu tượng tuyệt vời trong giòng lịch sử thăng-trầm của Phật Việt trên quê hương chúng ta. Không có bất cứ lời lẽ, lý luận, hay nỗ lực phản biện nào có thể khóa lấp hay xóa nhòa được sự thực ấy. Bản thân chúng tôi là một trong những chứng nhân của giai đoạn lịch sử ấy. Ngày nay, khi quay đầu nhìn lại, những cảm giác đau thương, những máu lệ nhọc nhằn đổ xuống để bảo vệ lý tưởng của mình, cũng như vì sự phúc lạc của toàn dân, đã lắng dịu hoàn toàn; nhưng ấn tượng của ngọn lửa thiêu bùng lên từ nửa thế kỷ trước, dường như vẫn còn in sâu tận tâm khảm."

Sư Cô Thích Nữ Tịnh Nhon đã ngâm bài thơ "Lửa Từ Bi" của Thi Hào Vũ Hoàng Chương để cúng dường Bồ Tát Thích Quảng Đức nhân lễ tưởng niệm. Với điệu sáo và nhạc nền du dương hòa quyện cùng giọng ngâm trầm bổng nhạc khoan của Sư Cô đã làm cho buổi lễ linh thiêng cảm động. Thơ có đoạn rằng, "Lửa, lửa cháy ngất tòa sen, tằm chín phương nhọc thể hiện thành thơ... Ánh đạo vàng phơi phơi đang bùng lên, dâng lên... Sông Hằng kia bởi đâu mà cát bay... Ôi ngọn lửa từ bi, thế giới ba ngàn phút giây ngơ ngát, thơ cháy lên theo với lời Kinh..."

Phần nghi thức tưởng niệm được cử hành trang nghiêm đạo vị với sự Chủ Sám của Hòa Thượng Thích Phước Thuận, Thành Viên Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK và sự hộ niệm của hàng trăm Tăng, Ni cùng đồng hương Phật tử.

Sau phần Lễ Tưởng Niệm Bồ Tát Thích Quảng Đức là phần Lễ Tấn Phong Thượng Tọa Thích Thiện Long, Trụ Trì Chùa Phật Tổ, Long Beach lên ngôi vị Hòa Thượng, và Đại Đức Thích Hải Chánh, đệ tử xuất gia của Đức Đệ Tam Tăng Thống GHPGVNTN, lên ngôi vị Thượng Tọa.

Trong phần giới thiệu thành phần chư tôn Hòa Thượng quang lâm tham dự lễ gồm có Hòa Thượng Thích Thắng Hoan, Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa, HT Thích Phước Thuận, HT Thích Nguyên An, HT Thích Nguyên Trí, HT Thích Thái Siêu, HT Thích Nguyên Siêu, HT Thích Nhật Quang, HT Thích Từ Diệu, cùng hàng trăm Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni.

Được biết từ ngày 20 đến 30 tháng 6, hàng trăm chư tôn đức Tăng, Ni đã vân tập về Phật Học Viện Quốc Tế, North Hills, California, Hoa Kỳ để tham dự Khóa An Cư Kiết Hạ hàng năm do GHPGVNTNHK tổ chức.

(Việt Báo)

LỬA TAM MUỘI

ĐẠO TỪ CỦA HÒA THƯỢNG CHÁNH VĂN PHÒNG
HỘI ĐỒNG GIÁO PHẨM GHPGVNTN HOA KỲ
TRONG LỄ TƯỞNG NIỆM 48 NĂM
BỒ TÁT THÍCH QUẢNG ĐỨC VỊ PHÁP THIÊU THÂN
TỔ CHỨC TẠI TRƯỜNG HẠ PHV QUỐC TẾ



Nam mô Bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn đức Tăng Ni,
Kính thưa quý vị nhân sĩ, quý vị đại diện các cơ quan truyền thông, cùng toàn thể quý Phật tử tham dự lễ tưởng niệm hôm nay,

Gần nửa thế kỷ trôi qua kể từ ngày Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu, 11.6.1963, bao nhiêu bút mực đã viết về Ngài, bao nhiêu tài liệu và hình ảnh đã minh nhiên tán dương công hạnh cao cả của Ngài đối với Dân tộc và Đạo pháp. Hình ảnh ấy, công hạnh ấy, là sự thực hiển nhiên, là chân lý của chánh đạo, là chính nghĩa của ý nguyện toàn dân, là biểu tượng tuyệt vời trong giòng lịch sử thăng-trầm của Phật Việt trên quê hương chúng ta. Không có bất cứ lời lẽ, lý luận, hay nỗ lực phản biện nào có thể khóa lấp hay xóa nhòa được sự thực ấy.

Bản thân chúng tôi là một trong những chứng nhân của giai đoạn lịch sử ấy. Ngày nay, khi quay đầu nhìn lại, những cảm giác đau thương, những máu lệ nhọc nhằn đổ xuống để bảo vệ lý tưởng của mình, cũng như vì sự phúc lạc của toàn dân, đã lắng dịu hoàn toàn; nhưng ấn tượng của ngọn lửa thiêu bùng lên từ nửa thế kỷ trước, dường như vẫn còn in sâu tận tâm khảm.

Lửa thiêu chúng tôi muốn nói ở đây, không phải chỉ là ngọn lửa mà Ngài dùng để tự đốt thân cúng dường; cũng không phải ngọn lửa bốn ngàn độ ba lần cố gắng đốt trái tim của Ngài để lại mà không thành công; cũng không phải ngọn lửa mà nhiều người đã ví là ngọn lửa hy sinh đốt cháy một chế độ bạo ngược bất công.

Kính thưa liệt quý vị,
Ngọn lửa khắc ghi trong tâm khảm chúng tôi, cũng như của Phật giáo đồ Việt Nam từ nửa thế kỷ qua, chính là ngọn lửa tam-muội của bậc hiền sĩ đại hùng, đã bùng tỏa một cách cao khiết, sáng ngời, làm bùng tỉnh lương tâm nhân loại, làm cho cả thế giới

bàng hoàng sửng sốt. Phải là hành giả ở trong đại định mới có thể điềm nhiên tĩnh tọa, tự bật lửa, rồi thần nhiên bất ẩn, không thay đổi sắc diện, không một biểu hiện đau đớn gì trước sức nóng bùng bùng của lửa dữ. Đây là điều bất khả thuyết, bất khả tư nghì của bậc siêu nhân, kỳ vĩ, có một không hai của Phật giáo, và của lịch sử Việt Nam cận đại. Chính từ đó mà chúng ta đã tôn xưng Ngài là bồ-tát Thích Quảng Đức.

Bài học chúng ta có thể rút ra từ ngọn lửa thiêu ấy là, khi một bậc bồ-tát nhập đại định vì hạnh nguyện lợi ích chúng sanh, lòng từ bi của Ngài lan khắp mười phương, khơi nguồn tuệ giác cho muôn loài. Từ Định mà Bi-Trí mẫn khai, từ Bi-Trí mà thành tựu muôn vàn sở nguyện. Có thể nói rằng tất cả những đổi thay, những thành tựu sau đó, đều được khởi đi từ ngọn lửa tam-muội này.

Hôm nay, tổ chức lễ tưởng niệm Ngài, không phải là để khơi dậy những thị-phi, hay kỷ niệm đau thương của quá khứ, mà chúng tôi chỉ muốn nói rằng, tất cả chúng ta ở đây, đều trực tiếp hay gián tiếp thọ ân của Ngài—ân sâu của một người ngời xuống cho tất cả được đứng dậy.

Nam mô Đại hùng lực Quảng Đức Bồ-tát Ma ha tát.

Sa môn Thích Thắng Hoan



BÍ MẬT CỦA THIÊN SỨ

Chiêu Hoàng

Con bé dồn hết tất cả sự chú ý đến một hình ảnh lung linh trước mặt. Đó là một người thanh niên đẹp như Thiên Thần với mái tóc hơi xoăn, không trán rộng, nụ cười hồn nhiên như trẻ thơ và ánh mắt đầy niềm an lạc của một người đang có được một Hạnh Phúc chân thật. Chàng ngồi trên một băng ghế đối diện với mặt biển, nhưng không nhìn ra biển mà lại đang bận bịu với những loài chim bu chung quanh. Chàng đang vất những mẩu bánh mì cho những con chim. Đó là một hành động rất bình thường mà ai cũng có thể nhìn thấy ở bất cứ nơi nào ngoài bãi biển, nơi công viên v.v... Nhưng hình ảnh hôm nay đối với nó rất lạ, ngoài cử chỉ cho chim ăn, khuôn mặt chàng rạng rỡ, sáng ngời. Dường như chàng đắm mình thật sâu trong hành động ấy, và thật kỳ diệu, dường như chàng đang vui sướng khi thấy những loài khác vui sướng.

Chẳng lẽ hẳn là một Thiên Sứ? Để chắc chắn, con bé đi vòng ra phía sau lưng tìm vết sẹo của đôi cách gầy. Nhưng thật khó có thể thấy được qua chiếc áo dạ nâu dày chàng đang mặc. Tò mò lắm. Không thể nhìn được, nó đi vòng ra phía trước mặt. Bầy chim thấy người lạ vội tung cánh bay cao.

- Anh làm tội gì mà phải xuống đây?

Tiếng nói trong trẻo của con bé làm mọi hành động của chàng thanh niên ngừng lại. Thóang chút ngạc nhiên. Chàng vẫn không hiểu con bé muốn nói gì. Chàng bé một miếng bánh mì đưa lên miệng hỏi lại:

- Bé nói gì cơ?

Con bé kiên nhẫn tiếp tục hỏi lại câu hỏi cũ:

- Anh làm tội gì mà phải xuống đây?

Chàng thanh niên ngập ngừng:

- Có nghĩa là...?

- Anh không biết thật ư? Phải đấy! Vì đó là một điều bí mật. Chắc anh đã quên mất trước khi rơi xuống trần. Mẹ bảo những người ưa quan tâm và thích đem niềm vui đến cho kẻ khác chính là những vị Thiên Sứ đã làm một lỗi lầm gì đó nên bị giáng trần. Họ phải làm đủ 1000 điều thiện mới được trở về trời... (Đưa bàn tay bé nhỏ của mình che một bên miệng thăm thì) Mẹ bảo Bé cũng là một Thiên Sứ vì bé cũng ưa thích làm điều thiện...

- À...

Con bé tiếp tục huyền thuyên:

- Bé đã làm được hai điều rồi. Mai một bé làm xong thì bé sẽ được trở về Trời.

Chàng thanh niên có vẻ thích thú khi nghe con bé kể chuyện. Một chú chim câu ham ăn bắt đầu sốt ruột khi không thấy có người bẻ bánh cho mình ăn nữa nên đã bạo dạn nhảy lên cánh tay chàng mổ vào ổ bánh. Rất tự nhiên, con bé ngồi xuống băng ghế đá bên cạnh chàng. Đôi mắt trong veo nhìn với tất cả sự tò mò chờ câu giải đáp.

Chàng thanh niên mỉm cười hỏi lại:

- Hai điều thiện bé đã làm là hai điều gì thế?

Con bé đưa ngón tay trỏ bé tí lên môi:

- Shhhhhhhhhh.... Bí mật mà! Bé không thể nói được...

- Tại sao?

- Vì nói ra thì không còn được gọi là "điều thiện" nữa. Mẹ bảo thế.

Thật thích thú khi nói chuyện với trẻ thơ. Tâm thức của một đứa trẻ là một tâm thức hồn nhiên, ít tì vết. Chàng thanh niên cũng tỏ ra vẻ rất bí mật, thì thào:

- Thế bé có nhớ bé gây tội gì để phải xuống đây không?

- À. Cái đó thì bé không nhớ. Nhưng có lẽ... (con bé ngược nhìn chàng thanh niên mỉm cười giải thích thêm) tựa như trong chuyện cổ tích ấy mà, có lẽ bé lỡ làm vỡ mất chén ngọc của Vua Trời nên bị đẩy xuống đây.

Chàng thanh niên giả bộ suy tư. Đôi mày hơi chau lại, khẽ lắc đầu, ra vẻ bất đồng ý kiến, hóm hỉnh trả lời:

- Anh thì không nghĩ như vậy. Vì nếu chỉ vì lỡ tay làm vỡ chén ngọc mà bị đẩy thì quả là ông Vua này... hư quá, dám coi chén ngọc quý hơn cả một vị Thiên Sứ hay sao?

Con bé bối rối thốt lên:

- Vậy thì chắc là bé bị một tội tày đình mới phải bị đẩy ư?

- Hummm... Cũng chưa chắc.

Anh đoán, có thể đó là cái nguyện của bé đấy!

- Nguyện là gì thế?

- Nguyện là những ước nguyện mình tự tạo và thực hành theo ước nguyện ấy từ nhiều kiếp trước. Chẳng hạn như bé muốn làm những điều lành và tự hứa mình sẽ giữ mãi cái tâm nguyện đó để thực hành theo. Lâu dần, cái nguyện mọc rễ rất sâu trong tâm nên ta không còn nhớ mình đã từng lập đại thế nguyện nữa. Nó trở thành một lối suy nghĩ và thói quen rồi, vừa sinh ra đã thích làm điều thiện. Bé thử nghĩ mà xem, này nhé, bé có cảm thấy vui sướng khi làm được một điều lành gì đó không?

Con bé hân hoan trả lời mà không cần phải suy nghĩ:

- Có chứ!

- Có ai bắt buộc bé phải làm những điều ấy?

- Không ai bắt bé làm cả!

- Bé có muốn tiếp tục làm như vậy không?

- Muốn tiếp tục!

- Thì đó! Bé chính là một Thiên sứ có ước nguyện đem lại an vui cho tất cả mọi loài. Thiên sứ càng làm nhiều điều thiện thì tâm thức càng phát sáng. Nhưng Thiên Sứ vẫn phải mang cái thân người, vẫn phải ăn, ngủ, khóc nhe, và nhiều khi còn bị... đá dẫm nữa.

Con bé gân cổ lên cãi:

- Bé lớn rồi. Đã hết khóc nhe và đá dẫm. Mẹ bảo bé rất ngoan.

- Vậy thì bé đã trở thành "Thiên -Sứ-Người-Lớn". (Nghiêng mặt, mỉm cười nhìn khuôn mặt con bé khẽ lắc đầu, như không đồng ý với ý tưởng mình vừa nói.) Chàng giải thích thêm. Anh không nghĩ bé đã là "người lớn" làm đâu, chỉ là vừa

ĐA NGHI ÁY BÍNH PHẠM PHU TRẢI TÂM ĐỨC HẠNH ĐƯỜNG TU THÁNH HIỀN

Tịnh Minh soạn dịch từ *Pháp Thoại Pháp Cú*

Thưở nọ hoàng tử Ma-ha-li (Mahali) sống tại Tỳ-xá-li, nghe Đức Thế Tôn thuyết giảng công đức vô biên và hạnh nguyện cao cả của thiên chủ Đế Thích (Sakka), chàng đắm ra nghĩ ngợi, tự hỏi:

- Đấng đại giác Thế Tôn mô tả thiên chủ Đế Thích thật là rực rỡ huy hoàng, nhưng không biết Ngài đã thực sự nhìn thấy Đế Thích chưa? Ngài đã quen biết Đế Thích chưa? Ta sẽ đến hỏi Đức Thế Tôn cho ra lẽ mới được.

Thế là hoàng tử Ma-ha-li đến gặp Đức Thế Tôn, cung kính đánh lễ Ngài, rồi trình trọng ngôi sang một bên và thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn, Ngài đã thực sự nhìn thấy thiên chủ Đế Thích chưa?

- Thấy rồi, Ma-ha-li! Ta đã nhìn thấy thiên chủ Đế Thích tận mắt.

- Bạch Thế Tôn, đó chẳng qua là bóng dáng giả danh của Đế Thích đâu thôi, bởi vì, bạch Thế Tôn, Đế Thích đâu phải là lọ hoa, bình nước mà ai cũng nhìn thấy. Theo con, thấy được Đế Thích quả là chuyện hy hữu, nếu không muốn nói là huyền hoặc.

- Nhưng, này Ma-ha-li, ta biết rõ Đế Thích. Ta biết Đế Thích đã được hun đúc bởi những đức hạnh gì. Ta biết quả vị Đế Thích đã được thành tựu nhờ những công phu tu dưỡng như thế nào.

- Này Ma-ha-li, ở một tiền kiếp xa xưa, thiên chủ Đế Thích cũng là người, một con người được may mắn sinh ra trong hoàng cung nên được gọi là hoàng tử Ma-ga (Magha). Này Ma-ha-li, ở một tiền kiếp xa xưa, thiên chủ Đế Thích cũng là người, một con người đã làm nhiều việc phước thiện nên được gọi là Pu-rin-đa-đa (Purindada). Này Ma-ha-li, ở một tiền kiếp xa xưa, thiên chủ Đế Thích cũng là người, một con người không ngừng phát huy hạnh nguyện bố thí nên được gọi là Xa-ka (Sakka). Này Ma-ha-li, ở một tiền kiếp xa xưa, thiên

chủ Đế Thích cũng là người, một con người luôn luôn dốc tâm xây nhà, dựng trại cho kẻ gặp cảnh khốn cùng nên được gọi là Va-xa-va (Vāsava). Này Ma-ha-li, ở một tiền kiếp xa xưa, thiên chủ Đế Thích cũng là người, một con người có thể nghĩ ra trăm công nghìn việc chỉ trong khoảnh khắc nên được gọi là Xa-ha-xa-kha (Sahassakkha). Này Ma-ha-li, thiên chủ Đế Thích cũng có một cô trình nữ tên là Xu-ja-ta (Sujata) làm vợ nên được gọi là Xu-ja-ma-pa-ti (Sujampati). Này Ma-ha-li, thiên chủ Đế Thích cũng giữ vai trò chủ quản thiên thần ở tầng trời thứ Ba mươi ba nên được gọi là Thiên Vương. Này Ma-ha-li, ở một tiền kiếp xa xưa, thiên chủ Đế Thích cũng là người, một con người đã phấn đấu hoàn tất bảy lời thệ nguyện nên đạt đến quả vị Đế Thích. Bảy lời thệ nguyện đó là:

Một là phụng dưỡng mẹ cha,

Hai là cung kính cúng dường Sa-môn,

Ba là ăn nói ôn tồn,

Bốn là tránh tiếng vu oan cho người,

Năm là bỏ tánh xan tham,

Đầu óc phóng khoáng, tâm hồn thanh cao,

Thuận lời thỉnh nguyện thưa cầu,

Hoan hỷ bố thí suốt đời không tranh,

Sáu là nói giọng chân thành,

Bảy là dứt hẳn môi miệng giận hờn.

Này Ma-ha-li, trong tiền kiếp xa xưa, thiên chủ Đế Thích đã dốc tâm, dốc sức hoàn tất bảy lời thệ nguyện như vậy nên đạt được quả vị Đế Thích.

Sau đó Đức Thế Tôn kể lại toàn bộ quá trình tu dưỡng và công hạnh bố thí, cúng dường vĩ đại của thiên thần Ma-ga (Magha), rồi Ngài đọc kệ:

Đế thích đạt thiên vương,

Nhờ tinh cần đi tới,

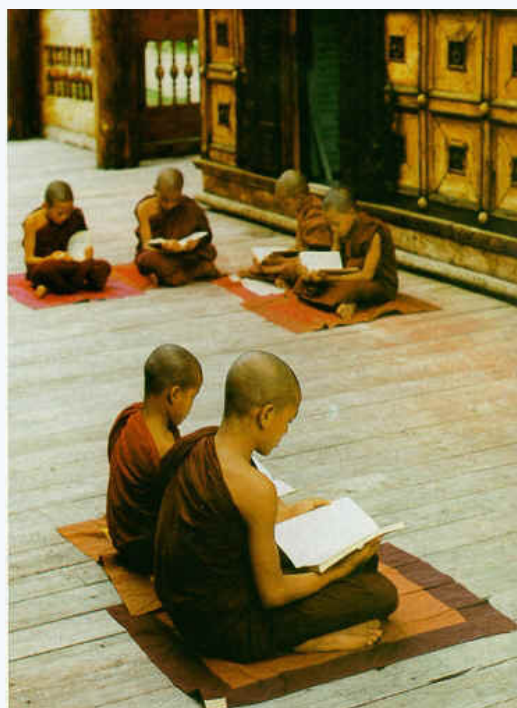
Tinh cần được ca ngợi,

Buông lung bị trách chê.

(PC. 30)

qua khỏi...tuổi khóc nhe thôi. Nhưng khi càng lớn thì mình càng phải giữ bí mật về tất cả những điều thiện mình đã làm. Không nên khoe khoang, vì tính khoe khoang là một tính rất xấu, không phải là tính của một Thiên Thần.

Con bé sung sướng nhìn chàng thanh niên cười toe. Cái cười khoe mấy cái răng sún hồn nhiên và... *thiên thần* làm sao. Chàng thanh niên lại thấy trong lòng tràn ngập một niềm vui. Ánh nắng lấp lánh trên mặt biển như đang tùy hỷ với niềm vui của họ. Đàn chim hải âu và các loài chim khác đã no và bắt đầu tán mác bay đi. Thấp thoáng, người đàn bà trẻ cầm trên tay cây cà lem vừa mua bước ra khỏi cửa tiệm kem, đôi mắt nhìn quanh tìm con bé rồi đậu lại một hình ảnh rất đẹp linh động trước mắt. Hình ảnh người thanh niên đang trò chuyện với con mình, cả hai khuôn mặt đều mang một niềm vui sáng ngời. Nàng nhìn thấy con bé đang thì thầm gì đó với chàng và nháy mắt như cả hai đang giữ một điều cực kỳ bí mật...



ẢNH HƯỞNG ĐẠO PHẬT TRONG THƠ HÀN MẶC TỬ

Quách Tấn

L.T.S: Tưởng niệm nhà thơ Phạm Công Thiện lại nhớ nhà thơ Quách Tấn, nhớ nhà thơ Quách Tấn lại nhớ nhà thơ Hàn Mặc Tử. Xin giới thiệu bài cũ của thi hào Quách Tấn, viết từ nửa thế kỷ trước để cùng nhớ những nhà thơ tài hoa của đất Việt.

Hàn Mặc Tử rất chú trọng về âm nhạc và màu sắc. Đó chính vì tâm hồn Tử có nhiều trạng thái cá biệt, nhiều khi rất bí ẩn u huyền; để diễn tả, phải dùng màu sắc, hình ảnh và âm nhạc--nhất là âm nhạc, vì chỉ có âm nhạc mới diễn tả nổi những cái sâu xa, thầm kín, những cái tế nhị, u ẩn của một tâm hồn.

Nhiều khi Tử phải bỏ nghĩa thông thường của chữ, bỏ cả văn phạm của câu, để cho thanh âm tiết tấu phù hợp với những biến chuyển, những rung động, những xao xuyến của tâm hồn--một tâm hồn mê mông và đối với chúng ta có phần xa lạ--mà vẫn tự chính xác nhiều khi không diễn tả được thấu đáo, không diễn đạt đúng ý muốn của người thơ. Cho nên xem thơ Hàn Mặc Tử, nhiều khi không nên chấp ở chữ mà hại lời, không nên chấp ở lời mà hại ý. Và muốn nhận thức tình ý trong thơ được đầy đủ, thì phải thưởng thức nhạc thơ trước nhất, vì trong thơ Tử, nhạc đi trước mà ý theo sau, và có khi ý không ở trong lời mà ở trong nhạc.

Trong tâm hồn Tử, không có những bức thành kiên cố ngăn cách tôn giáo của mình và tôn giáo của người, nhất là đối với Phật giáo. Vì không có những bức thành kiên cố ngăn cách giữa tôn giáo mình và tôn giáo người, nên Tử đã đi tìm nguồn cảm hứng trong Đạo Bồ Đề. Và mặc dù tự xưng mình là "Thi sĩ của đạo quân Thánh Giá", Tử vẫn không ngần ngại đem những từ ngữ, những hình ảnh của Phật giáo và dùng trong văn thơ mình, dùng cả vào trong những bài có tinh thần Thiên Chúa giáo nhiều nhất. Như bài Thánh Nữ Đồng Trinh là một.

Bài này Là những lời Tử dâng lên Đức Maria để ca ngợi "ơn phúc cả", mà Thánh Nữ đã ban cho Tử trong "cơn lâm lụy". Trong bài có những chữ "Từ Bi", "ba ngàn thế giới", là chữ của nhà Phật, dùng một cách sống khoẻ:

Lạy Bà là Đấng tinh thuần thánh vẹn
Giàu nhân đức, giàu muôn học từ bi
Tôi ưa nhìn Bắc đầu rạng bình minh
Chiếu cùng hết khắp ba ngàn thế giới

Hai chữ "Từ bi", còn thấy dùng trong nhiều bài khác:

Thơ tôi thường huyền diệu
Mọc lên đạo từ bi (Cao Húng)
Trời từ bi cảm động ứa sương mờ
Sai gió lại lay hồn trong kẻ lả
(Hải Nhập Hồn Em)

Nhiều từ ngữ khác của Phật giáo, như "hằng hà sa số", "mười phương" cũng thường gặp trong thơ Tử:

Mây vẽ hằng hà sa số lệ

Là nguồn ly biệt giữa cô đơn
(Cuối Thu)

Đóng cửa mười phương lại
Dồn ánh sáng vào đây (Điềm lạ)
Trời như hộp phải hơi men ngan ngát

Đằm muôn nghìn tinh lạc xuống
mười phương (Nguồn thơm)

Nhưng đó chỉ là những dấu tích bên ngoài. Trong thơ Hàn Mặc Tử có nhiều bài chịu ảnh hưởng cả hình thức lẫn tinh thần Phật giáo:

Bay từ Đạo Lý đến trời Đâu Suất,
Và lùa theo không biết mấy là hương. (Phan Thiết)

Trở lại trời tu luyện với muôn đêm,
Hớp tinh khí lâu năm thành chánh quả. (Phan Thiết)

Ngoài những ngôn ngữ phổ thông của nhà Phật, như "thành chánh quả", "sông Hằng", Tử vãi tung thơ lên tận sông Hằng (Phan Thiết). Ngoài những hình ảnh đẹp đẽ của trời "Đạo Lý", trời "Đâu Suất" - những cõi Phật xa xăm, đầy nhạc, đầy hương, đầy ánh trăng--chúng ta nhận thấy trong bài Phan Thiết, thuyết nghiệp báo và thuyết luân hồi được thi vị hóa một cách tài tình: con chim Phụng Hoàng vì Sân Si mà phải đoạn, và khi trở lại trời tu luyện thành chánh quả rồi, mà vì tập khí chưa tiêu trừ trọn vẹn, nên phải trở xuống trần gian, "nơi đã khóc đã yêu đương đa diết" để mà "chôn hận nghìn thu" và "sầu muộn ngất ngư".

Trong bài Phan Thiết, chúng ta còn nhận thấy rằng Hàn Mặc Tử đã nhìn đời bằng con mắt giác ngộ: những hiện tượng trong cõi đời này đều là những tưởng ảo hóa:

Sao tan tành rơi xuống vũng chiêm bao,
Trắng tan tành rơi xuống một cù lao
Hoá đại điện đã rất nên tráng lệ
(Phan Thiết)

Và cõi đời này--mà Phan Thiết là tượng trưng--là nơi đau khổ, là nơi "chôn hận nghìn thu", là nơi "sầu muộn ngất ngư". Vì nhận biết cõi đời là giả tạo, là nơi khổ lụy, Tử đi tìm nơi giải thoát và đã tìm thấy Cực Lạc Quốc Độ của Phật A Di Đà.

Sáng vô cùng, sáng láng cả mọi miền
(Ngoài vũ trụ)

Cả trời bổng nổi lên muôn điệu nhạc

Rất trọng vọng, rất thơm tho, man mác

Rất phương phi trên hết cả anh hoa
(Ra đời)

Vì muôn kinh đồn dập cõi thơm tho,
Thêm nghĩa lý sáng trưng như thất bảo (Đêm xuân cầu nguyện)

Những "ánh sáng vô cùng" "sáng láng cả mọi miền", những tiếng "nhạc thiêng liêng đồn dập khắp hư linh", những điệu nhạc "rất trọng vọng, rất thơm tho, man mác" những "cây bằng gấm và lòng sông bằng ngọc", ở trong Tử là vang bóng của "vô lượng quang" của "thiền nhạc", của "hoa sen đủ màu sắc và đủ hào quang mọc trong ao Thất bảo" trên thế giới Cực Lạc mà Tử đã nhìn qua kính A Di Đà.

Tinh thần Phật giáo còn ảnh hưởng

trong nhiều văn thơ của Tử, nhưng nhiều khi hoặc quá tiềm tàng, hoặc bị hình ảnh thơ lẫn đi, nên chúng ta không thấy nếu chúng ta không chú ý, không lưu tâm. "Ồi trời hạo nhiên đây không phải là công trình châu báu của Người sao? Lòng vô lượng đây không phải do phép màu nhiệm của Đấng Vô Thi Vô Chung?" (bài tựa Xuân Như Ý). Đó chẳng phải là chữ Tâm được thi vị hóa bằng những hình ảnh tượng trưng? Hàn Mặc Tử đã xác nhận tính chất vô thi vô chung của Tâm (lòng vô lượng), mà biểu hiện mẫu nhiệm là Mùa xuân thơm tho, trong đẹp, tràn lan khắp không gian (trời muôn trời) chen lẫn vô tận hỗn tạo vật, và tồn tại cùng thời gian (năm muôn năm). Nhưng vì là một tín đồ Thiên Chúa Giáo, Tử đã quan niệm cái Tâm bất sanh bất diệt là Đấng Vô Thi Vô Chung, và coi những hiện tượng do "lòng vô lượng" đã "đưa ra" kia là "công trình châu báu" của Đức Chúa Trời, nên Tử "cao rao danh Cha cả sáng". Như thế Hàn Mặc Tử có phải là một nhà thơ của đạo Thiên Chúa? Nghĩa là Tử phải có một tín đồ dùng thơ để phụng sự tôn giáo mình? Thưa không phải. Tử tìm vào Đạo - Đạo Thiên Chúa cũng như Đạo Phật chỉ để tìm nguồn cảm hứng, để tìm nguồn an ủi khi bị tình đời phụ rẫy hoặc thể xác dày vò. Lý tưởng chính của Tử là Thơ. Tôn giáo chỉ là những yếu tố phụ vào để làm cho thơ thêm giàu sang và trọng vọng. Do đó nhiều khi bị hứng thơ lôi cuốn, Tử đã thốt ra những lời có thể gọi là "phạm thượng" đối với những Đấng Thiêng Liêng mà Tử phụng thờ. Ví dụ đương quý trước Thánh Nữ Maria để ca ngợi ơn cứu nạn, mà Tử dám nói:

Tôi cảm động rung rung hai hàng lệ;
Dòng thao thao bất tuyệt của nguồn thơ

Bút tôi reo như châu ngọc đến vua
Thật chẳng khác nào đứng nói cùng một người ngang hàng ngang lứa hoặc Nàng Thơ! Thậm chí trong khi cầu nguyện lúc đêm xuân, mà chàng vẫn để tứ thơ ngang tàng theo hứng:

Ta chấp tay lạy quý hoan hào,
Ngửa trông cao câu nguyện trắng không gian,

Để vừa dâng vừa hiệp bốn mùa xuân
Nở một lượt giàu sang hơn Thượng Đế
(Đêm xuân cầu nguyện).

Nghĩ đến những gì "giàu sang hơn Thượng Đế", Tử biết là một tội lỗi lớn,

nên tiếp đó chàng van lơn thầm nguyện:
Tôi van lơn, thánh nguyện Chúa Giêsu

Ban ơn xuống cho mùa xuân hôn phối
Xin tha thứ những câu thơ tội lỗi

Lời xưng tội vẫn không thật nghiêm trang thành kính! Trong khi viết những lời tạ tội, Tử đã nghĩ đến thơ nhiều hơn nghĩ đến Chúa, mặc dù Tử luôn luôn thờ Chúa trên thơ.

Còn đối với Đạo Phật? Hàn Mặc Tử đi vào Đạo Từ Bi không phải để tu, mà cũng không phải để tìm hiểu những gì cao siêu huyền diệu. Tử vào Đạo Từ Bi cũng như một lãng nhân vào vườn hoa nghìn hương muôn sắc. Vào không phải với mục đích của nhà vật học hay nhà làm vườn, mà vào với tấm lòng con nhà nghệ sĩ khoáng đạt phong lưu. Vào để thưởng thức những cái Đẹp khác thường vừa giàu sang vừa thanh thoát. Hoa có bao nhiêu hương giống, cũng không cần biết. Vườn hoa có tự bao giờ và rộng đến đâu, cũng không cần biết nốt. Mà chỉ biết rằng có nhiều hương lạ, nhiều sắc lạ, và chỉ biết trải lòng mê mông. Rồi những gì đã thấm vào tâm khảm thỉnh thoảng trào ra ngọn bút những lúc Thơ về, khi thì đượm đà, khi thì phảng phất, khi thì hiển hiện, khi thì ẩn tàng và tràn ra một cách tự nhiên, khiến lắm lúc nhà thơ rường rắng đó là do mình sáng tạo ra chứ không ngờ rằng mình đã chịu ảnh hưởng,

Và tất cả những gì đã thấm nhập được trong tôn giáo, trong Phật giáo, cũng như trong Thiên Chúa Giáo - một khi đã vào thơ Tử thì không còn giữ nguyên chất, vì đã bị tâm hồn Tử biến thể, pha trộn theo quan niệm và sở thích của mình. Tử thường nói cùng bạn rằng: "Tôi lợi dụng văn chương và triết lý nhà Phật để làm thơ mà thôi. Tôi dung hòa cả hai thể văn và tôn giáo: Thiên Chúa và nhà Phật. Đó chính là muốn làm giàu cho nền văn chương chung."

Bởi vậy, khi đọc Hàn Mặc Tử, chúng ta nên mở tâm lòng cho rộng rãi, đừng chấp về mặt tư tưởng cũng như về mặt ngôn từ, thì mới dễ cảm động cùng con người thơ phức tạp, mới tận hưởng được tất cả những gì sâu kín ẩn khuất dưới những hàng mây rắng lung linh.

(Nha Trang, mùa xuân Tân Sửu, 1961)

Chôn ản

Rào keo lá xanh mướt
Sân mận cành khảnh khiu
Mừng khách làng thơ đến
Thềm vang tiếng sè kêu.

Dừng tay bút

Hiện mận dừng tay bút
Chiều rơi chiếc lá khô
Ngõ ngoài xe ngựa vắng
Sóng sánh nước hồ thu.

Mái đời

Thân trải vòng hoa giáp
Lòng thơ quên tuổi già
Mái đời đeo thoi bạc
Ghi dấu thời gian qua.

Tháo kính

Nghìn xưa trang giấy lật
Hiu hắt ngọn hàn đăng
Tháo kính ra thềm đứng
Cành rơi đôi giọt trắng.

Đắp mộ

Vốn biết lẽ vô thường
Khôn ngăn lòng nhớ thương
Mỏ xanh vun nấm cỏ
Ấp ủ tình quê hương.

(trích từ thi phẩm Giọt Trắng)

QUÁCH TẤN



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

Điều Âm lược dịch

THÁI LAN: Đền thờ Phật giáo Chalong trên đảo Phuket

Đảo du lịch nổi tiếng Phuket là hòn đảo lớn nhất của Thái Lan. Với một nền văn hóa chịu ảnh hưởng của Phật giáo, đảo Phuket là nơi có nhiều đền thờ Phật giáo.

Trong số đó, Đền Chalong là ngôi đền quan trọng nhất trên đảo, tọa lạc cách thành phố Phuket khoảng 8 km về phía nam. Ngôi đền tuyệt vời này được xây để tưởng niệm 2 tu sĩ Phật giáo Luang Pho Chaem và Luang Pho Chuang, là 2 tăng sĩ đã chăm sóc cho những người bị thương tích trong cuộc nổi dậy của những thợ mỏ thiếc vào năm 1876.

Ngôi chùa chính của đền có tôn trí một mảnh xương của Đức Phật. Chùa cũng được trang trí bằng những bức bích họa tuyệt đẹp kể về cuộc đời của Đức Phật.

Du khách viếng đền Chalong có thể thấy các tín đồ đến đây để đốt pháo kính tạ ơn trên.

(Articles Base - June 1, 2011)



Đền Chalong ở đảo Phuket, Thái Lan - Photo: Google

TRUNG QUỐC: Bộ sưu tập y học Phật giáo đầu tiên của Trung quốc được công bố

Ngày 28-5-2011, Thiếu Lâm tự ở tỉnh Hà Nam đã công bố một bộ sưu tập 100-tập các tác phẩm về y học Phật giáo mới được xuất bản.

Bộ y học Phật giáo này được biên soạn thành 101 tập và 70 triệu ký tự, bao gồm hơn 3.000 tài liệu về lý thuyết và thực hành của y học Phật giáo. Tác phẩm xưa nhất có niên đại từ thời nhà Hán (202 BC - 220 AD), trong khi cuốn gần đây nhất được viết vào thời Trung Hoa Dân quốc (1912 - 1949).

Để hoàn thành bộ sưu tập, Thiếu Lâm tự cũng cung cấp các bản thảo về y học của chùa, trong đó có một số bản chưa từng được công bố với công chúng.

Thường được xem là cái nôi của Kung Fu, Thiếu Lâm tự cũng nổi tiếng về các thành tựu trong khoa chính hình và chấn thương chính hình.

(Buddhist Channel - June 2, 2011)

ẤN ĐỘ: Viện bảo tàng Phật giáo đầu tiên của Ấn Độ sắp được xây

Uttar Pradesh, Ấn Độ: Cuộc đời và lời dạy của Đức Phật sẽ sớm được bất tử hóa trong một viện bảo tàng kiêm trung tâm nghiên cứu Phật giáo tại

khu Greater Noida (ở quận Gautam Budh Nagar, bang Uttar Pradesh).

Đây là Viện bảo tàng Phật giáo đầu tiên của Ấn Độ, được phê duyệt xây dựng vào đầu tháng 5-2011. Công trình sẽ khởi công trong vài tháng tới và sẽ hoàn thành trong vòng 18 tháng.

Viện bảo tàng và Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo rộng 25 mẫu, nằm trong khuôn viên trường Đại học Gautam Budh.

Viện sẽ có các phòng trưng bày nghệ thuật, trung tâm nghiên cứu và phát triển, trung tâm triển lãm, các phòng học, các khu điêu khắc và một số phòng sinh hoạt văn hóa.

Mục đích của dự án là giới thiệu về nguồn gốc và lịch sử Phật giáo, cũng như về các tài sản văn hóa khác nhau liên quan đến tôn giáo nổi tiếng thế giới này.

(TNN - June 2, 2011)

MÃ LAI: Liên hoan phim Quốc tế Wesak (Phật đản) lần thứ 3

Liên hoan Phim Quốc tế Wesak (Wiff) lần thứ 3 sẽ được tổ chức tại Trung tâm Du lịch Mã Lai ở Jalan Ampang, Kuala Lumpur vào các ngày 11, 12, 18 và 19-6-2011.

Liên hoan nhằm mục đích truyền bá các giá trị cốt lõi của Phật giáo thông qua các phương tiện trực quan và tạo sự nhận thức cao hơn của công chúng về giáo lý Phật giáo.

Các nhà đồng tổ chức của liên hoan bao gồm Hội Phật giáo Bandar Utama, Phường hội Phật tử nghề Đá quý, Hội Phật giáo Nalanda và Hội Thanh niên Phật tử của Mã Lai. Ngoài ra còn có sự ủng hộ của 15 hội Phật giáo khác tại Klang Valley.

Năm nay Wiff sẽ trình chiếu miễn phí 18 phim dài, phim tài liệu, hoạt hình và phim thiếu nhi có chủ đề Phật giáo.

Các phim sẽ được trình bày bằng tiếng Anh, Đức, Nhật, Quan thoại, Tích Lan và Tây Tạng.

(Thestar.com.my - June 3)

HÀN QUỐC: Chương trình Ở Tại Chùa kỷ niệm 10 năm thành lập

Năm nay đánh dấu kỷ niệm năm thứ 10 của các chương trình ở-tại-chùa tại Hàn quốc.

Kể từ năm 2002, ở-tại-chùa đã trở thành một chương trình du lịch trọng điểm, giúp du khách tìm hiểu trực tiếp về văn hóa và Phật giáo truyền thống Hàn quốc trong khi họ chiêm nghiệm vẻ đẹp của các đền chùa địa phương.

Số lượng chùa chiền tham gia chương trình đã tăng từ 33 vào năm 2002 lên 122 vào năm nay.

Và số lượng du khách nội địa lẫn ngoại quốc tham gia cũng tăng lên đáng kể: Vào năm 2002 có khoảng 2.500 người tham gia chương trình. Đến năm 2010 số du khách ở tại chùa là trên 170.000 người, và dự đoán năm nay sẽ có hơn 710.000 người tham gia chương trình này.

Để nâng cao chất lượng của chương trình, Trung tâm thông tin Ở Tại Chùa do Tông phái Tào Khê điều hành có kế hoạch phát triển thêm

nhiều hoạt động mới và đa dạng hơn. (urbandharma - June 6, 2011)



Du khách tham gia chương trình Ở Tại Chùa của phái Tào Khê (Hàn quốc)

MÃ LAI: Triển lãm Phật giáo thu hút 40 nghìn khách tham quan Ipoh

Mã Lai - Đông đảo Phật tử đã tập trung tại Trung tâm Phật giáo Kadhampa ở Ipoh để chiêm bái xá lợi của Đức Phật và xem những hiện vật trang trí và cổ vật Phật giáo Tây Tạng.

Triển lãm có tên là "Những bí ẩn Thiên nhiên kỳ: Xá lợi Đức Phật và Cổ vật Tây Tạng", được tổ chức từ ngày 27-5 đến 02-6-2011 bởi Hội Phật giáo Kadhampa Mã Lai và Trung tâm Phật giáo Kadhampa Ipoh.

Trong số các di vật được triển lãm có xá lợi các mảnh xương và máu của Đức Phật.

Trường ban tổ chức Steven Chen nói rằng cuộc triển lãm đã thu hút trên 40 nghìn tín đồ và khách tham quan.

(urbandharma - June 8, 2011)



Các nhà sư và tín đồ hành lễ tại Trung tâm Phật giáo Kadhampa

TÂN TÂY LAN: Đức Đạt lai Lạt ma cầu nguyện cho thành phố Christchurch

Christchurch, Tân Tây Lan - Ngày 08-6-2011, Đức Đạt lai Lạt ma đã đến thành phố bị động đất Christchurch để cầu nguyện cho người dân tại đây.

Ngài đã yêu cầu được gặp riêng những người bị mất thân nhân trong trận động đất hồi tháng Hai và hỏi thăm từng gia đình tang quyến này vào đầu buổi cầu nguyện. Có trên 4.000 người tham dự sự kiện này.

Đức Đạt lai Lạt ma cũng dành thời gian để đến thăm những người bị thương và đội ngũ nhân viên cấp cứu tại Bệnh viện Christchurch.

Từng viếng thăm Christchurch 2 lần vào năm 1992 và 1996, Đức Đạt lai Lạt ma nói ngài có những kỷ niệm đẹp và một tình cảm nồng ấm dành cho thành

phố này. Trong cả 2 lần thăm ấy, ngài đã thuyết pháp tại Nhà thờ Christchurch hiện nay đã bị đổ nát vì trận động đất. (ONE News - June 8, 2011)

HÀN QUỐC: Diễn viên Phật tử Richard Gere sẽ triển lãm ảnh và tham dự chương trình ở-tại-chùa

Ngày 08-6-2011, giáo phái Phật giáo Tào Khê cho biết rằng diễn viên Phật tử người Mỹ Richard Gere sẽ đến Hàn quốc vào ngày 20-6, kịp thời gian cho cuộc triển lãm ảnh của ông.

Có tựa đề là "Người hành hương" gồm những ảnh chụp về Tây Tạng, cuộc triển lãm sẽ được tổ chức tại Trung tâm Nghệ thuật Seoul từ ngày 14-6 đến 24-7-2011.

Gere sẽ có một cuộc gặp gỡ với Hòa thượng Jaseung, người đứng đầu Tông phái Tào Khê, và sau đó đến Bulgksa ở Gyeongju (cách đông nam Seoul khoảng 370 km) để tham dự một chương trình ở-tại-chùa.

Richard Gere là một người ủng hộ tích cực của Đức Đạt lai Lạt ma, và cũng là người ủng hộ cho nhân quyền tại Tây Tạng.

(Korean Herald - June 9, 2011)



Richard Gere - Photo: AP-Yonhap News

ẤN ĐỘ-TRUNG QUỐC: Hội nghị thượng đỉnh văn hóa Ấn-Trung

Là 2 trong số các biểu tượng thiêng liêng nhất của Ấn Độ có tác động mạnh đến Trung quốc trong những năm qua, Phật giáo và Yoga sẽ được hai nước tập trung nỗ lực để mở rộng phạm vi quan hệ văn hóa trong tháng này.

Hai nước sẽ cùng tổ chức một hội nghị Phật giáo quan trọng tại Bắc Kinh (từ ngày 18 đến 20-6) và một hội nghị thượng đỉnh về yoga Ấn-Trung tại thành phố công nghiệp Quảng Châu (từ ngày 16 đến 19-6).

Hội nghị Phật giáo Bắc Kinh sẽ thảo luận rộng về chủ đề "Lập bản đồ của lịch sử và văn hóa châu Á".

Đồng thời, hai nước sẽ tổ chức Hội nghị Thượng đỉnh Yoga Trung-Ấn tại thành phố Quảng Châu với sự tham dự của đại sư yoga Ấn Độ Iyengar, 93 tuổi, cùng các cộng sự của ông từ Trung quốc.

Hiện nay, Trung quốc có khoảng 30 nghìn câu lạc bộ yoga, với 150 nghìn giáo viên và khoảng 20 triệu học viên.

(PTI Beijing - June 11, 2011)

HOA KỲ: Hội nghị Phật giáo tại thành phố Bolivia

Bolivia, North Carolina - Tu viện Phật giáo Wat Cardina ở thành phố Bolivia thu hút Phật tử từ khắp nơi trong tiểu



bang North Carolina cũng như từ khắp Hoa Kỳ.

Nhân dịp tổ chức Hội nghị Dhammayut thường niên lần thứ 27, từ ngày 10 đến 12-6-2011 tu viện đã đón tiếp hơn 80 tăng sĩ đến tham dự. Kỳ họp hàng năm này tạo cơ hội cho chư tăng chia sẻ về sự tiến bộ từ các tự viện của riêng mình và phát kiến cách phát huy công việc của họ.

Hàng trăm Phật tử thuần thành của các chùa từ San Francisco, Texas và Boston cũng theo các nhà sư đến dự kỳ họp này. Họ thậm chí góp phần giúp kinh tế địa phương tăng vọt: Một số khách sạn ở Southport, North Carolina đã cho biết có sự tăng đột biến về đặt phòng từ ngày 10 đến 12-6.

(WECT - June 13, 2011)

THÁI LAN: UNESCO công nhận chữ khắc cổ của Wat (Chùa) Pho là Ký ức của di sản Thế giới

Bangkok, Thái Lan - Wat Pho sẽ mừng lễ trong 9 ngày 9 đêm (từ 19 đến 27-11-2011), sau khi UNESCO công nhận kho lưu trữ chữ cổ của chùa này là Ký ức của di sản tư liệu thế giới.

Lễ sẽ được tổ chức theo cách cổ xưa như mô tả trong các chữ khắc, giống với cách từng được tiến hành ở triều đại Vua Rama I (vào đầu thời đại Rattanakosin).

Được khắc từ năm 1831 đến 1841, 1.400 chữ khắc đá này bao gồm một qui mô rộng về kiến thức như lịch sử, Phật giáo, văn hóa, truyền thống, tục ngữ và sức khỏe.

Việc liệt kê những chữ khắc cổ của Wat Pho vào danh sách của Di sản Thế giới được thực hiện tại kỳ họp thứ 10 của Ủy ban Tư vấn Quốc tế về Ký ức của Chương trình Thế giới - tổ chức tại Manchester, Vương quốc Anh từ ngày 22 đến 25-5-2011.

(NNT - June 17, 2011)



Photo in courtesy of watpho.com

Wat Pho - Photo: NNT

ẤN ĐỘ: Người Tây Tạng ở bang Orissa làm lễ kết thúc tháng thiêng liêng của Phật giáo

Orissa, Ấn Độ - Ngày 15-6-2011, người Tây Tạng tại bang Orissa đã tiến hành những nghi lễ đặc biệt để đánh dấu sự kết thúc của tháng Đức Phật đàn sinh, thành đạo và nhập niết bàn, là tháng tốt đẹp nhất trong Phật lịch. Họ cấm thực và tịnh khẩu suốt ngày, và nhiều người đã tập trung tại tu viện Phật giáo nổi tiếng ở Jiranga để hành lễ nhân dịp này.

Khoảng 4.500 người Tây Tạng sống tại 5 trại ở Quận Gajapati kể từ năm 1964, khi họ rời bỏ quê hương Tây Tạng để theo vị lãnh đạo tinh thần của họ là Đức Đạt lai Lạt ma.

Chủ tịch Hội đồng Tây Tạng địa phương kiêm phụ trách tu viện nói, "Khoảng 230 nhà sư, cùng với những người định cư từ tất cả các trại đã cử hành nghi lễ đặc biệt và cầu nguyện cho hòa bình thế giới, chủ trì bởi đại sư Gyetrul Jigmey - sư trưởng tu

viện tại Jiranga".
(TOI - June 16, 2011)

TÍCH LAN: Triển lãm xá lợi và cổ vật Phật giáo của Pakistan

Colombo, Tích Lan - Pakistan đã trao một số di vật Phật giáo linh thiêng cho Tích Lan để triển lãm nhân kỷ niệm năm 2.600 Đức Phật Thành đạo.

Đại sứ Pakistan tại Tích Lan đã trao các di vật nói trên cho các nhà sư của chùa Bodhinyana Asapuwa ở Kasuwela.

Cuộc triển lãm ở Colombo sẽ trưng bày các bảo vật văn hóa từ vùng Gandhara này của Pakistan, bao gồm bộ sưu tập của Viện bảo tàng Peshawa và Taxila (Pakistan).

Các hiện vật gồm có xá lợi răng của Đức Phật, hộp đựng Xá lợi Kanishka, hòm thánh bằng đá có hình dạng bảo tháp và một Kim tráp.

Những di vật này sẽ được trả về Pakistan sau khi kết thúc triển lãm.

Phật giáo đã để lại một di sản đồ sộ và phong phú về nghệ thuật và kiến trúc tại Pakistan, được biết đến với tên gọi Gandhara Deshaya trong truyền thuyết Phật giáo.

(ANI - June 18, 2011)

NEPAL: 3 tỉ USD để xây Trung tâm Phật giáo tại Lâm Tì Ni

Là một Di sản Thế giới nằm ở biên giới phía tây giáp với Ấn Độ, Lâm Tì Ni của đất nước Nepal hàng năm thu hút nửa triệu khách hành hương từ Trung quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Tích Lan và Thái Lan. Du khách đến để viếng những ao vườn và tự viện của Lâm Tì Ni, nhưng di tích này không có cơ sở hạ tầng nên họ không thể ở lại lâu dài hơn.

Và đầu năm nay, Trung quốc đã ký một hợp đồng để phát triển Lâm Tì Ni. Theo đó, Quỹ Trao đổi và Hợp tác Châu Á Thái Bình Dương có trụ sở tại Bắc Kinh - một quỹ do chính phủ Trung quốc tài trợ - đã đề ra một cuộc vận động để quyên 3 tỉ USD, nhằm đưa di tích này trở thành địa điểm hành hương Phật giáo hàng đầu thế giới.

Các nhà hoạch định có kế hoạch xây một phi trường, các khách sạn, trung tâm hội nghị, đường cao tốc, chùa chiền và một trường đại học Phật giáo tại di tích này.

Đề án cũng được sự hỗ trợ của Steven Clark Rockefeller, người thừa kế của dòng họ Rockefeller.

(Sunday Observer - June 19, 2011)



Khu di tích Lâm Tì Ni, nơi sinh của Đức Phật - Photo: Google

TÍCH LAN: Bảo tháp Girihanduseya, bảo tháp đầu tiên trên thế giới

Nằm trên đỉnh một ngọn núi ở Nee-thupathpana tại huyện Trincomalee, Bảo tháp Girihanduseya được xem là bảo tháp và đền thờ Phật giáo đầu tiên được xây tại Tích Lan cũng như trên thế giới. Do đó, đối với Phật tử và công chúng, di tích này rất quan trọng và có ý nghĩa.

Theo Đại biên niên sử (Mahavamsa), bảo tháp Girihanduseya được xây dựng sau khi Phật giáo chính thức du nhập

Tích Lan vào Thời đại Devanampiyatissa. Đây là Bảo tháp lịch sử cổ xưa rất quan trọng đối với Phật tử, vì bên trong có tôn trí xá lợi tóc của Đức Phật.

Ngày 20-6-2011, một Ủy Ủy thác được khởi động tại khuôn viên của Bảo tháp Girihanduseya để phát triển cơ sở hạ tầng của di tích này. Buổi lễ có sự tham dự của một số vị chức sắc Phật giáo và chính khách.

(dailynews.lk - June 20, 2011)



Di tích Bảo tháp Girihanduseya (Tích Lan) - Photo: Daily News

ĐÀI LOAN: Lễ cầu siêu của 1.000 tăng ni trên tàu biển

Ngày 22-6-2011, một chiếc tàu hạng sang đã khởi hành từ Cảng Keelung, bắc Đài Loan, trong một hải trình 3 ngày đi quanh đảo. Chuyến đi do Quý Thủy trình Từ thiện Trung Hoa tổ chức.

Trên tàu có hơn 1.000 tăng ni. Tất cả họ được mời để tham dự một nghi lễ cầu siêu cho những người đã chết vì tai nạn ở biển. Chư tăng ni cùng cầu nguyện cho những người quá cố được yên nghỉ và đầu thai trong một thế giới tốt đẹp hơn.

Ngoài ra còn có sự tham gia của 11 tu sĩ Phật giáo khác từ Nhật Bản. Các vị này cũng cầu nguyện cho nạn nhân động đất và sóng thần - xảy ra vào ngày 11-3-2011 tại nước Nhật. Quý Thủy trình Từ thiện Trung Hoa đã thuê chiếc tàu Star Cruises với giá gần 20 triệu Đài tệ (693.000 usd), và trả 10 triệu Đài tệ khác cho các chi phí của chư tăng ni trong cuộc hành trình.

(Focus Taiwan - June 22, 2011)



Tàu Star Cruises chờ chư tăng ni trong hải trình cầu siêu

TRUNG QUỐC: Động Mạc Cao mở cửa lại sau lũ lụt

Là một trong 3 kho tàng nghệ thuật Phật giáo quan trọng nhất của Trung quốc, Động Mạc Cao (ở thành phố Đôn Hoàng, tỉnh Cam Túc) đã mở cửa lại khi trận lũ lụt lớn đã được kiểm soát một cách hiệu quả.

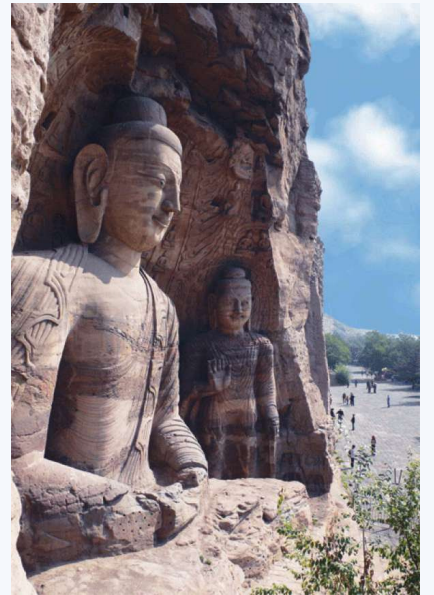
Từ ngày 15-6, tỉnh Cam Túc đã có những trận mưa lớn. Ở thành phố Đôn Hoàng, mưa lũ gây ngập đường hóa xa, phá hủy một cây cầu lớn và gây ách tắc giao thông, làm hỏng các nguồn cung cấp điện.

Sau những ngày làm việc, đề điều đã được sửa chữa và giao thông được

nổi lại cho tất cả các điểm du lịch tại thành phố Đôn Hoàng. Việc cung cấp điện và các dịch vụ viễn thông cũng được phục hồi.

Đôn Hoàng là một thành phố du lịch nổi tiếng với Động Mạc Cao, còn gọi là Động Thiên Phật. Vào năm 1987, Động Mạc Cao trở thành Di sản Thế giới UNESCO đầu tiên của Trung quốc.

(Xinhua - June 22, 2011)



Tượng Phật ở Động Mạc Cao (China)

ISRAEL: Chương trình múa Niết Bàn của Hàn quốc

Sau khi trình diễn tại gần 50 nước, chương trình múa Niết Bàn từ Hàn quốc sẽ lưu diễn tại Israel lần đầu tiên vào tháng 7-2011. Có khoảng 90 nghệ sĩ sẽ xuất hiện trên sân khấu, bao gồm các vũ công, các tay trống Kodo và các nhạc công chơi những nhạc cụ truyền thống khác. Hai phần ba của số nghệ sĩ này là tăng sĩ, còn lại là những vũ công chuyên nghiệp.

Nhà sư Kim Eung-ki, một học giả và là một vị thầy nổi tiếng, là người đã khởi xướng Niết Bàn và đã viếng thăm Israel để quảng bá chương trình này. Ông nói, "Niết Bàn không chỉ là một điệu múa dân tộc mà còn là một điệu múa tôn giáo được trình diễn trên sân khấu. Từ xưa đến nay, điệu múa này được dùng để giảng dạy triết lý đạo Phật cho mọi người. Đây cũng là một phần của việc đào tạo về tôn giáo của các tăng sĩ".

Niết Bàn sẽ trình diễn tại Jerusalem, Herzliya, Tel Avid và Karmiel từ ngày 10 đến 14-7 như một phần của lễ hội truyền thống.

(The Jerusalem Post - June 24, 2011)



Các vũ công Hàn quốc của chương trình múa Niết Bàn - The JPost

BẢY BƯỚC THĂNG TRẦM

Thích Nữ Trí Hải

Một hôm thanh niên Citta, con trai một người luyện voi, đi giữa đường gặp một vị tỳ kheo đang khất thực. Nhiều Phật tử đến dâng lễ đặt vào bát của tỳ kheo những thức ăn ngon lành, trong đó có một trái "sầu riêng", món mà Citta đặc biệt ưa thích. Anh ta liền đến bên vị tỳ kheo, nói:

- Bạch Đại đức, Ngài cũng ưa món này sao?

- Ồ, thanh niên. Nếu muốn, người có thể lấy đi.

Thanh niên sung sướng cảm ơn vị tỳ kheo, nhận trái "sầu riêng" đem về. Đọc đường anh ta suy nghĩ: "Mình lao động suốt ngày mới có mà ăn, vậy mà vị đại đức thì trông thật nhàn nhã, khỏi làm gì cả, lại được cúng dường đầy đủ. Hay thay, nếu ta cũng xuất gia để được cúng dường."

Nghĩ thế, thanh niên bèn cạo đầu đắp cà sa đi khất thực, gia nhập một Tăng đoàn của đức Phật. Nhưng vì xuất gia với một động cơ không hay ho gì cho lắm, nên chẳng bao lâu Citta phải hoàn tục, vì chàng không chịu nổi nếp sống khổ hạnh của Tăng đoàn. Nhưng sự thanh tịnh an lạc của chư Tăng với khung cảnh trang nghiêm ở vườn Cấp Cô Độc, nơi Đức Thế Tôn ngự tòa, vẫn để lại một ấn tượng khó phai trong tâm khảm chàng, đến nỗi khi hoàn tục, Citta vẫn mơ ước trở lại đời tu sĩ. Một hôm gặp một con voi khó luyện, chàng trở nên chán nghề của cha, và tìm đến Phật xin xuất gia lại. Đức Thế Tôn chấp thuận cho chàng thể phát. Tu được vài tháng, chàng lại đâm chán, xin hoàn tục. Một lần nữa, chàng trở về đời sống tại gia, rồi lại chán, lại cạo đầu xin xuất gia, cứ thế cho đến khi chàng hoàn tục lần thứ năm. Lần này, khi trở về nhà, việc đầu tiên chàng định làm là cưới một chị vợ để thay đổi không khí, họa may đời chàng có chút ổn định nào chăng. Chàng đâm chán cái bệnh ưa thay đổi của chàng, và muốn thay đổi một lần chút. Do đó chàng cưới vợ.

Đời sống hôn nhân chẳng bao lâu cũng làm cho chàng chán ngấy lên tới cổ. Một đêm kia, chàng trằn trọc không ngủ được, dòm qua thấy chị vợ đang ngủ say, mép tiết ra một đồng nước bọt trên gối, bụng mang bầu lớn tướng như một con cá "bống mủ" sắp tới kỳ sinh nở. Chàng bỗng thấm thía sự dơ uế, khổ nạn của dục lạc và lập tức ôm bát chạy ra đường (y bát của chàng qua năm lần xuất gia rồi hoàn tục, chàng vẫn giữ như người ta giữ một cái va-ly chờ dịp đi xa). Trên đường vắng, đêm khuya thanh tịnh, một mình tiến về rừng Cấp Cô Độc, bao nhiêu hộ giống tốt đẹp chàng đã gieo trong ruộng thức qua năm thời kỳ xuất gia trước đây bỗng nhiên cùng trôi đi một loạt, đâm chồi nảy lộc. Chàng chứng được quả Dự Lưu khi đang còn đi trên đường.

Trong lúc ấy, tại vườn Cấp Cô Độc, các tỳ kheo sau thời tọa thiền đang ngồi bàn tán về chàng:

- Tên đó, lần này nếu còn trở lại, chúng ta nhất quyết đừng cho xuất gia. Các huynh đồng ý không?

- Đồng ý! Cho xuất gia chẳng khác nào bắt cóc bỏ đĩa. Y cứ nhày ra nhày vô hoại, làm náo động nếp sống thanh tịnh của chúng tăng.

- Phải đấy, nhưng mà chư hiền nghĩ sao? Y có còn trở lại hay không? Chắc y sẽ xấu hổ không trở lại. Năm lần là đã

quá lắm rồi!

- Chúng ta hãy chờ xem!

Đúng lúc ấy Citta ôm bát tiến vào vườn. Mặt y rạng rỡ như trăng rằm, các căn tịch tịnh. Chư tỳ kheo không ai bảo ai, đều im lặng khi Citta nói xin được gia nhập tăng đoàn trở lại. Có nghĩa họ đã bằng lòng.

Lần thứ sáu xuất gia, Citta nhiệt tâm tu tập và nhanh chóng đạt đến tứ thiền nội tâm định tĩnh. Chàng vô cùng hân hoan, và mong mỏi có dịp để tỏ lộ thánh quả. Một hôm vài vị đã chứng A La Hán đang ngồi đàm luận về Pháp. Citta cũng tham dự, và không ngớt ngắt lời vị trưởng lão khi ngài đang phát biểu. Trưởng lão Đại Câu Thi La nói:

- Nay Citta, chú hãy đợi những thượng tọa nói xong cái đã, rồi hãy phát biểu ý kiến của mình.

Vài tỳ kheo bèn vực Citta:

- Bạch Thượng Tọa, huynh này đã đắc pháp nhãn, có thể nói lên những gì đã thực chứng. Xin Thượng Tọa chớ khiển trách y.

- Ta biết y có thiền chứng, nhưng việc ấy không ngăn nổi y hoàn tục lần nữa. Ví như một con bò khi được buộc chặt vào cái cọc, thì nó có vẻ hiền lành an ổn, nhưng thả ra nó sẽ giẫm đạp nát hết ruộng lúa. Cũng vậy, một tỳ kheo khi đứng trước bậc đạo sư hay trước những bậc thánh, có thể tỏ ra khiêm cung, đạo hạnh, nhưng khi tha lỏng, y có thể đọa, từ bỏ học giới mà hoàn tục. Một người có thể chứng đắc bốn thiền, nội tĩnh nhất tâm, và trong khi an trú các thiền chứng này, y được ổn định, nhưng khi xa thiền, lại ba hoa khoác lác, không thể tự kềm chế, ưa khoe khoang thành quả. Khi ấy thân y đầy tham và mạn, khen mình chê người, và cuối cùng phải từ bỏ học giới. Khi hoan hỉ tham đắm các thiền chứng, thì chính những thiền chứng ấy sẽ đưa y đến chỗ tàn灭. Bởi vì cấu uế của tâm rất vi tế, thiền chứng chỉ làm cho chúng lặn xuống chứ không mất. Như khi một đạo quân cắm trại trong rừng, thì vì những tiếng trống kèn ống loa xe cộ, mà ta không nghe tiếng côn trùng trong cỏ, ta tưởng chúng đã lặng im. Khi đạo quân nhỏ trại đi chỗ khác, tiếng côn trùng lại vang lên như cũ.

Về sau, quả nhiên Citta từ bỏ đời sống xuất gia, hoàn tục lần thứ sáu. Chúng tỳ kheo hỏi trưởng lão:

- Bạch ngài, ngài đã biết trước việc này do thiền quán, hay do chư thiên mách?

- Cả hai.

Họ đến nơi Phật, kể lại sự vụ và tỏ ý tiếc cho Citta, Thế Tôn dạy:

- Không sao, Citta còn trở lại lần nữa, và sẽ là lần cuối đấy.

Một hôm, Citta cùng đi với Potthapada một nhà khổ hạnh, đến hầu Phật để hỏi về Pháp. Những lời Thế Tôn dạy cho vị khổ hạnh làm chàng rất hài lòng. Chàng lại xin Phật xuất gia lần thứ bảy. Đức Phật chấp nhận, và chỉ trong thời gian ngắn, chàng chứng quả La Hán.

Đức Phật kể lại nguyên do tại sao Citta phải vô ra bảy lần như vậy mới chứng thánh quả. Vào một tiền kiếp, thời Phật Ca Diếp tại thế, chàng đi cùng với một tỳ kheo bạn. Bạn chàng ngờ ý muốn hoàn tục, vì không chịu nổi khổ hạnh. Thay vì khuyên bạn tiếp tục tu hành, Citta lại có tâm xấu, xúi giục bạn bỏ tu, để cho bạn bị chê, mình được khen. Do vậy mà kiếp này Citta phải chịu sự sỉ nhục là vô ra tăng đoàn bảy lần mới đắc quả.

(trích "Đường Vào Nội Tâm" của NS. Thích Nữ Trí Hải)



KHI MÙA HẠ ĐẾN

Lam Khê

Mùa xuân đi qua, hạ cũng vừa đến. Mùa hạ là thời khắc để mưa nắng giao hòa, đất trời rộng mở. Với người tu sĩ, mùa hạ lại khởi đầu cho một mùa an cư kiết hạ. Ba tháng an cư tịnh niệm... thời gian đủ cho người xuất gia tu học có thêm một tuổi hạ, vun bồi tư lương cho cả chặng đường tấn tu đạo nghiệp.

Cảm xúc những ngày đầu hạ thật nhiều băng khuâng mới lạ. Vẫn là mái chùa ấy, với những huynh đệ đồng tu đồng học. Có khác chăng là niềm suy tư trải nghiệm luôn thay đổi theo thời gian cùng sự tu niệm. Đời tu sĩ, ngôi chùa là nơi lưu trú có thể đến đi tùy duyên tùy lúc, nhưng mùa hạ đến, ai lại không mong tìm về một ngôi trụ xứ để được đồng chúng an cư tu tập. Hơn hai ngàn năm qua, mùa an cư kiết hạ đã trở thành truyền thống tâm linh của người con Phật. Mùa hạ còn mang ý nghĩa của sự trở về. Trở về chung sống hòa hợp bên những người đồng đạo yên vui thánh thiện.

Mùa hạ đến, ngoài vài ngôi chùa lớn được chỉ định làm trường hạ tập trung để đại chúng các nơi về an cư tu học; thì những ngôi Tự viện có đông chúng cũng trở thành một điểm an cư kiết hạ tại chỗ. Quy củ thiền môn trong mùa hạ nghiêm ngặt hơn, thời khóa tu niệm nhiều hơn và sự đi lại thì rất hạn chế. Lúc này chuyện học hành thì cứ dể nhẹ bớt, đại chúng chuyên tâm vào việc tụng kinh ngồi thiền lay sấm. Mọi người cùng sách tấn thúc liễm thân tâm, trau dồi giới đức. Mùa hạ là mùa mưa gió, đường phố luôn ngập nước. Hạn chế đi lại để không làm tổn hại đến những sinh linh bé nhỏ trên đường và tránh những tạp duyên vọng niệm chi phối. Thời khóa tu tập dày đặc là vậy, nhưng chư hành giả an cư vẫn tranh thủ tu thêm bất cứ lúc nào rảnh rỗi. Vào giờ chỉ tịnh trưa và tối, chánh điện lúc nào cũng có dăm bảy vị lay sấm trì kinh. Màu y vàng rực trong ánh điện lung linh... làm mát dịu cả không gian nóng bức bên ngoài.

Trường hạ cùng những điểm an cư luôn được chư Tôn Đức quan tâm thăm hỏi. Mùa hè đi liền với những cơn mưa chiều tầm tã, những buổi trưa trời nắng như thiêu như đốt, sự hiện diện của Chư Tôn Đức tạo nên một sinh khí mới, một nguồn sống tâm linh sáng ngời tình yêu thương đạo vị. Quý ngài tham quan thăm viếng vì trách nhiệm của bậc trưởng thượng đối với hàng hậu học, nhưng hơn hết là để sách tấn trợ duyên chúng tu học trong ba tháng hạ. Đời tu sĩ dĩ qua bao mùa hạ lập vẫn mong muốn được chở che dưới bóng mát tàng cây cổ thụ.

Mùa hạ mang ý nghĩa của mảnh đất tâm linh ươm mầm cho cuộc sống đời người lan tỏa. Đây là lúc để hàng tín đồ tỏ bày niềm kính tin hộ trì Tam Bảo. Trụ trì các Tự viện thường hướng dẫn bốn đạo đi hành hương cúng dường các trường hạ và các tu điểm an cư kiết hạ. Cúng dường trường hạ đã trở thành thông lệ hằng năm và người Phật tử trong vai trò hộ pháp luôn sẵn sàng đi bất cứ nơi đâu để được dâng lễ cúng dường chư Tăng Ni tu học. Mùa hạ, các thời khóa tụng niệm ở chùa thường có đông Phật tử. Nhiều chùa còn tổ chức khóa niệm Phật, khóa tụng Kinh Pháp Hoa cho Phật tử hành trì mỗi ngày hoặc theo chu kỳ hằng tuần. Người Phật tử ngày nay không chỉ tu phước, làm công quả, lại còn biết phát huy mọi khả năng tu tập. Tín đồ đến chùa tụng kinh nghe pháp suốt ba tháng hạ với tâm hướng nguyện cầu hạnh phúc bình an cho gia đình cùng chúng sinh muôn loài.

Ba tháng an cư, mỗi ngày sáu thời tụng niệm... Hành giả không quên khởi lòng thành niệm lay tứ ân. Ân Thầy Tổ soi đường dẫn bước. Ân Phụ mẫu sanh thành dưỡng dục. Ân Quốc độ lưu trú an bình. Ân đàn na tín thí... ân thiện hữu tri thức... Và còn biết bao ân nghĩa trong cuộc đời mà người tu sĩ hằng ngày phải thọ dụng. Tri ân để trải nghiệm lòng từ. Tri ân để hồi hướng công đức đến khắp muôn người muôn loài. Tri ân cũng là nhịp cầu kết nối cho cả âm siêu dương thới. Âm siêu dương thịnh, nhịp sống đời thường chan hòa trong ánh đạo từ bi thanh thoát.

Mùa hạ đến rồi sẽ đi qua... Người tu sĩ mang tâm nguyện lợi tha lại tiếp bước trên mọi nẻo đường hoằng duyên hóa đạo.





CHÁNH PHÁP

Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh
Trị sự: ĐĐ. Thích Đồng Trực
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Châu
Chủ biên: Vĩnh Hào

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

LIÊN LẠC:

- **Bài vở:** baivochanhphap@gmail.com
- **Quảng cáo/Phát hành:** (714) 638-0989
- **Chi phiếu ủng hộ,** xin ghi "CHANH PHÁP" và gửi về địa chỉ:

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840 – U.S.A.

Tel.: (714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai hữu duyên trong cả thế giới của trời và người. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: *"Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."*

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.us

Số **27**
7.2011

TĂNG NI VIỆT NAM HẢI NGOẠI

THÔNG BẠCH NGÀY VỀ NGUỒN V LỄ HIỆP KỶ LỊCH ĐẠI TỔ SƯ VÀ ĐẠI GIỚI ĐÀN QUẢNG ĐỨC

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Chư Tôn Trưởng Lão
 Chư Tôn Thiền Đức Tăng Ni Việt Nam hải ngoại,
 Kính thưa quý liệt vị,
 Trong Bày Pháp Bất Thối, Đức Bốn Sư đã ân cần chỉ dạy: "Các Tỳ Kheo cần phải thường xuyên tụ họp và tụ họp đông đảo để giảng luận Chánh Pháp khiến cho có sự hòa hợp trên dưới của các Tỳ Kheo" (Pháp thứ Nhất). "Các Tỳ Kheo sống an trú trên Chánh Niệm tạo thành một cộng đồng sinh động, khiến cho các bạn đồng tu từ những phương khác, nếu chưa đến thì muốn đến, đã đến thì muốn cùng sống và cùng tu tập trong sự an lạc" (Pháp thứ Bảy).

Kính thưa chư Tôn Đức,
 Đã 4 năm qua, chúng ta ở hải ngoại đã cố gắng 4 lần sum họp, trước là Hiệp Kỷ Lịch Đại Tổ sư và Chư Thánh Tử Đạo và sau là có cơ hội gặp gỡ bàn thảo góp ý để xây dựng cùng cố sinh hoạt của Tăng Đoàn mỗi ngày một sinh động và bền chắc như lời của Đức Thế Tôn đã chỉ dạy hơn 25 thế kỷ qua.

Năm nay, 2011, Ngày Hiệp Kỷ Lịch Đại Tổ Sư (Ngày Về Nguồn lần thứ 5) được Đại Tăng ủy nhiệm cho Hòa thượng Thích Tánh Thiệt viện chủ Chùa Thiên Minh (Lyon - Pháp quốc) đứng ra tổ chức. Đồng thời, nhân cơ hội có đầy đủ Chư Tôn Trưởng Lão các Châu chấn tích quang lâm, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu lấy quyết định sẽ tổ chức luôn một Đại Giới Đàn mang tên Quảng Đức để các giới tử xuất gia cũng như tại gia có cơ duyên đặc giới nhờ sự hòa hợp của Tăng Già mười phương.

Hòa Thượng Thích Tánh Thiệt Trưởng Ban Tổ Chức ngày Lễ Hiệp Kỷ Lịch Đại Tổ Sư năm nay được Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu ủy nhiệm luôn Trưởng Ban Kiến Đàn Đại Giới Đàn Quảng Đức 2011. Hòa Thượng Trưởng Ban sẽ gửi đến Chư Tôn Đức thơ cung thỉnh cũng như tất cả văn kiện liên quan đến Lễ Hiệp Kỷ và Đại Giới Đàn. Xin thưa thêm : Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu đã tổ chức Đại Giới Đàn Liễu Quán lần thứ nhứt vào năm 1990. Đây là lần thứ hai, Đại Giới Đàn Quảng Đức cũng tổ chức tại Chùa Thiên Minh (Lyon - Pháp quốc) vào những ngày 8.9.10 và 11/9/2011.

Vậy, xin kính trình Chư Tôn Đức Tăng Ni liễu tri. Và thành tâm Cung Thỉnh Chư Tôn Trưởng Lão, Chư Thiền Đức Tăng Ni quang lâm chứng minh Lễ Hiệp Kỷ và Đại Giới Đàn Quảng Đức năm nay 2011, tại Lyon, Pháp quốc.

Kính cầu nguyện Chư Tôn Đức pháp thể khinh an, huệ đăng thường chiếu, phật sự viên thành.
 Nam Mô Thường Tinh Tấn Bồ Tát Ma Ha Tát.

Bagneux, ngày 07/03/2011

Hòa Thượng Thích Minh Tâm

Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu
 Trưởng Ban Điều Hợp Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại

CHÙA KHÁNH ANH: 14 Av Henri Barbusse. 92220 Bagneux (FRANCE)
 Tél: 01 46 55 84 44. Fax: 01 47 35 59 08. E-mail: khanhanh@free.fr



Địa chỉ tòa soạn:

CHÁNH PHÁP
 803 S. Sullivan Street
 Santa Ana, CA 92704
 Tel.: (714) 571-0473

TO: _____

Báo Chánh Pháp số 27, tháng 7 năm 2011, do HT. Thích Thắng Hoan ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ Hòa thượng. Kính nguyện Hòa thượng pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ.